

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Diệp Hà**

**HẢI PHÒNG – 2023**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN TÀI SẢN  
CỐ ĐỊNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI  
CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN  
VÀ TƯ VẤN IPA**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên: Nguyễn Diệp Hà  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Kim Oanh**

**HẢI PHÒNG – 2023**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Diệp Hà

Mã SV: 1912402010

Lớp : QT2301K

Ngành : Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện quy trình kiểm toán Tài sản cố định trong kiểm toán

Báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

## 1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Tìm hiểu về lý luận và thực trạng quy trình kiểm toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA;
- Đưa ra kiến nghị, giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán Tài sản cố định nói chung và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA nói riêng.

## 2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Bảng cân đối kế toán, bảng cân đối số phát sinh;
- Báo cáo kết quả kinh doanh;
- Sổ cái, sổ chi tiết TK211, 213, 214;
- Sổ tài sản, bảng tính khấu hao tài sản trong kỳ;
- Danh sách chi tiết tài sản cố định tăng/giảm, mua mới, thanh lý, chuyển nhượng,.. trong kỳ theo từng loại và chứng từ liên quan;
- Hồ sơ tài sản cố định: danh mục tài sản cố định phân bổ theo nhóm, biên bản kiểm kê tài sản cố định.
- Giấy tờ làm việc của kiểm toán viên: D700 – Kiểm toán khoản mục tài sản cố định

## 3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA

Địa chỉ: Số Mahattan 05-04, khu đô thị Vinhomes Imperia, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

**Họ và tên** : Phạm Thị Kim Oanh

**Học hàm, học vị** : Thạc sĩ

**Cơ quan công tác** : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

**Nội dung hướng dẫn:** Hoàn thiện quy trình kiểm toán Tài sản cố định trong kiểm toán Báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 27 tháng 03 năm 2023

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 17 tháng 06 năm 2023

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Giảng viên hướng dẫn*

Nguyễn Diệp Hà

ThS. Phạm Thị Kim Oanh

*Hải Phòng, ngày tháng năm 2023*

**XÁC NHẬN CỦA KHOA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP**

Họ và tên giảng viên: Phạm Thị Kim Oanh  
Đơn vị công tác: Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng  
Họ và tên sinh viên: Nguyễn Diệp Hà  
Chuyên ngành: Kế toán – Kiểm toán  
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện quy trình kiểm toán TSCĐ trong kiểm toán BCTC tại Công ty TNHH Hãng kiểm toán và tư vấn IPA  
Nội dung hướng dẫn: Kiểm toán TSCĐ

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp**

- Nghiêm túc, ham học hỏi trong quá trình viết khóa luận tốt nghiệp
- Đảm bảo đúng yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu của đề tài kiểm toán TSCĐ
- Chăm chỉ, chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tiễn, thu thập tài liệu liên quan và đề xuất được các giải pháp góp phần hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

**2. Đánh giá chất lượng của đề án/ khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)**

- Tác giả đã hệ thống hóa được lý luận về công tác kiểm toán TSCĐ
- Mô tả và phân tích được thực trạng công tác kiểm toán TSCĐ do Công ty TNHH Hãng kiểm toán và tư vấn IPA thực hiện.
- Những kiến nghị, đề xuất gắn với thực tiễn giúp hoàn thiện công tác kiểm toán tại đơn vị.

**3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp**

Được bảo vệ  Không được bảo vệ  Điểm hướng dẫn

*Hải Phòng, ngày 19 tháng 06 năm 2023*  
**Giảng viên hướng dẫn**

## **DANH MỤC HÌNH ẢNH**

Hình 1: Logo Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA..... 35

## **DANH MỤC SƠ ĐỒ**

Sơ đồ 1: Kế toán TSCĐ hữu hình (TK211) .....	13
Sơ đồ 2: Kế toán TSCĐ vô hình (TK213) .....	14
Sơ đồ 3: Kế toán khấu hao TSCĐ (TK214).....	16
Sơ đồ 4: Đánh giá mức độ trọng yếu với khoản mục TSCĐ .....	25
Sơ đồ 5: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA.....	38



## **DANH MỤC BẢNG BIỂU**

Bảng 1: Mục tiêu kiểm toán đối với nghiệp vụ về TSCĐ.....	21
Bảng 2: Mục tiêu kiểm toán đối với số dư TSCĐ.....	22
Bảng 3: WP.D730.1 - Mục tiêu kiểm toán.....	55
Bảng 4: WP.D730.2 - Kế hoạch kiểm toán.....	61
Bảng 5: WP.D741 - Phân tích biến động TSCĐ.....	64
Bảng 6: WP.D740.1 - Tổng hợp số dư tài khoản.....	67
Bảng 7: WP.D740.2 - Kiểm tra đối ứng bất thường .....	68
Bảng 8: WP.D742 - Kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ tăng TSCĐ .....	71
Bảng 9: WP.D743 – Kiểm tra chi tiết nghiệp vụ giảm TSCĐ .....	73
Bảng 10: WP. D744 - Kiểm tra khấu hao TSCĐ .....	79
Bảng 11: WP.D740 - Thuyết minh TSCĐ trong kỳ theo từng nhóm .....	80
Bảng 12: WP.D720 – Kiểm tra chính sách .....	103
Bảng 13: WP.D745 – Kiểm kê tài sản .....	104

MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	5
1. <i>Tính cấp thiết của đề tài:</i> .....	5
2. <i>Mục đích nghiên cứu:</i> .....	5
3. <i>Câu hỏi nghiên cứu:</i> .....	6
4. <i>Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:</i> .....	6
5. <i>Phương pháp nghiên cứu:</i> .....	6
6. <i>Nội dung của khoá luận:</i> .....	7
<b>CHƯƠNG 1</b> .....	9
<b>LÝ LUẬN CHUNG VỀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b> .....	9
1.1. <i>Đặc điểm của tài sản cố định:</i> .....	9
1.1.1. <b>Khái niệm và phân loại tài sản cố định:</b> .....	9
1.1.1.1. <i>Khái niệm:</i> .....	9
1.1.1.2. <i>Phân loại:</i> .....	10
1.1.1.3. <i>Khấu hao TSCĐ:</i> .....	11
1.1.2. <b>Kế toán tài sản cố định:</b> .....	11
1.1.2.1. <i>Tài khoản sử dụng:</i> .....	11
1.1.2.2. <i>Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ:</i> .....	12
1.1.2.3. <i>Nguyên tắc khấu hao TSCĐ:</i> .....	15
1.1.2.4. <i>Nguyên tắc dừng ghi nhận TSCĐ:</i> .....	16
1.1.3. <b>Kiểm soát đối với tài sản cố định:</b> .....	17
1.1.4. <b>Các sai phạm thường gặp đối với tài sản cố định:</b> .....	17
1.2. <i>Kiểm toán tài sản cố định trong kiểm toán Báo cáo tài chính:</i> .....	19
1.2.1. <b>Mục tiêu kiểm toán khoản mục tài sản cố định:</b> .....	19
1.2.2. <b>Đặc điểm tài sản cố định ảnh hưởng đến quy trình kiểm toán:</b> .	22
1.2.3. <b>Quy trình kiểm toán tài sản cố định:</b> .....	23
1.2.3.1. <i>Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán:</i> .....	23
1.2.3.2. <i>Giai đoạn thực hiện kiểm toán:</i> .....	27
1.2.3.3. <i>Giai đoạn kết thúc kiểm toán:</i> .....	32
<b>CHƯƠNG 2</b> .....	35

<b>THỰC TRẠNG QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN IPA THỰC HIỆN.....</b>	<b>35</b>
<b>2. 1. Tổng quan về Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA.....</b>	<b>35</b>
<b>2.1.1. Thông tin công ty: .....</b>	<b>35</b>
<b>2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty: .....</b>	<b>36</b>
<b>2.1.3. Lĩnh vực hoạt động của công ty:.....</b>	<b>37</b>
<b>2.1.4. Cơ cấu tổ chức của Công ty: .....</b>	<b>38</b>
<b>2. 2. Đặc điểm tổ chức công tác kiểm toán do Công ty TNHH hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA thực hiện .....</b>	<b>39</b>
<b>2.2.1. Quy trình kiểm toán: .....</b>	<b>39</b>
<b>2.2.2. Hồ sơ kiểm toán:.....</b>	<b>40</b>
<b>2.2.3. Đánh giá mức trọng yếu:.....</b>	<b>41</b>
<b>2.2.4. Quy trình kiểm soát chất lượng:.....</b>	<b>42</b>
<b>2. 3. Quy trình kiểm toán Tài sản cố định trong các cuộc kiểm toán tài chính do công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA thực hiện:.....</b>	<b>42</b>
<b>2.3.1. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán:.....</b>	<b>43</b>
2.3.1.1. Trao đổi thông tin với khách hàng: .....	43
2.3.1.2. Nghiên cứu tình hình kinh doanh của khách hàng: .....	43
2.3.1.3. Tìm hiểu về TSCĐ của công ty khách hàng:.....	44
2.3.1.4. Đánh giá trọng yếu và rủi ro: .....	46
2.3.1.5. Lập chương trình kiểm toán: .....	46
<b>2.3.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán: .....</b>	<b>48</b>
2.3.2.1. Đánh giá KSNB đối với TSCĐ: .....	48
2.3.2.2. Thực hiện thủ tục phân tích: .....	48
2.3.2.3. Thực hiện kiểm tra chi tiết: .....	49
<b>2.3.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán:.....</b>	<b>50</b>
2.3.3.1. Soát xét các giấy tờ làm việc và đánh giá kết quả:.....	50
2.3.3.2. Xem xét những sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo:.....	51
2.3.3.3. Phát hành Báo cáo kiểm toán:.....	51
<b>2. 4. Quy trình kiểm toán Tài sản cố định trong kiểm toán Báo cáo tài chính do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA thực hiện tại công ty Cổ phần Công nghiệp Nhựa Chín Huei:.....</b>	<b>51</b>
<b>2.4.1. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán:.....</b>	<b>51</b>

2.4.1.1.	Thông tin khách hàng: .....	51
2.4.1.2.	Hệ thống kế toán của công ty: .....	52
2.4.1.3.	Hệ thống kiểm soát nội bộ: .....	53
2.4.1.4.	Xác định mức trọng yếu và đánh giá rủi ro:.....	53
2.4.1.5.	Thiết kế chương trình kiểm toán: .....	54
<b>2.4.2.</b>	<b>Giai đoạn thực hiện kiểm toán: .....</b>	<b>62</b>
2.4.2.1.	Phân tích biến động: .....	62
2.4.2.1.	Kiểm tra chi tiết nghiệp vụ, số dư tài khoản:.....	65
	Thủ tục 1: Lập bảng tổng hợp TSCĐ và đối chiếu số dư: .....	65
	Thủ tục 2: Kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ bất thường: .....	67
	Thủ tục 3 : Kiểm tra chi tiết nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ: .....	69
	Thủ tục 4: Kiểm tra hao mòn TSCĐ:.....	74
	Thủ tục 5: Thuyết minh TSCĐ theo từng nhóm: .....	79
<b>2.4.3.</b>	<b>Giai đoạn kết thúc kiểm toán:.....</b>	<b>81</b>
<b>CHƯƠNG 3</b>	.....	<b>82</b>
<b>KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN IPA THỰC HIỆN</b>	.....	<b>82</b>
<b>3.1.</b>	<b>Đánh giá thực trạng quy trình kiểm toán tài sản cố định trong kiểm toán báo cáo tài chính do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA thực hiện: .....</b>	<b>82</b>
<b>3.1.1.</b>	<b>Ưu điểm:.....</b>	<b>82</b>
3.1.1.1.	Tổ chức công tác kiểm toán linh hoạt: .....	82
3.1.1.2.	Phương pháp kiểm toán dựa trên rủi ro: .....	83
3.1.1.3.	Lưu trữ hồ sơ kiểm toán:.....	83
3.1.1.4.	Giấy tờ, mẫu biểu kiểm toán sử dụng: .....	84
3.1.1.5.	Thu thập bằng chứng kiểm toán: .....	84
3.1.1.6.	Công tác kiểm soát chất lượng: .....	84
<b>3.1.2.</b>	<b>Hạn chế: .....</b>	<b>85</b>
3.1.2.1.	Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán: .....	85
	❖ Xác định mức rủi ro, trọng yếu:.....	85
	❖ Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng: .....	85
3.1.2.2.	Giai đoạn thực hiện kiểm toán: .....	86

❖ Thực hiện kiểm kê: .....	86
❖ Chưa sử dụng ý kiến chuyên gia: .....	87
❖ Chưa áp dụng phần mềm kiểm toán: .....	87
3.1.2.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán: .....	87
❖ Việc hoàn thiện phần làm việc: .....	87
<b>3.2. Giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán Tài sản cố định trong kiểm toán Báo cáo tài chính do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA thực hiện</b> .....	<b>88</b>
<b>3.2.1. Giải pháp về nguồn nhân lực:</b> .....	<b>88</b>
<b>3.2.2. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán:</b> .....	<b>89</b>
3.2.2.1. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng: .....	89
3.2.2.2. Đánh giá trọng yếu và rủi ro: .....	90
<b>3.2.3. Giai đoạn thực hiện kiểm toán:</b> .....	<b>90</b>
3.2.1. Hoàn thiện thủ tục kiểm kê khi thực hiện kiểm toán: .....	90
3.2.2. Sử dụng ý kiến chuyên gia: .....	91
3.2.3. Sử dụng phần mềm kiểm toán: .....	92
<b>3.2.4. Giai đoạn kết thúc kiểm toán:</b> .....	<b>92</b>
3.2.4.1. Hoàn thiện phần làm việc: .....	92
<b>3.3. Kiến nghị thực hiện:</b> .....	<b>92</b>
<b>3.3.1. Đối với Nhà nước:</b> .....	<b>92</b>
<b>3.3.2. Đối với hiệp hội nghề nghiệp:</b> .....	<b>93</b>
<b>3.3.3. Đối với Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA:</b> .....	<b>94</b>
<b>3.3.4. Đối với kiểm toán viên:</b> .....	<b>95</b>
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>96</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>98</b>
<b>PHỤ LỤC</b> .....	<b>99</b>
1. Phụ lục 1: Khung thời gian trích khấu hao các loại Tài sản cố định: .....	99
2. Phụ lục 2: Một số giấy tờ làm việc (WP) khác của kiểm toán viên: .....	103

## MỞ ĐẦU

### 1. *Tính cấp thiết của đề tài:*

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang dần hội nhập, trung thực hóa các thông tin tài chính là một yêu cầu quan trọng và tất yếu cho sự phát triển bền vững của bất kỳ doanh nghiệp nào. Vì thế, ngành kiểm toán độc lập ra đời như một bên thứ ba trung gian thực hiện kiểm tra, soát xét và đưa ra các ý kiến đánh giá, tư vấn về đối tượng, vấn đề được kiểm toán.

Về cơ sở lý thuyết, TSCĐ và khấu hao TSCĐ là một khoản mục trọng yếu, chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp. TSCĐ không chỉ thể hiện quy mô, năng lực sản xuất, khả năng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất mà còn thể hiện tiềm năng phát triển của doanh nghiệp trong tương lai. Các nghiệp vụ phát sinh trong năm liên quan tới khoản mục TSCĐ thường không nhiều nhưng mang giá trị lớn, tiềm ẩn nhiều sai sót trọng yếu, ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị. Do đó, việc ghi nhận TSCĐ và tính khấu hao TSCĐ phải hợp lý và việc kiểm toán khoản mục này cũng đòi hỏi sự chính xác cao.

Trên cơ sở thực tiễn, khoản mục TSCĐ là một khoản mục không dễ để kiểm toán. Việc lên bảng tính toán lại khấu hao, kiểm tra hồ sơ chứng từ mất rất nhiều thời gian để thực hiện, nhất là với những người mới tiếp xúc với khoản mục này. Xây dựng hoàn thiện được quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ sẽ giúp người thực hiện biết bố trí thời gian công việc, tăng hiệu quả làm việc, giảm rủi ro kiểm toán đáng kể.

Hiểu được vai trò quan trọng của kiểm toán khoản mục TSCĐ trong kiểm toán BCTC, cùng với các kiến thức học hỏi được khi còn ngồi trên ghế nhà trường và một phần hiểu biết thực tiễn trong thời gian thực tập tại công ty IPA, em quyết định chọn đề tài: ***“Hoàn thiện quy trình kiểm toán Tài sản cố định trong kiểm toán Báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA”*** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

### 2. *Mục đích nghiên cứu:*

- Thứ nhất: Hệ thống lại những kiến thức cơ bản, quy định pháp lý về khoản mục TSCĐ cũng như quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ để làm cơ sở lý thuyết, tăng sức thuyết phục cho bài luận.
- Thứ hai: Giúp người đọc tiếp cận gần hơn với thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ do công ty IPA thực hiện thông qua việc phân tích quy trình thực tế của công ty.
- Thứ ba: Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ của công ty IPA nói riêng và ngành kiểm toán nói chung bằng việc đưa ra những nhận xét, đánh giá và một số kiến nghị dựa trên tình hình thực tiễn.
- Thứ tư: Giúp các sinh viên và những người có sự quan tâm tới ngành kiểm toán có được cái nhìn cụ thể về công việc phải thực hiện của một KTV/ trợ lý KTV, đặc biệt là trong việc kiểm toán khoản mục TSCĐ để tránh sự ngỡ ngàng, khó khăn khi lần đầu tham gia nhóm kiểm toán.

### **3. Câu hỏi nghiên cứu:**

- Thực trạng quy trình kiểm toán TSCĐ trong kiểm toán BCTC do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA thực hiện
  - Những ưu điểm và hạn chế trong quá trình kiểm toán của công ty
  - Một số đề xuất để hoàn thiện quy trình kiểm toán TSCĐ trong kiểm toán BCTC của Công ty IPA nói riêng và ngành kiểm toán nói chung

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:**

- Đối tượng nghiên cứu: Quy trình kiểm toán TSCĐ trong kiểm toán BCTC do Công ty IPA thực hiện.
- Phạm vi nghiên cứu: Quy trình kiểm toán TSCĐ do Công ty IPA thực hiện, thông qua đối tượng khách hàng cụ thể là Công ty Cổ phần Công nghiệp Nhựa Chin Huei trong giai đoạn kiểm toán BCTC 31/12/2022.

### **5. Phương pháp nghiên cứu:**

- Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý thuyết: Phương pháp tổng hợp lý thuyết, phân tích, so sánh đối chiếu và khái quát vấn đề.

Trong công trình này, dựa vào chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam; chuẩn mực Kế toán Việt Nam và một số các thông tư, nghị định liên quan em sẽ tiến hành tổng

hợp lý thuyết về TSCĐ và quy trình kiểm toán chung dành cho khoản mục TSCĐ một cách trọng tâm và khoa học. Tiến hành so sánh và phân tích quy trình kiểm toán chung của đơn vị em thực tập với quy trình chung theo quy định.

- Nhóm các phương pháp thực tiễn: Dựa trên việc tham khảo hồ sơ kiểm toán của công ty, đưa ra ví dụ về quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ tại một khách hàng cụ thể bằng kinh nghiệm thực tiễn tích lũy được trong quá trình trực tiếp tham gia cuộc kiểm toán.

Trong khoảng thời gian 3 tháng thực tập tại công ty, cùng với việc thường xuyên trực tiếp thực hiện kiểm toán khoản mục TSCĐ trong kiểm toán BCTC, em nhận thấy mỗi đơn vị được kiểm toán đều có các đặc điểm khác nhau, ngành nghề kinh doanh khác nhau, vì vậy những sai sót mà họ hay gặp phải cũng sẽ khác nhau. Mỗi một cuộc kiểm toán em lại tích lũy được những kinh nghiệm mới, những lưu ý mới khi kiểm toán khoản mục TSCĐ. Bằng phương pháp đưa ra ví dụ thực tiễn về một khách hàng quen thuộc của công ty là Công ty Cổ phần Công Nghiệp Nhựa Chin Huei, em sẽ trình bày từng thủ tục kiểm toán khoản mục TSCĐ theo quy trình chung của công ty, đưa ra nhận xét về những ưu và nhược điểm từ đó đưa ra một vài giải pháp khắc phục.

#### **6. Nội dung của khoá luận:**

- Chương 1: Lý luận chung về quy trình kiểm toán Tài sản cố định trong kiểm toán Báo cáo tài chính.

- Chương 2: Thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định trong kiểm toán Báo cáo tài chính do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA thực hiện.

- Chương 3: Kiến nghị hoàn thiện quy trình kiểm toán Tài sản cố định trong kiểm toán Báo cáo tài chính do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA thực hiện.

Vì khoảng thời gian thực tập tại đơn vị có hạn và những kinh nghiệm, kiến thức em tích lũy được chưa nhiều nên bài khóa luận này sẽ không tránh khỏi những hạn chế nhất định. Em kính mong các thầy cô trong khoa Kế toán - Kiểm toán đưa ra các ý kiến đánh giá để giúp bài luận của em hoàn thiện hơn.



Em xin chân thành cảm ơn!

**CHƯƠNG 1****LÝ LUẬN CHUNG VỀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH  
TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1.1. Đặc điểm của tài sản cố định:****1.1.1. Khái niệm và phân loại tài sản cố định:****1.1.1.1. *Khái niệm:***

Nội dung liên quan đến TSCĐ được quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính Việt Nam ban hành và áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

TSCĐ hữu hình trong doanh nghiệp là những tư liệu lao động chủ yếu, những tài sản khác có giá trị lớn tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh và giá trị của nó được chuyển dịch dần dần, từng phần vào giá trị sản phẩm, dịch vụ được sản xuất ra trong chu kỳ sản xuất.

Cụ thể, theo như Chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS số 03 về TSCĐ hữu hình: “TSCĐ hữu hình là những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ hữu hình”.

Ngược lại, TSCĐ vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị và do doanh nghiệp nắm giữ, sử dụng trong sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình quy định tại Chuẩn mực kế toán 04.

Tài sản được ghi nhận là TSCĐ phải thỏa mãn đồng thời cả bốn (04) tiêu chí:

- Thu được lợi ích trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- Nguyên giá tài sản được xác định một cách đáng tin cậy;
- Thời gian sử dụng ước tính trên một năm;
- Đáp ứng đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

Tiêu chuẩn về giá trị TSCĐ ở Việt Nam đã nhiều lần thay đổi. Theo văn bản mới nhất về TSCĐ – Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài Chính quy định về giá trị TSCĐ tại khoản 1, điều 3: “Nguyên giá tài sản phải

được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trở lên”.

*1.1.1.2. Phân loại:*

❖ Đối với TSCĐ hữu hình, doanh nghiệp được phân loại theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT - BTC:

- Loại 1: Nhà cửa, vật kiến trúc: là TSCĐ của doanh nghiệp được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như trụ sở làm việc, nhà kho, hàng rào, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí cho nhà cửa, đường xá, cầu cống, đường sắt, đường băng sân bay, cầu tàu, cầu cảng, ụ triển đà (ụ để phục vụ việc hạ thủy tàu).

- Loại 2: Máy móc, thiết bị: là toàn bộ các loại máy móc, thiết bị dùng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác, giàn khoan trong lĩnh vực dầu khí, cần cẩu, dây truyền công nghệ, những máy móc đơn lẻ.

- Loại 3: Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn: là các loại phương tiện vận tải gồm phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, đường bộ, đường không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn như hệ thống thông tin, hệ thống điện, đường ống nước, băng tải.

- Loại 4: Thiết bị, dụng cụ quản lý: là những thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy vi tính phục vụ quản lý, thiết bị điện tử, thiết bị, dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng, máy hút ẩm, hút bụi, chống mối mọt.

- Loại 5: Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm: là các vườn cây lâu năm như vườn cà phê, vườn chè, vườn cao su, vườn cây ăn quả, thảm cỏ, thảm cây xanh...; súc vật làm việc và/ hoặc cho sản phẩm như đàn voi, đàn ngựa, đàn trâu, đàn bò...

- Loại 6: Các loại TSCĐ khác: là toàn bộ các TSCĐ khác chưa liệt kê vào năm loại trên như tranh ảnh, tác phẩm nghệ thuật.

❖ TSCĐ vô hình bao gồm các loại sau:

- Quyền sử dụng đất: là quyền của các chủ thể được khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi ích từ việc sử dụng đất được Nhà nước giao, cho thuê hoặc được

chuyển giao từ chủ thể khác thông qua việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho...

- Quyền phát hành
- Bản quyền, bằng sáng chế
- Nhãn hiệu, tên thương mại
- Chương trình, phần mềm
- Giấy phép và giấy phép nhượng quyền
- TSCĐ vô hình khác

**1.1.1.3. Khấu hao TSCĐ:**

- Khấu hao TSCĐ là việc giảm dần giá trị sử dụng và giá trị TSCĐ do tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh, do thiên nhiên xói mòn, do tiến bộ kỹ thuật... trong quá trình hoạt động của tài sản.

- Khấu hao lũy kế của TSCĐ: là tổng giá trị khấu hao của TSCĐ tính đến thời điểm báo cáo .

- Khấu hao TSCĐ là việc tính toán và phân phối có hệ thống giá gốc của TSCĐ vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong thời kỳ khấu hao TSCĐ.

**1.1.2. Kế toán tài sản cố định:**

**1.1.2.1. Tài khoản sử dụng:**

❖ TK 211: TSCĐ hữu hình:

- 2111: Nhà cửa, vật kiến trúc
- 2112: Máy móc, thiết bị
- 2113: Phương tiện vận tải, truyền dẫn
- 2114: Thiết bị, dụng cụ quản lý
- 2115: Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm
- 2118: TSCĐ khác

❖ TK 213: TSCĐ vô hình:

- 2131: Quyền sử dụng đất
- 2132: Quyền phát hành
- 2133: Bản quyền, bằng sáng chế
- 2134: Nhãn hiệu, tên thương mại

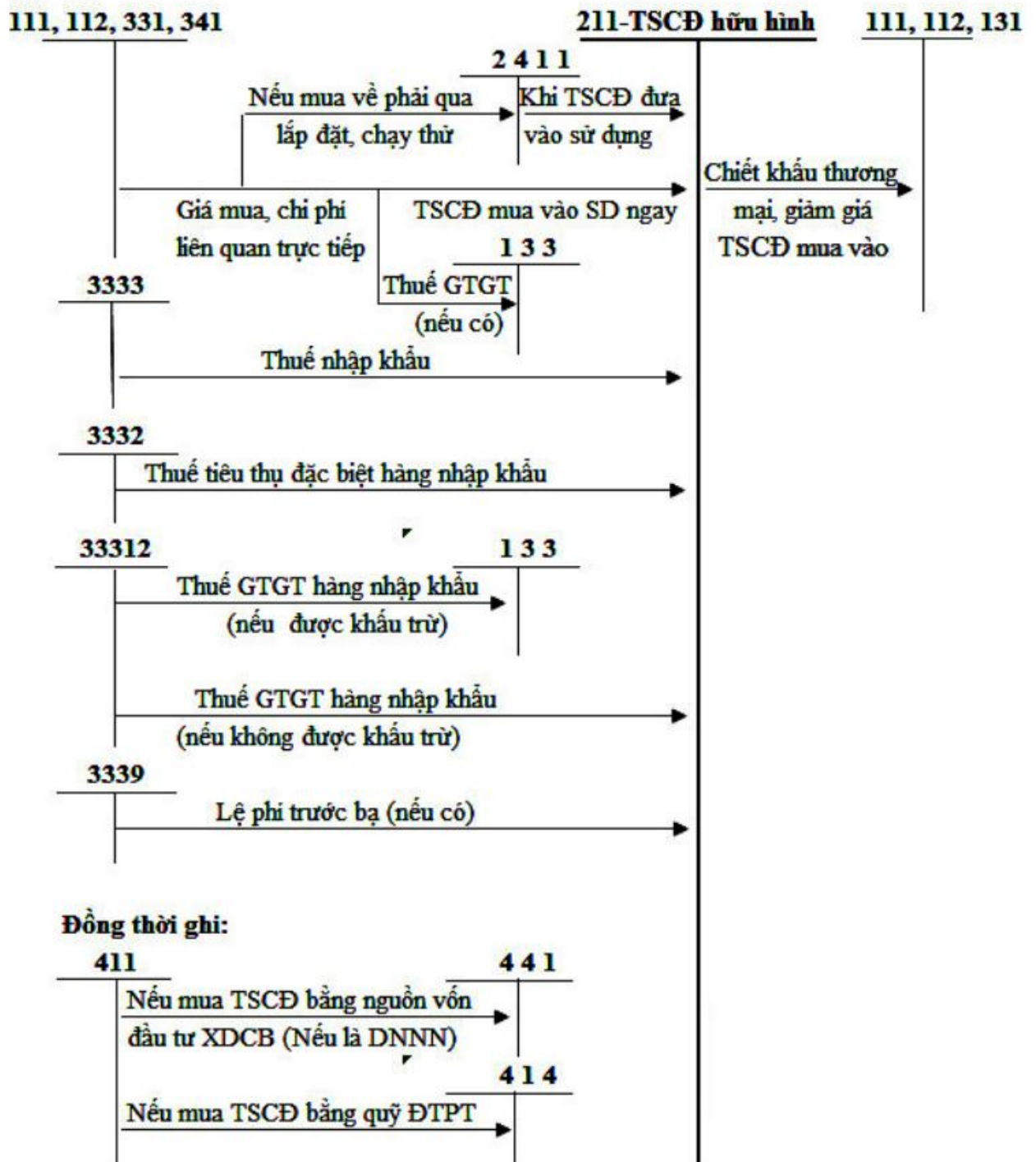
- 2135: Chương trình, phần mềm
- 2136: Giấy phép và giấy phép nhượng quyền
- 2138: TSCĐ vô hình khác
- ❖ TK 214: Khấu hao TSCĐ
- 2141: Hao mòn TSCĐ hữu hình
- 2143: Hao mòn TSCĐ vô hình

*1.1.2.2. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ:*

TSCĐ được ghi nhận theo giá gốc. Trong thời gian sử dụng, TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

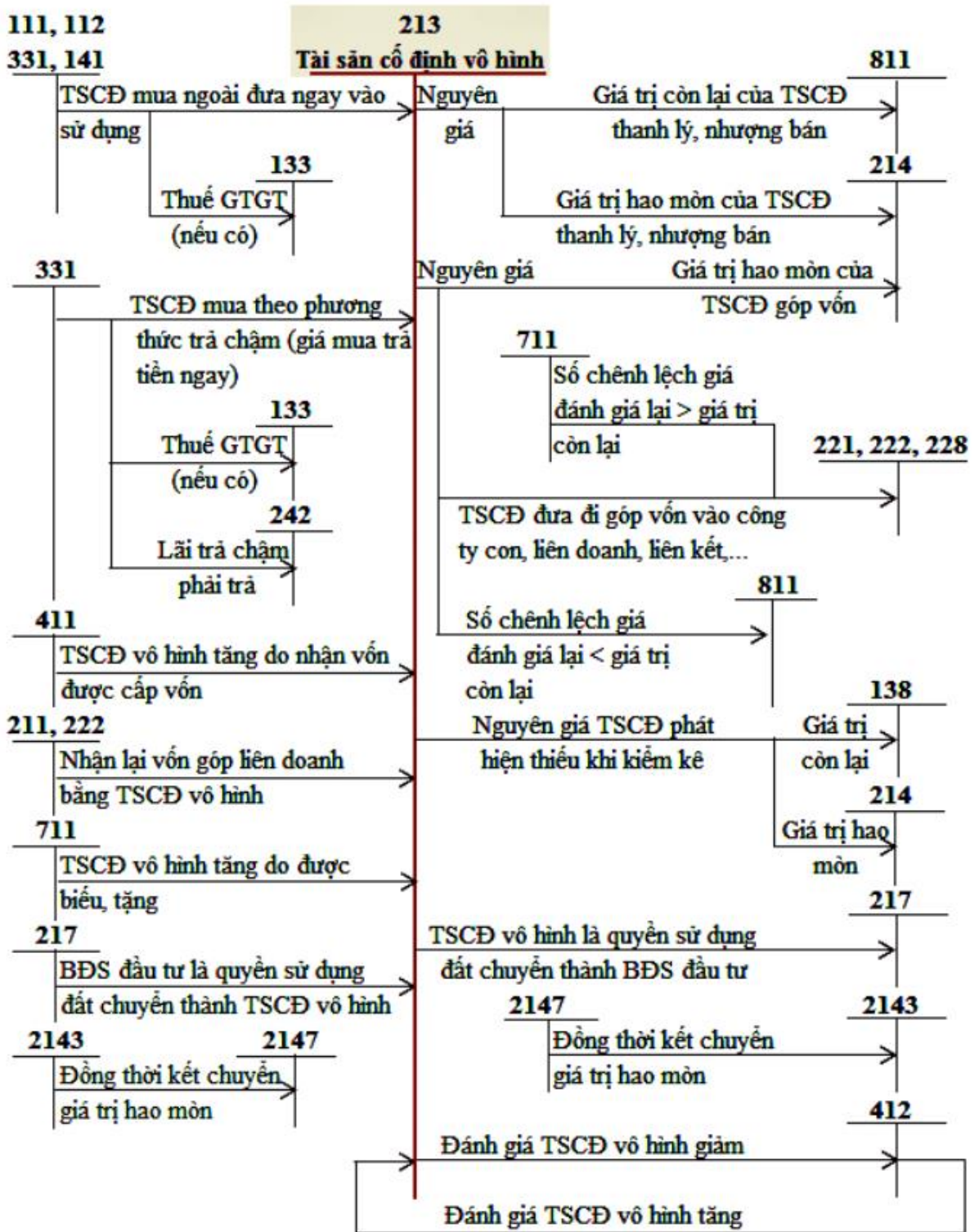
VAS quy định cách xác định nguyên giá TSCĐ mua sắm bao gồm giá mua thực tế (trừ các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như: Chi phí chuẩn bị mặt bằng; Chi phí vận chuyển và bốc xếp ban đầu; Chi phí lắp đặt, chạy thử (trừ các khoản thu hồi về sản phẩm, phế liệu do chạy thử); Chi phí chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Nguyên giá} & = & \text{Giá mua} & + & \text{Các khoản} & + & \text{Các chi phí liên} \\ \text{TSCĐ} & & \text{thực tế} & & \text{thuế} & & \text{quan trực tiếp} \end{array}$$



Sơ đồ 1: Kế toán TSCĐ hữu hình (TK211)

**KẾ TOÁN TỔNG HỢP TĂNG, GIẢM TSCĐ VÔ HÌNH**



Sơ đồ 2: Kế toán TSCĐ vô hình (TK213)

### 1.1.2.3. Nguyên tắc khấu hao TSCĐ:

#### ❖ Giá trị tính khấu hao và kì để tính khấu hao:

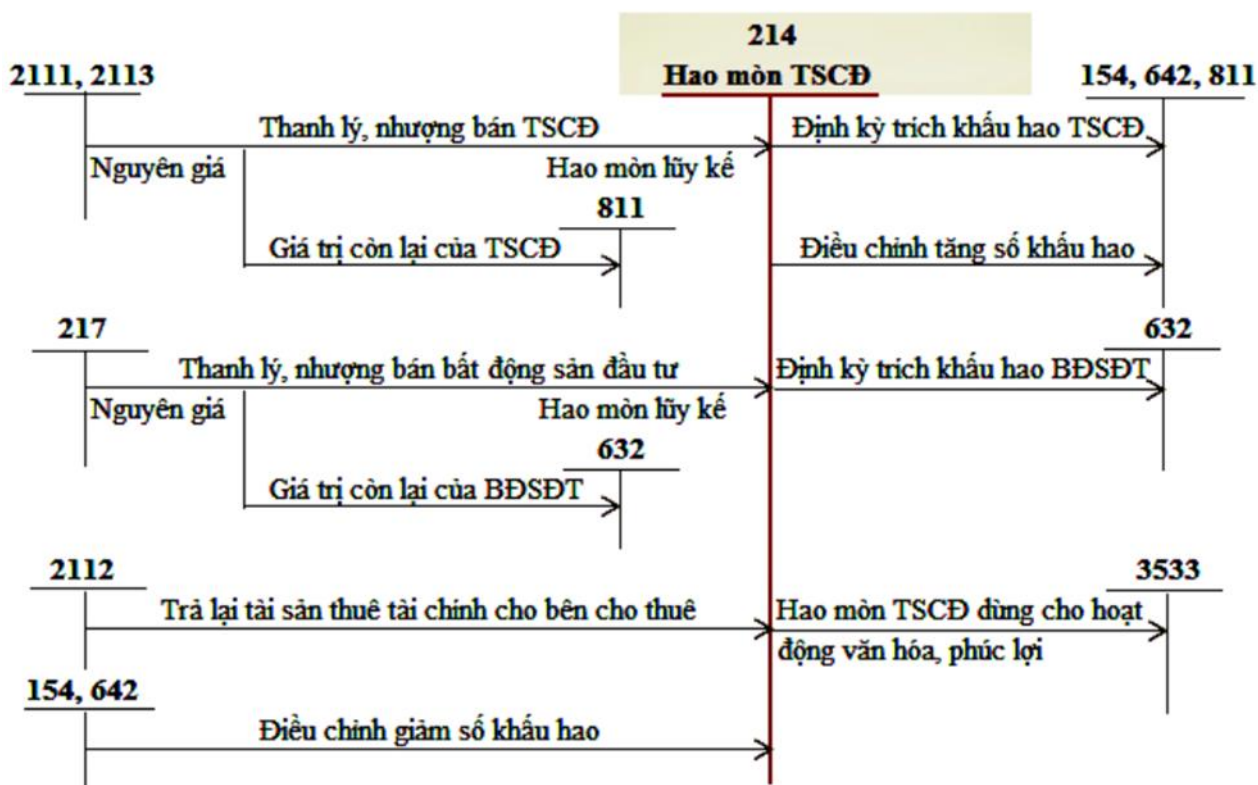
Để xác định giá trị tính khấu hao điều quan trọng là phải xét thời gian hữu ích của tài sản. Đó là ước tính của nhà quản lí, dựa trên mức độ sử dụng tài sản và những thay đổi trong tương lai đối với tài sản đó. Một số nhân tố ảnh hưởng đến việc xác định thời gian sử dụng hữu ích như: Mức độ sử dụng ước tính của tài sản, mức độ hao mòn và những hư hỏng vật lí dự kiến, mức độ lỗi thời, những giới hạn về mặt pháp lí,.. Ngoài ra, VAS quy định khung thời gian khấu hao đối với các nhóm TSCĐ cụ thể (theo Thông tư 45/2013/TT-BTC).

#### ❖ Phương pháp khấu hao:

- Phương pháp khấu hao đường thẳng: số khấu hao hằng năm không thay đổi trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.
- Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần: số khấu hao hằng năm giảm dần trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.
- Phương pháp khấu hao theo số lượng sản phẩm: dựa trên tổng số đơn vị sản phẩm ước tính tài sản có thể tạo ra. Phương pháp này được áp dụng thống nhất các kỳ, trừ khi có một thay đổi các mô hình dự kiến sẽ tiêu thụ những lợi ích kinh tế trong tương lai.

Doanh nghiệp có thể tự quyết định phương pháp và thời gian trích khấu hao TSCĐ theo quy định tại Thông tư 45 và thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý trước khi bắt đầu thực hiện.





**Sơ đồ 3: Kế toán khấu hao TSCĐ (TK214)**

**1.1.2.4. Nguyên tắc dừng ghi nhận TSCĐ:**

Việc ghi nhận một tài sản là dựa trên một điều kiện quan trọng đó là tài sản đó phải mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai nên khi xóa sổ tài sản thì việc xóa sổ lại dựa trên điều kiện ngược lại đó là tài sản đó sẽ không mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai.

Khi tiến hành thanh lý, nhượng bán thì lãi hay lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa thu nhập với chi phí thanh lý, nhượng bán cộng giá trị còn lại của tài sản cố định. Số lãi, lỗ này được ghi nhận là một khoản thu nhập hay chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Về bản chất thì hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định không phải là hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp nên không thể ghi nhận các khoản thu được từ việc thanh lý, nhượng bán vào doanh thu. Nên theo đoạn 68 IAS 16 và 38 của VAS 03 thì lãi hay lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản không được phân loại như là một khoản doanh thu hay chi phí trong kỳ mà được ghi nhận như là một khoản thu nhập khác theo đúng bản chất của nghiệp vụ.

**1.1.3. Kiểm soát đối với tài sản cố định:**

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm mục đích phục vụ tốt cho quá trình quản lý, giúp nhà quản lý có thể dễ dàng có được đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin về TSCĐ của đơn vị, doanh nghiệp cần phải xây dựng nên một quy trình kiểm soát chặt chẽ về cả giá trị và hiện vật của TSCĐ:

- Hàng năm, trước mỗi kỳ kế toán, doanh nghiệp cần dựa trên thông tin về nhu cầu sản xuất trong năm tới kết hợp với năng lực sản xuất hiện tại của TSCĐ mà doanh nghiệp đang sở hữu để từ đó lập ra được dự toán ngân sách cho TSCĐ trong năm sau. Về cơ bản, dự toán cần bao quát được các phương án liên quan đến kế hoạch mua sắm, thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các nguồn vốn để tài trợ cho những kế hoạch này.

- Doanh nghiệp cần phân định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân trong việc quản lý TSCĐ. Lấy ví dụ: các kế hoạch mua sắm, thanh lý, nhượng bán trước tiên phải được đề đạt lên từ những bộ phận, cá nhân liên quan trực tiếp đến việc sử dụng TSCĐ nhằm đảm bảo chúng thực sự được xây dựng dựa trên nhu cầu có thực của đơn vị. Các kế hoạch này sau đó cần trải qua quy trình xét duyệt của những phòng, ban có thẩm quyền phù hợp trước khi có thể trình bên Ban Giám đốc để xin phê duyệt.

- Định kỳ hàng quý, hàng năm hoặc tùy theo kế hoạch đột xuất từ phía nhà quản lý, doanh nghiệp cần tiến hành kiểm kê TSCĐ với sự tham gia của bộ phận kế toán và bộ phận thủ kho chịu trách nhiệm trông coi; đối chiếu số liệu thực tế với số liệu trên sổ sách; đánh giá lại tình hình hoạt động của tài sản để xử lý các trường hợp hỏng hóc, cũng như tiến hành phân loại lại các TSCĐ không sử dụng, chờ thanh lý hay đã hết khấu hao. Kết thúc quá trình kiểm kê cần lập biên bản kiểm kê của từng bộ phận và báo cáo kết quả kiểm kê chung toàn đơn vị. Toàn bộ giấy tờ, tài liệu, liên quan đến quá trình kiểm kê phải được lưu giữ tại phòng kế toán.

**1.1.4. Các sai phạm thường gặp đối với tài sản cố định:**

- Quản lý TSCĐ chưa chặt chẽ: hồ sơ TSCĐ chưa đầy đủ, TSCĐ vẫn chưa chuyển quyền sở hữu cho đơn vị nhưng đã ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán; không có sổ, thẻ chi tiết cho từng TSCĐ.

- Không tiến hành kiểm kê TSCĐ cuối kì, biên bản kiểm kê không phân loại TSCĐ không sử dụng, chờ thanh lý, đã hết khấu hao. Số chênh lệch trên sổ sách so với biên bản kiểm kê chưa được xử lý.
- Chứng từ liên quan đến TSCĐ bị lưu chung với chứng từ kế toán khác.
- TSCĐ đưa vào sử dụng thiếu biên bản bàn giao, biên bản giao nhận.
- Hạch toán tăng TSCĐ chưa kịp thời theo biên bản bàn giao (hạch toán không đúng kì).
- Hạch toán tăng TSCĐ khi chưa có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ: quyết toán công trình, biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng...
- Không theo dõi sổ chi tiết nguồn vốn hình thành TSCĐ; không theo dõi riêng các TSCĐ đem cầm cố, thế chấp.
- Chênh lệch nguyên giá, khấu hao lũy kế giữa bảng cân đối số phát sinh, sổ cái, sổ chi tiết.
- Phân loại sai: tài sản không đủ chỉ tiêu ghi nhận TSCĐ nhưng vẫn ghi nhận là TSCĐ, hạch toán nhầm TSCĐ và Tài sản cố định vô hình.
- Hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ những nội dung không đúng chế độ quy định: ghi vào nguyên giá TSCĐ các chi phí phát sinh khi TSCĐ đã đưa vào sử dụng như chi phí lãi vay không được vốn hóa; chi phí sửa chữa lớn TSCĐ không mang tính nâng cấp, không làm tăng công suất hoặc thời gian sử dụng; ghi tăng nguyên giá không đúng với biên bản bàn giao, nghiệm thu...
- Chưa đăng kí phương pháp trích khấu hao với cơ quan thuế địa phương.
- Đơn vị áp dụng phương pháp tính, trích khấu hao không phù hợp, không nhất quán, xác định thời gian sử dụng hữu ích không hợp lí, mức trích khấu hao không đúng quy định, vượt quá mức khấu hao tối đa hoặc thấp hơn mức khấu hao tối thiểu được trích vào chi phí trong kì theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC.
- Trích hoặc thôi trích khấu hao tròn tháng hoặc tròn quý mà không theo ngày đưa TSCĐ vào sử dụng hoặc ngưng trích theo ngày ngưng sử dụng.
- Số khấu hao lũy kế chưa chính xác, khấu hao ở các bộ phận mà không được phân bổ.

- TSCĐ đã hết thời gian sử dụng nhưng vẫn chưa trích hết khấu hao. Số chưa trích hết không được hạch toán vào chi phí trong kì.
- Vẫn trích khấu hao đối với TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng.
- Trích khấu hao tính vào chi phí cả những TSCĐ không sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Trích khấu hao đối với TSCĐ thuê hoạt động hoặc không trích khấu hao đối với TSCĐ đi thuê tài chính. Không theo dõi ngoại bảng đối với TSCĐ thuê ho Chưa thực hiện đầy đủ thủ tục thanh lý TSCĐ: thành lập hội đồng thanh lý TSCĐ, quyết định thanh lý, không có biên bản thanh lý hoặc biên bản không có chữ kí của người có thẩm quyền...
- Không phát hành hóa đơn khi bán TSCĐ thanh lý.

Từ những sai phạm trên có thể rút ra nhận xét, đối với hầu hết doanh nghiệp, các sai phạm thường gặp đối với TSCĐ là nguyên giá thường có xu hướng ghi nhận tăng so với thực tế và giá trị khấu hao thường được đánh giá, phân bổ chưa hợp lý. Do đó rủi ro chủ yếu gặp phải đối với khoản mục TSCĐ là vi phạm cơ sở dẫn liệu tính hiện hữu và tính đánh giá.

## ***1.2. Kiểm toán tài sản cố định trong kiểm toán Báo cáo tài chính:***

### **1.2.1. Mục tiêu kiểm toán khoản mục tài sản cố định:**

Theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 200: “*Mục đích của kiểm toán báo cáo tài chính là làm tăng độ tin cậy của người sử dụng đối với báo cáo tài chính, thông qua việc kiểm toán viên đưa ra ý kiến về việc liệu báo cáo tài chính có được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng hay không. Đối với hầu hết các khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính cho mục đích chung, kiểm toán viên phải đưa ra ý kiến về việc liệu báo cáo tài chính có được lập và trình bày trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng hay không. Một cuộc kiểm toán được thực hiện theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan sẽ giúp kiểm toán viên hình thành ý kiến kiểm toán đó.*”

Phù hợp với mục đích chung của kiểm toán BCTC, mục tiêu cụ thể của kiểm toán TSCĐ là thu thập đầy đủ các bằng chứng thích hợp từ đó đưa ra ý lời xác nhận về mức độ tin cậy của các thông tin tài chính có liên quan đến TSCĐ. Đồng thời cũng cung cấp những thông tin, tài liệu có liên quan làm cơ sở tham chiếu khi kiểm toán các chu kỳ có liên quan khác.

- Trên cơ sở mục đích kiểm toán TSCĐ như trên ta có thể xác định mục tiêu kiểm toán cụ thể đối với các nghiệp vụ về TSCĐ và đối với số dư các tài khoản TSCĐ như sau:

<b>Cơ sở dẫn liệu</b>	<b>Mục tiêu kiểm toán đặc thù</b>
Tính hiện hữu	Các TSCĐ được ghi vào sổ là có thật. Các nghiệp vụ tăng, giảm, khấu hao trong kỳ đều có căn cứ ghi sổ hợp lý.
Tính đầy đủ	Các nghiệp vụ mua sắm, thanh lý, nhượng bán TSCĐ...phát sinh trong kỳ đều được ghi sổ. Chi phí khấu hao và các chi phí/thu nhập từ hoạt động thanh lý, nhượng bán đều được hạch toán và ghi sổ đầy đủ.
Quyền và nghĩa vụ	Đơn vị thực sự sở hữu các TSCĐ được phản ánh trên bảng cân đối kế toán vào thời điểm kết thúc niên độ.
Đánh giá và phân loại	Nguyên giá, giá trị còn lại của TSCĐ được tính giá đúng theo các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán; Chi phí khấu hao được tính toán đúng, nhất quán giữa các kỳ; Phân bổ khấu hao hợp lý vào các chi phí trong kỳ, phù hợp với quy định hiện hành
Trình bày và thuyết minh	Phân loại TSCĐ dùng cho các mục đích khác nhau thì được trích khấu hao hay chỉ phản ánh hao mòn.
Chính xác	Đảm bảo sự đúng đắn tuyệt đối qua các con số cộng sổ và chuyển sổ; các chi tiết trong cộng sổ phát sinh của tài khoản TSCĐ trên sổ cái phải trùng khớp với số liệu trên các sổ chi tiết TK 211; các con số chuyển sổ, sang trang phải thống nhất...

**Bảng 1: Mục tiêu kiểm toán đối với nghiệp vụ về TSCĐ**

<b>Cơ sở dẫn liệu</b>	<b>Mục tiêu kiểm toán</b>
Sự hiện hữu	Tất cả TSCĐ được doanh nghiệp trình bày trên BCTC là phải tồn tại thực tế tại thời điểm báo cáo. Số liệu trên các báo cáo phải khớp đúng với số liệu kiểm kê thực tế của doanh nghiệp
Quyền và nghĩa vụ	Toàn bộ TSCĐ được báo cáo phải thuộc sở hữu của doanh nghiệp, đối với các TSCĐ thuê tài chính phải thuộc quyền kiểm soát lâu dài của doanh nghiệp trên cơ sở các hợp đồng thuê đã ký.
Đánh giá và phân loại	Số dư các khoản TSCĐ được đánh giá theo đúng quy định của Chuẩn mực, chế độ kế toán và quy định cụ thể của doanh nghiệp và phải được phân loại đúng đắn để trình bày trên các BCTC.
Chính xác	Việc tính toán số dư TSCĐ là chuẩn xác. Số lũy kế tính dồn trên các Sổ chi tiết được xác định đúng đắn, việc kết chuyển số liệu từ các Sổ kế toán chi tiết sang sổ Sổ kế toán tổng hợp và Sổ Cái không có sai sót.
Đầy đủ	Toàn bộ TSCĐ cuối kỳ được trình bày đầy đủ trên các BCTC.
Trình bày và thuyết minh	Các chỉ tiêu liên quan đến TSCĐ trên các BCTC được xác định đúng theo các quy định của Chuẩn mực, chế độ kế toán.

**Bảng 2: Mục tiêu kiểm toán đối với số dư TSCĐ**

**1.2.2. Đặc điểm tài sản cố định ảnh hưởng đến quy trình kiểm toán:**

TSCĐ là một khoản mục có giá trị lớn, thường chiếm tỷ trọng đáng kể so với tổng tài sản trên bảng cân đối kế toán. Đặc biệt là trong doanh nghiệp sản xuất, xây lắp, vận tải khách sạn... giá trị khoản mục này chiếm tỷ trọng rất cao trong tổng tài sản. Tuy vậy, việc kiểm toán TSCĐ thường không chiếm nhiều thời gian vì:

- Thứ nhất, số lượng TSCĐ thường không nhiều và từng đối tượng thường có giá trị lớn.
- Thứ hai, số nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ trong năm thường không nhiều.

- Thứ ba, vấn đề khóa sổ cuối năm không phức tạp như tài sản ngắn hạn do khả năng xảy ra nhầm lẫn trong ghi nhận các nghiệp vụ TSCĐ giữa các niên độ thường không cao.

Đối với chi phí khấu hao TSCĐ, khác với các chi phí thông thường khác, việc kiểm toán có hai đặc điểm riêng như sau:

- Thứ nhất, chi phí khấu hao TSCĐ là một khoản ước tính kế toán, chứ không phải chi phí thực tế phát sinh, phụ thuộc vào ba nhân tố là nguyên giá, giá trị thanh lý ước tính và thời gian sử dụng hữu ích. Trong đó, nguyên giá là nhân tố khách quan, còn giá trị thanh lý và thời gian sử dụng hữu ích lại căn cứ theo ước tính của đơn vị. Vì vậy, việc kiểm toán chi phí khấu hao mang tính chất kiểm tra một khoản ước tính kế toán hơn là một chi phí phát sinh thực tế, nghĩa là không thể dựa trên các chứng từ, tài liệu để tính toán chính xác được.

- Thứ hai, do chi phí khấu hao TSCĐ là một sự phân bổ có hệ thống của nguyên giá sau khi trừ giá trị thanh lý ước tính nên sự hợp lý của nó còn phụ thuộc vào phương pháp khấu hao được sử dụng. Vì vậy, kiểm toán chi phí khấu hao còn mang tính chất của sự kiểm tra về việc áp dụng phương pháp kế toán.

### **1.2.3. Quy trình kiểm toán tài sản cố định:**

#### *1.2.3.1. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán:*

Lập kế hoạch kiểm toán là công việc đầu tiên mà các KTV phải thực hiện trong mỗi cuộc kiểm toán. Trong giai đoạn này, KTV tiến hành một số công việc chủ yếu sau:

(1) *Tìm hiểu khách hàng và đánh giá rủi ro:*

#### ❖ Thu thập thông tin về khách hàng:

KTV sẽ thực hiện thu thập thông tin về khách hàng nhằm có được những hiểu biết đầy đủ về hoạt động của đơn vị, hệ thống kế toán, KSNB cũng như các vấn đề tiềm ẩn, từ đó xác định trọng tâm của cuộc kiểm toán và từng phần hành kiểm toán. Cụ thể đối với khoản mục TSCĐ các thông tin cần thu thập như sau:

- Thu thập thông tin về nghĩa vụ pháp lý của khách hàng: Thông qua việc tìm hiểu điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty khách hàng, các biên bản cuộc họp ban giám đốc và hội đồng quản trị và các hợp đồng của Công ty, các chứng từ



pháp lý và sổ sách như: Biên bản góp vốn, bàn giao vốn, các chứng từ liên quan đến việc góp vốn bằng TSCĐ...

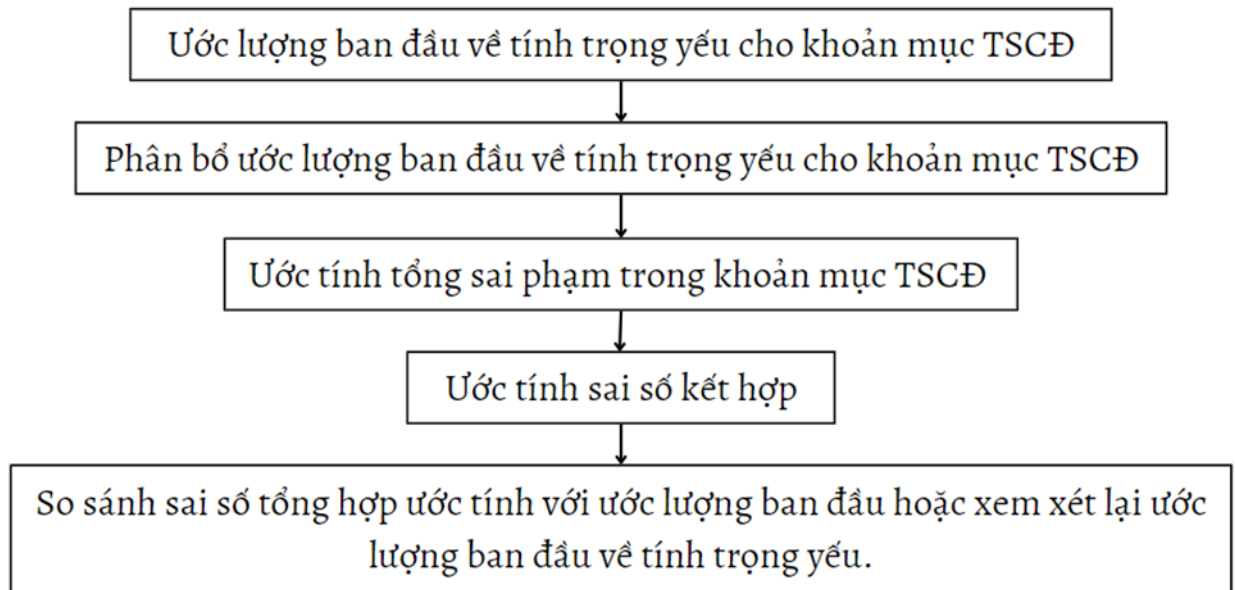
- Những hiểu biết về ngành nghề kinh doanh: Bao gồm những hiểu biết chung về nền kinh tế, lĩnh vực hoạt động của đơn vị và những hiểu biết về khía cạnh đặc thù như cơ cấu tổ chức, dây chuyền sản xuất, cơ cấu vốn...Việc tìm hiểu hoạt động kinh doanh của khách hàng sẽ giúp KTV xác định được khách hàng có nhiều TSCĐ hay không và TSCĐ có ảnh hưởng trọng yếu tới BCTC của khách hàng hay không.

❖ Đánh giá trọng yếu và rủi ro:

- Đánh giá trọng yếu:

Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam VAS số 320: “*Trọng yếu: Là thuật ngữ dùng để thể hiện tầm quan trọng của một thông tin (một số liệu kế toán) trong báo cáo tài chính. Thông tin được coi là trọng yếu có nghĩa là nếu thiếu thông tin đó hoặc thiếu tính chính xác của thông tin đó sẽ ảnh hưởng đến các quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo tài chính.*”

Trước tiên, KTV sẽ tiến hành các thủ tục ước tính ban đầu về tính trọng yếu (căn cứ theo tỷ lệ % các chỉ tiêu lợi nhuận, doanh thu, tổng tài sản...) cho toàn bộ BCTC. Sau đó phân bổ ước lượng ban đầu về tính trọng yếu cho các khoản mục trên BCTC. Thường các Công ty kiểm toán xây dựng sẵn mức độ trọng yếu cho từng khoản mục trên BCTC. Thông qua các biện pháp kiểm toán, KTV đánh giá mức độ sai sót thực tế của TSCĐ và đem so sánh với mức độ sai sót có thể chấp nhận được của TSCĐ đã xác định trước đó và đưa ra ý kiến kết luận.



**Sơ đồ 4: Đánh giá mức độ trọng yếu với khoản mục TSCĐ**

- Đánh giá rủi ro:

Việc đánh giá rủi ro Kiểm toán (AR) thông qua việc đánh giá ba bộ phận: Rủi ro tiềm tàng (IR), rủi ro kiểm soát (CR) và rủi ro phát hiện (DR) căn cứ vào mối quan hệ được phản ánh trong mô hình sau:

$$AR = IR \times CR \times DR$$

Trọng yếu và rủi ro có mối quan hệ khăng khít với nhau. Nếu mức sai sót chấp nhận được (hay trọng yếu) được đánh giá cao lên thì rủi ro kiểm toán sẽ phải giảm xuống, và ngược lại rủi ro kiểm toán sẽ tăng lên, việc thu thập bằng chứng phải mở rộng. Trong cuộc kiểm toán, KTV mong muốn AR càng nhỏ càng tốt vì nó đảm bảo kết quả kiểm toán tối ưu nhất.

Khi đánh giá về rủi ro kiểm toán cần phải hiểu được những sai sót thường xảy ra trong từng phần hành kiểm toán. Trong phần hành TSCĐ, các sai sót có thể xảy ra thường liên quan tới các sai sót tiềm tàng, cụ thể như sau:

+ Rủi ro liên quan đến nguyên giá TSCĐ: Nguyên giá có thể bị phản ánh sai lệch thực tế. Đối với trường hợp tăng, nguyên giá ghi trên sổ thường cao hơn thực tế. Đối với trường hợp giảm, nguyên giá thường ghi thấp hơn thực tế.

+ Rủi ro liên quan đến khấu hao TSCĐ: Khấu hao có thể sai về cách tính và phân bổ, do phương pháp tính khấu hao của đơn vị không phù hợp với các quy định hiện hành.

+ Rủi ro liên quan đến sửa chữa, nâng cấp TSCĐ: nhiều nghiệp vụ sửa chữa có thể bị hiểu lầm về bản chất là nâng cấp và ngược lại. Do vậy, có thể dẫn tới các sai sót không ghi tăng nguyên giá TSCĐ đối với trường hợp nâng cấp do đơn vị hạch toán vào chi phí sửa chữa.

+ Rủi ro về hoạt động cho thuê và đi thuê TSCĐ: nhiều nghiệp vụ đi thuê có thể không được phân loại theo đúng hình thức thuê tài sản, Tài sản thuê hoạt động có thể bị phân loại thành Thuê tài chính. Đối với tài sản thuê hoạt động, đơn vị cho thuê có thể hạch toán không đúng doanh thu cho thuê tài sản.

Trên đây là các sai sót tiềm tàng có thể xảy ra đối với phần hành TSCĐ. Khi đánh giá rủi ro KTV chủ yếu đi vào các biện pháp phát hiện ra những sai sót tiềm tàng và hạn chế tối đa rủi ro này. Từ những công việc này sẽ giúp KTV thiết kế và thực hiện các phương pháp kiểm toán cần thiết nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán.

(2) *Xây dựng kế hoạch kiểm toán:*

❖ Kế hoạch chiến lược: Là định hướng cơ bản, nội dung trọng tâm và phương pháp tiếp cận chung của cuộc kiểm toán do cấp chỉ đạo vạch ra dựa trên hiểu biết về tình hình hoạt động và môi trường kinh doanh của đơn vị được kiểm toán.

❖ Kế hoạch kiểm toán tổng thể: Kế hoạch kiểm toán tổng thể là toàn bộ những dự kiến chi tiết cụ thể về nội dung, phương pháp, lịch trình và phạm vi các thủ tục kiểm toán được áp dụng cho một cuộc kiểm toán. Kế hoạch kiểm toán tổng thể phải được lập cho mọi cuộc kiểm toán, trong đó mô tả phạm vi dự kiến và cách thức tiến hành công việc kiểm toán. Kế hoạch kiểm toán tổng thể phải đầy đủ, chi tiết làm cơ sở để lập chương trình kiểm toán.

❖ Chương trình kiểm toán: Chương trình kiểm toán khoản mục TSCĐ thường bao gồm: mục tiêu kiểm toán cụ thể của khoản mục TSCĐ, các thủ tục kiểm toán cần áp dụng, kỹ thuật kiểm toán cụ thể, phạm vi và thời gian thực hiện, việc tham chiếu với các thông tin có liên quan đến khoản mục, những bằng chứng cần thu thập. Trong quá trình thực hiện, chương trình kiểm toán có thể thay đổi để phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị được kiểm toán.

(3) *Thảo luận với khách hàng và hoàn chỉnh kế hoạch kiểm toán:*

KTV và Công ty kiểm toán có trách nhiệm lập kế hoạch kiểm toán. Để đưa ra kế hoạch kiểm toán cuối cùng, KTV cần trao đổi, thảo luận với khách hàng về những vấn đề liên quan đến kế hoạch, thủ tục kiểm toán nhằm nâng cao hiệu quả công việc kiểm toán. Cũng thông qua sự trao đổi trên mà KTV sẽ phát hiện và có thêm được những bằng chứng để đánh giá sự nhiệt tình và trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán. Qua đó, KTV có thể đánh giá về tính trung thực của khách hàng, có thêm căn cứ bổ sung bằng chứng kiểm toán, đánh giá đúng hơn về tính trọng yếu, rủi ro kiểm toán, xác định phạm vi kiểm toán hợp lý hơn và có những thủ tục và trình tự kiểm toán phù hợp, hiệu quả hơn.

#### 1.2.3.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán:

##### (1) Thực hiện thử nghiệm kiểm soát để đánh giá KSNB đối với TSCĐ:

Việc nghiên cứu đánh giá KSNB của đơn vị được triển khai thực hiện đánh giá trên 2 giác độ: Việc thiết kế có phù hợp đảm bảo khả năng kiểm soát hay không và quá trình tổ chức thực hiện có đảm bảo tính liên tục nhằm duy trì tính hiệu lực trong quá trình hoạt động của đơn vị hay không.

Các thử nghiệm kiểm soát chủ yếu là:

##### ❖ Khảo sát về sự vận hành các quy chế KSNB:

Mục tiêu chủ yếu của các khảo sát ở đây là để đánh giá về tính hiện hữu trong vận hành của các quy chế KSNB, cụ thể là sự hiện hữu (hoạt động) và tính thường xuyên, liên tục trong vận hành của các quy chế kiểm soát, các bước kiểm soát. Cách thức khảo sát có thể là:

- KTV có thể phỏng vấn các nhân viên có liên quan trong đơn vị về sự hiện hữu của các bước kiểm soát, kể cả tính thường xuyên hiện hữu vận hành của nó. Ngoài ra, KTV cũng có thể trực tiếp quan sát công việc của nhân viên thực hiện.

- Kiểm tra dấu hiệu KSNB lưu lại trên các hồ sơ, tài liệu như: lời phê duyệt, chữ ký phê duyệt ...

##### ❖ Khảo sát về tình hình thực hiện các nguyên tắc tổ chức hoạt động KSNB:

KTV thường chú ý đến việc thực hiện thủ tục phê duyệt có đúng chức năng hay không; việc phân công bố trí người trong các khâu có liên quan đến phê duyệt -

thực hiện hay kế toán - thủ kho - thủ quỹ có đảm bảo sự độc lập cần thiết cho sự giám sát chặt chẽ hay không. Sự thực hiện đúng các nguyên tắc “Phân công phân nhiệm”, “Bất kiêm nhiệm”, “Phê chuẩn và ủy quyền” sẽ đảm bảo tăng cường hiệu lực của hoạt động kiểm soát, ngăn ngừa và hạn chế được sự lạm dụng hay lợi dụng chức năng quyền hạn trong quá trình thực hiện công việc liên quan đến TSCĐ.

Sau khi thực hiện các thử nghiệm kiểm soát về KSNB và dựa vào kết quả đã thu thập, KTV đánh giá rủi ro kiểm soát đối với khoản mục TSCĐ ở mức độ cao, trung bình hay thấp. Nếu KSNB được thiết kế và vận hành hữu hiệu thì rủi ro kiểm soát được đánh giá thấp và KTV có thể tin tưởng vào KSNB và ngược lại. Trên cơ sở đó, KTV sẽ thực hiện các thử nghiệm cơ bản một cách phù hợp nhằm đảm bảo thực hiện được mục tiêu kiểm toán.

(2) *Thực hiện thủ tục phân tích:*

Các kỹ thuật phân tích chủ yếu đối với thông tin tài chính bao gồm:

❖ Kỹ thuật phân tích ngang:

- So sánh nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế, giá trị còn lại và tổng chi phí khấu hao của các loại TSCĐ hiện có của đơn vị với các kỳ trước;

- Lập các bảng kê tăng, giảm từng loại TSCĐ với các kỳ trước....

❖ Kỹ thuật phân tích dọc:

- So sánh tỷ lệ khấu hao bình quân của kỳ này với các kỳ trước;

- So sánh tỷ suất giữa Tổng chi phí sửa chữa lớn TSCĐ với Tổng nguyên giá TSCĐ; giữa Tổng nguyên giá TSCĐ với Giá trị tổng sản lượng với các kỳ trước....

Khi tiến hành so sánh cần phải xem xét ảnh hưởng của chính sách khấu hao, việc tăng, giảm TSCĐ trong kỳ... đến các số liệu so sánh để có kết luận cho phù hợp. Các thủ tục phân tích thường được thực hiện để đánh giá sự tồn tại, đầy đủ, đúng đắn, việc tính toán và đánh giá đối với các số liệu có liên quan.

(3) *Thực hiện kiểm tra chi tiết:*

❖ Kiểm tra chi tiết nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ:

Phạm vi kiểm tra các nghiệp vụ tăng, giảm phụ thuộc vào tính trọng yếu, mức độ rủi ro kiểm soát của đơn vị mà KTV đã đánh giá, cũng như kinh nghiệm và kết quả kiểm toán các niên độ trước (nếu có).

- Đối với các nghiệp vụ ghi tăng TSCĐ:

Với TSCĐ tăng do mua sắm, KTV cần kiểm tra các tài liệu liên quan đến việc phê chuẩn các nghiệp vụ mua sắm tài sản, hợp đồng mua sắm, các chứng từ liên quan tới quá trình mua sắm lắp đặt chạy thử...

Với TSCĐ tăng do đầu tư xây dựng cơ bản, KTV cần phải xác định rõ giá trị quyết toán công trình hoàn thành bàn.

- Đối với các nghiệp vụ giảm TSCĐ:

Thông thường KTV xây dựng các bảng kê giảm TSCĐ gồm các chỉ tiêu sau: Tên (tên, mã hiệu của đối tượng tài sản, quy cách, nước sản xuất); Lý do giảm (nhượng bán, thanh lý, góp vốn kinh doanh, đánh giá giảm); Nguyên giá; Ngày giảm; Khấu hao tích lũy của tài sản; Giá bán, thanh lý...

KTV cũng tiến hành đối chiếu số liệu trên bảng kê giảm TSCĐ trong kỳ với sổ chi tiết TK 211, 213 về các nghiệp vụ đã được ghi giảm; đối chiếu việc ghi giảm mức khấu hao lũy kế TSCĐ giảm trên sổ chi tiết tài khoản 214; đối chiếu các chi phí và thu nhập liên quan tới các nghiệp vụ giảm TSCĐ trên sổ chi tiết các khoản chi phí và thu nhập khác của doanh nghiệp trong kỳ.

❖ Kiểm tra chi tiết số dư tài khoản:

Việc kiểm tra số dư cuối kỳ của tài khoản TSCĐ được thực hiện trên cơ sở kết quả kiểm tra số dư đầu kỳ và kết quả kiểm toán các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ trong kỳ.

- Với số dư đầu kỳ: Việc xem xét số dư đầu kỳ được tiến hành tùy thuộc vào việc doanh nghiệp được tiến hành kiểm toán lần đầu hay lần thứ hai trở đi.

+ Nếu việc kiểm toán năm trước được thực hiện bởi chính Công ty kiểm toán năm nay và số dư đầu kỳ (tức số dư cuối kỳ trước) đã được xác định là đúng thì không cần thiết phải thực hiện các thủ tục kiểm toán bổ sung. Nếu việc kiểm toán năm trước được thực hiện bởi Công ty kiểm toán khác, KTV phải xem xét BCTC năm trước, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến TSCĐ, nếu có thể tin cậy được thì

KTV cũng có thể chấp nhận kết quả kiểm toán năm trước mà không cần thực hiện thêm các thủ tục kiểm toán bổ sung.

+ Nếu BCTC chưa được kiểm toán năm trước (năm nay là kiểm toán lần đầu) hoặc việc kiểm toán năm trước được thực hiện bởi Công ty kiểm toán khác nhưng KTV không tin tưởng vào kết quả kiểm toán thì KTV phải áp dụng các thủ tục kiểm toán bổ sung như: kiểm tra các chứng từ chứng minh cho số dư đầu năm, chọn mẫu các TSCĐ để kiểm tra sự tồn tại thực tế của tài sản, xem xét kết quả kiểm kê TSCĐ của doanh nghiệp, kiểm tra tình trạng thế chấp TSCĐ (đặc biệt tình trạng thế chấp các giấy tờ sở hữu...).

- Với số dư cuối kỳ: Dựa trên cơ sở kết quả của số dư đầu kỳ và nghiệp tăng, giảm trong kỳ để xác định, đồng thời cần kiểm tra, đánh giá kết quả kiểm kê của doanh nghiệp.

❖ Kiểm toán chi phí khấu hao:

Tiến hành phân tích sơ bộ chi phí khấu hao:

- So sánh tỷ lệ khấu hao bình quân kỳ này với các kỳ trước;

- So sánh tổng chi phí khấu hao kỳ này với kỳ trước. Khi so sánh cần tính đến sự ảnh hưởng của sự tăng, giảm TSCĐ trong kỳ, sự thay đổi phương pháp tính khấu hao và đặc điểm phương pháp khấu hao mà doanh nghiệp áp dụng;

- So sánh tỷ trọng chi phí khấu hao trong toàn bộ chi phí sản xuất hoặc trong giá thành sản phẩm với các kỳ trước... Khi so sánh nếu phát sinh các biến động bất thường, KTV cần phải tìm hiểu nguyên nhân và giải thích được các biến động đó. Trong trường hợp các biến động bất thường không thể giải thích được bằng các bằng chứng thu thập được thì sự nghi ngờ về khả năng sai phạm trong quá trình tính toán xác định mức khấu hao phải được đặt ra.

- Thu thập, trao đổi để có hiểu biết về các chính sách khấu hao mà doanh nghiệp áp dụng, đánh giá tính hợp lý của các chính sách này: Tìm hiểu nguyên nhân và đánh giá tính phù hợp nếu chính sách khấu hao của doanh nghiệp có sự thay đổi so với các kỳ trước. Việc xem xét và đánh giá chính sách khấu hao của doanh nghiệp phải đảm bảo doanh nghiệp tuân thủ các quy định của Công ty, chế độ kế toán; tuân

thủ các quy định của pháp luật có liên quan và phù hợp với tình hình sử dụng, hoạt động kinh doanh thực tế của doanh nghiệp.

- Kiểm tra việc tính toán khấu hao của doanh nghiệp:
- KTV có thể kiểm tra lại các căn cứ mà doanh nghiệp áp dụng để tính khấu hao: nguyên giá TSCĐ, giá trị thanh lý ước tính, thời hạn sử dụng ước tính;
- Chọn mẫu để tiến hành tính toán lại mức khấu hao;
- So sánh số liệu trên bảng tính khấu hao, bảng đăng ký khấu hao TSCĐ, sổ chi tiết tài khoản 214, sổ chi tiết chi phí...
- Kiểm tra các trường hợp TSCĐ đã hết khấu hao mà doanh nghiệp vẫn đang tiếp tục sử dụng;
- Kiểm tra việc trích hoặc thôi trích khấu hao với các TSCĐ mới tăng, giảm trong kỳ, các khoản chi phí nâng cấp cải tạo được hạch toán tăng, giảm nguyên giá trong kỳ, giá trị các phần được tháo dỡ khỏi tài sản làm giảm nguyên giá trong kỳ;
- Kiểm tra việc hạch toán chi phí khấu hao trên các sổ và tài khoản có liên quan...
- ❖ Kiểm tra giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ:
  - Kiểm tra việc hạch toán chi phí khấu hao trong kỳ làm tăng giá trị hao mòn của TSCĐ;
  - Kiểm tra việc ghi giảm giá trị hao mòn với các nghiệp vụ ghi giảm TSCĐ trong kỳ;
    - Tính toán lại giá trị hao mòn lũy kế;
    - So sánh số liệu trên các sổ kế toán chi tiết và sổ cái tài khoản 214.
- ❖ Kiểm tra các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu:
  - Lập các bảng kê chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu liên quan đến TSCĐ phát sinh trong kỳ;
    - So sánh các khoản chi phí phát sinh với các kỳ trước để đánh giá biến động các khoản phí tổn phát sinh;
    - Đánh giá sự hợp lý các khoản phí tổn phát sinh trong kỳ với tình hình hoạt động thực tế của doanh nghiệp;



- Kiểm tra sự phát sinh thực tế của các khoản chi phí để loại bỏ khả năng hạch toán không các khoản chi phí sửa chữa nhằm hợp lý hóa cho các khoản cho phí khác, bằng cách kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp của các chứng từ có liên quan đến các khoản phí tồn...

- Trong trường hợp các khoản phí tồn này phát sinh lớn và được doanh nghiệp đã có kế hoạch trước cần:

+ So sánh các phí tồn thực tế phát sinh với kế hoạch và dự toán chi phí đã được lập để xem xét sự biến động và các chênh lệch chi phí thực tế có thể dự đoán và tìm nguyên nhân;

+ Trường hợp doanh nghiệp trích trước chi phí cần kiểm tra cơ sở pháp lý của việc trích trước, quá trình trích trước, hạch toán việc trích trước vào chi phí kinh doanh.

- Kiểm tra các tác động của khoản phí tồn này đối với khả năng hoạt động của TSCĐ. Trong trường hợp các phí tồn này chỉ nhằm mục đích khôi phục và duy trì tình trạng ban đầu thì sẽ được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ và giảm lợi nhuận trong kỳ của doanh nghiệp. Trong trường hợp các phí tồn này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng TSCĐ thì phí tồn này được hạch toán làm tăng nguyên giá.

#### *1.2.3.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán:*

##### *(1) Soát xét các giấy tờ làm việc và đánh giá kết quả:*

Đây là bước quan trọng trước khi phát hành báo cáo kiểm toán và thư quản lý (nếu có). Sau khi đã hoàn tất mọi thủ tục kiểm toán được thiết kế trong chương trình kiểm toán, KTV thực hiện kiểm toán khoản mục TSCĐ soát xét lại giấy tờ làm việc của mình, đánh giá về tính chính xác, đầy đủ và hợp lý của bằng chứng kiểm toán; bổ sung những bằng chứng mới thu thập được hoặc nếu thiếu thì cần nhanh chóng hoàn thiện, thu thập thêm.

Sau đó, việc soát xét giấy tờ làm việc được thực hiện bởi trưởng nhóm kiểm toán và các thành viên Ban Giám đốc. Trưởng nhóm kiểm toán tập hợp giấy tờ làm việc của KTV phụ trách phân hành, xem xét và yêu cầu KTV giải trình hoặc thực hiện các thủ tục kiểm toán bổ sung (nếu cần).

(2) *Xem xét những sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo:*

Các cuộc kiểm toán thường được tiến hành sau ngày kết thúc niên độ kế toán. Do đó, trong khoảng thời gian từ ngày kết thúc niên độ đến khi hoàn thành Báo cáo kiểm toán có thể xảy ra các sự kiện ảnh hưởng đến BCTC, KTV có trách nhiệm xem xét lại các sự kiện này.

Để phát hiện những sự kiện gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới kết quả kiểm toán, KTV thường thực hiện các thủ tục phỏng vấn Ban Giám đốc kết hợp kinh nghiệm của bản thân.

(3) *Phát hành Báo cáo kiểm toán và thư quản lý:*

Sau khi tiến hành xong các công việc ở trên, KTV tiến hành lập và phát hành Báo cáo kiểm toán dựa theo chuẩn mực kiểm toán hiện hành. Báo cáo kiểm toán là văn bản được KTV soạn thảo để trình bày ý kiến chính thức của mình về tính trung thực, hợp lý của những thông tin được kiểm toán. Báo cáo kiểm toán là sản phẩm cuối cùng của công việc kiểm toán và có vai trò quan trọng.

Ý kiến kiểm toán có bốn loại như sau:

- Ý kiến chấp nhận toàn phần: được đưa ra trong trường hợp kiểm toán viên cho rằng BCTC phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của đơn vị được kiểm toán, và phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành (hoặc được chấp nhận).

- Ý kiến chấp nhận từng phần: được đưa ra trong trường hợp kiểm toán viên cho rằng BCTC chỉ phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của đơn vị, nếu không bị ảnh hưởng bởi yếu tố tùy thuộc (hoặc ngoại trừ) mà kiểm toán viên đã nêu ra trong báo cáo kiểm toán.

- Ý kiến từ chối (hoặc ý kiến không thể đưa ra ý kiến): được đưa ra trong trường hợp hậu quả của việc giới hạn phạm vi kiểm toán là quan trọng hoặc thiếu thông tin liên quan đến một số lượng lớn các khoản mục tới mức mà kiểm toán viên không thể thu thập đầy đủ và thích hợp các bằng chứng kiểm toán để có thể cho ý kiến về BCTC.

- Ý kiến không chấp nhận (hoặc ý kiến trái ngược): được đưa ra trong trường hợp các vấn đề không thống nhất với Giám đốc là quan trọng hoặc liên quan

đến một số lượng lớn các khoản mục đến mức độ mà kiểm toán viên cho rằng ý kiến chấp nhận từng phần là chưa đủ để thể hiện tính chất và mức độ sai sót trọng yếu của BCTC.

Thư quản lý có thể được phát hành đồng thời với Báo cáo kiểm toán (tùy theo yêu cầu trong hợp đồng kiểm toán), trong đó KTV đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện KSNB. Đây là những ý kiến mang tính chất tư vấn cho khách hàng trong công tác tài chính – kế toán nhằm giúp cho hoạt động này ngày càng tốt hơn.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN IPA THỰC HIỆN

#### *2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA*

##### **2.1.1. Thông tin công ty:**

- Tên công ty: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA
- Tên quốc tế: IPA Auditing and Consulting firm Company Limited
- Tên viết tắt: IPAAUDIT
- Địa chỉ: Số Mahattan 05-04, khu đô thị Vinhomes Imperia, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
- Mã số thuế: 0801257751
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên ngoài Nhà nước
- Ngày hoạt động: 23/08/2018
- Điện thoại: 0225.3534.655
- Email: contactipa@i-group.vn
- Website: kiemtoanipa.vn



**International Professional Audit**

*Hình 1: Logo Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA*

### **2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty:**

Kiểm toán IPA là Công ty kiểm toán độc lập tại Việt Nam được thẩm định bởi Bộ Tài chính và Cơ quan thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp chuyên cung cấp dịch vụ kiểm toán và tư vấn, cụ thể như sau:

- Kiểm toán Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Quốc tế (IAS) và chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VAS)
- Dịch vụ Tư vấn Thuế
- Dịch vụ Rà soát rủi ro lĩnh vực hải quan và thuế
- Dịch vụ Tư vấn Pháp luật, mua bán và sáp nhập doanh nghiệp
- Dịch vụ kế toán ghi sổ và lập BCTC
- ...

Cùng với sự tăng trưởng nhanh của nền kinh tế Việt Nam trong cả hai lĩnh vực kinh tế công cộng và tư nhân, kiểm toán IPA có một đội ngũ ngân viên được đào tạo chuyên sâu để có thể đáp ứng được yêu cầu đa dạng của khách hàng. Do sớm thâm nhập vào thị trường Việt Nam, kiểm toán IPA đã lĩnh hội, tích lũy được nhiều kiến thức sâu rộng về hệ thống Kiểm toán, Kế toán Việt Nam, các chuẩn mực kiểm toán Quốc tế cũng như các chính sách của Chính phủ về lĩnh vực thuế, tài chính, thủ tục đầu tư, thủ tục hải quan xuất nhập khẩu,... Bên cạnh đó, kiểm toán IPA cũng thường xuyên kết hợp với các Bộ, Ban, Ngành, như Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch Đầu tư, Tổng Cục Thuế... để công việc tư vấn về các chính sách pháp luật, thủ tục kế toán, thuế, thủ tục đầu tư, thủ tục hải quan tại Việt Nam luôn được cập nhật.

Khách hàng của kiểm toán IPA hoạt động trong rất nhiều lĩnh vực, bao gồm các tập đoàn đa quốc gia, các công ty có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (FDI), các tổ chức cho vay quốc tế, các tổ chức từ thiện, các tổ chức của chính phủ và phi chính phủ,... Kinh nghiệm làm việc thực tế nhiều năm tại Việt Nam với các cơ quan chức năng, các khách hàng trong nước và quốc tế mang lại cơ sở vững chắc, khả năng dự đoán và các mối quan hệ cần thiết để có thể triển khai nhiều công việc có tính chất khác

nhau. Trong mọi trường hợp, kiểm toán IPA đều lắng nghe và hiểu sâu sắc nguyện vọng của khách hàng thông qua chất lượng của dịch vụ và tính độc lập.

Đội ngũ nhân sự có nhiều năm kinh nghiệm trong việc kiểm toán, tư vấn quản lý và tư vấn thuế cho các Công ty đa quốc gia, các Công ty có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đến từ các quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Hà Lan...

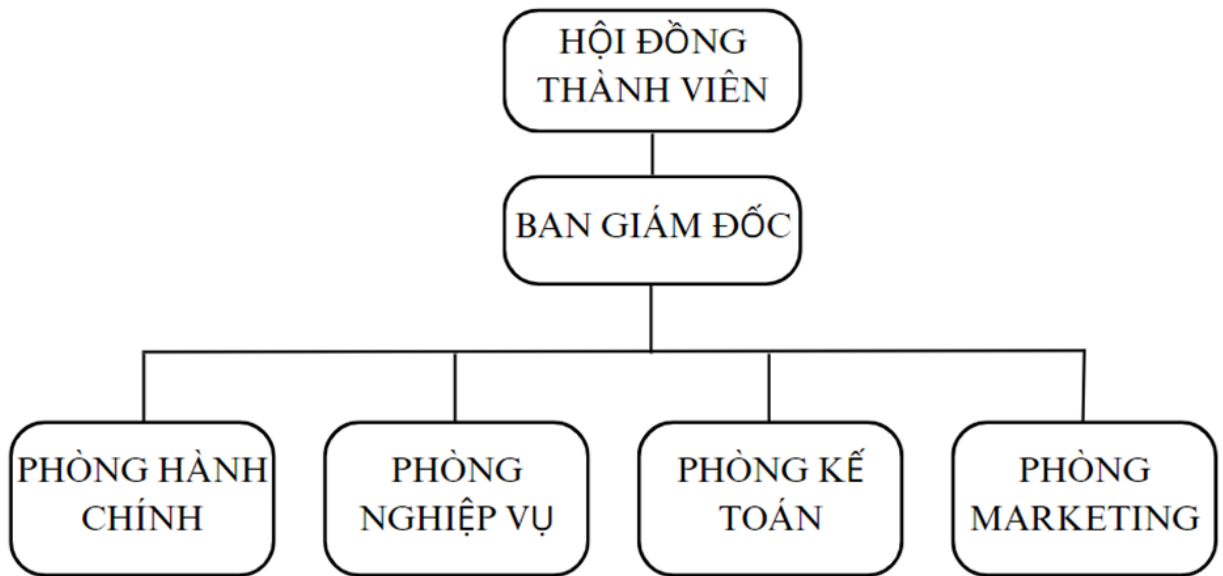
"Kiểm toán IPA cam kết đem lại các dịch vụ tư vấn tài chính và kiểm toán với chất lượng cao nhất (Quality first) cho khách hàng. Phương châm của công ty là trợ giúp khách hàng đạt được những mục tiêu đề ra, bên cạnh việc chấp hành triệt để các quy định về Kiểm toán, Kế toán Việt Nam và Quốc tế."

Nguồn nhân lực xuất sắc giúp kiểm toán IPA có khả năng cung cấp cho khách hàng các dịch vụ có chất lượng cao nhất. Kinh nghiệm làm việc chuyên sâu cùng kỹ năng hợp tác và khả năng chuyên giao phong phú cho phép kiểm toán IPA mở rộng và chia sẻ kiến thức với nhân viên của khách hàng trong suốt quá trình cung cấp dịch vụ.

### **2.1.3. Lĩnh vực hoạt động của công ty:**

- Các dịch vụ kiểm toán, gồm kiểm toán BCTC, kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, kiểm toán BCTC vì mục đích thuế và công việc kiểm toán khác;
- Dịch vụ soát xét BCTC, thông tin tài chính và dịch vụ bảo đảm khác, dịch vụ phi đảm bảo;
- Tư vấn kinh tế, tài chính, thuế;
- Dịch vụ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán;
- Thẩm định giá tài sản và đánh giá rủi ro kinh doanh;
- Dịch vụ bồi dưỡng kiến thức tài chính, kế toán, kiểm toán;
- Dịch vụ liên quan khác về tài chính, kế toán, thuế theo quy định của pháp luật.
- Hoạt động chính của công ty là: Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế.

**2.1.4. Cơ cấu tổ chức của Công ty:**



**Sơ đồ 5: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA**

**Nguồn: Phòng Hành chính, Công ty IPA**

Hội đồng thành viên của công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA bao gồm 3 thành viên thực hiện các chức năng hoạch định, định hướng, kiểm tra, giám sát hoạt động của công ty. Xem xét và quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.

- Giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, do hội đồng thành viên bổ nhiệm và chịu trách nhiệm trước hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty.

- Phòng hành chính: Xây dựng kế hoạch nhân sự và chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp, tính toán ngân sách liên quan đến chi phí lao động (quỹ lương, chi phí đào tạo, BHXH, BHYT, chi phí đồng phục,...). Thực hiện các thủ tục hành chính pháp lý, soạn thảo các văn bản hành chính (lịch công tác tuần, sắp xếp lịch họp, lịch làm việc,...), và tổ chức các cuộc họp, sự kiện hàng năm của doanh nghiệp. Xây dựng quy chế và thực hiện công tác vănXây dựng quy chế và thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, quản lý hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp. Đảm bảo các công tác hậu cần tại doanh nghiệp như: lễ tân, tiếp khách, văn phòng phẩm,

đồng phục, quản lý điều động xe,... thư, lưu trữ, quản lý hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp. Đảm bảo các công tác hậu cần tại doanh nghiệp như: lễ tân, tiếp khách, văn phòng phẩm, đồng phục, quản lý điều động xe,... Lên kế hoạch mua sắm, quản lý và hướng dẫn sử dụng các tài sản chung của doanh nghiệp.

- Phòng nghiệp vụ: Có nhiệm vụ tìm hiểu về khách hàng và triển khai các hợp đồng cung cấp dịch vụ đã được kí kết bao gồm: dịch vụ kiểm toán BCTC, dịch vụ kế toán thuế, dịch vụ kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành, dịch vụ lập báo cáo chuyên giá, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn thuế. Chủ yếu là tiến hành thực hiện xác minh tính trung thực tính và phát hiện sai sót của các BCTC, đưa ra kết luận về tình hình tài chính trong công ty, doanh nghiệp hay tổ chức của khách hàng.

- Phòng kế toán là phòng ban quan trọng không thể thiếu trong mỗi doanh nghiệp. Có nhiệm vụ hạch toán những khoản thu chi của doanh nghiệp như: doanh thu, vốn, công nợ, chi phí, tài sản cố định (bao gồm công cụ, nguyên vật liệu, dụng cụ),... để luôn luôn đảm bảo cho các kế hoạch tiêu dùng đúng như kế hoạch, mục tiêu đặt ra để mang lại hiệu quả cao. Thêm vào đó, phòng kế toán còn có chức năng tham mưu cho Ban lãnh đạo trong công tác hoạch định kế toán, kiểm kê tài sản, kiểm tra và quản lý những tài liệu chứng từ kế toán của công ty.

- Phòng marketing: Phát triển, quản lý các công cụ truyền thông (website, facebook,...) và thực hiện việc truyền thông rõ ràng, nhất quán. Xác định nhu cầu thị trường, thị trường mục tiêu để xây dựng và thực hiện các chiến lược marketing cho doanh nghiệp.

## ***2. 2. Đặc điểm tổ chức công tác kiểm toán do Công ty TNHH hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA thực hiện***

### **2.2.1. Quy trình kiểm toán:**

Kiểm toán BCTC bao gồm việc kiểm tra, phân tích và đưa ra ý kiến đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống kế toán trong năm tài chính. KTV của công ty IPA sẽ tổ chức một cuộc kiểm toán hoàn thiện bằng việc tiến hành kiểm tra việc thiết kế và thực hiện của kiểm soát nội bộ và áp dụng các thủ tục thử nghiệm cơ bản của khách hàng. Quy trình cuộc kiểm toán bao gồm các giai đoạn chính sau:



- Các công việc trước cuộc kiểm toán
- Lập kế hoạch kiểm toán: kế hoạch kiểm toán tổng thể và xây dựng chương trình kiểm toán
- Thực hiện kế hoạch kiểm toán
- Kết luận và lập báo cáo
- Các công việc sau cuộc kiểm toán.

### **2.2.2. Hồ sơ kiểm toán:**

Toàn bộ quy trình cuộc kiểm toán từ bước lập kế hoạch kiểm toán đến bước phát hành báo cáo, các tài liệu liên quan và các bằng chứng kiểm toán mà KTV đã thu thập đều được công ty IPA lưu vào Hồ sơ kiểm toán theo đúng quy định tại Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam VAS số 230 - Hồ sơ kiểm toán.

Trong hồ sơ kiểm toán bao gồm báo cáo kiểm toán năm tài chính trước đó của khách hàng do công ty IPA thực hiện (nếu có); hợp đồng kiểm toán bản photo; danh mục chi tiết các tài liệu cần khách hàng cung cấp; kế hoạch kiểm toán bằng văn bản; bản ghi chép đầy đủ thời gian ngày giờ, nội dung công việc thực hiện, người lập giấy tờ làm việc, những người cùng làm việc, các chứng từ, sổ sách đã xem; giấy tờ làm việc thể hiện số liệu mà KTV đã kiểm tra, số chênh lệch giữa số dư của KTV với số dư của đơn vị; nguyên nhân phát sinh các chênh lệch; các bằng chứng kiểm toán thu thập được; báo cáo về những vấn đề còn dở dang chưa thể giải quyết do thiếu bằng chứng chứng từ hoặc do chưa đủ cơ sở, các giải trình của ban giám đốc; những vấn đề ảnh hưởng đến tiến độ công việc, chất lượng của cuộc kiểm toán.

Hồ sơ kiểm toán của công ty IPA gồm ba loại là hồ sơ kiểm toán chung, hồ sơ kiểm toán giữa niên độ (hoặc 9 tháng) và hồ sơ kiểm toán năm. Hồ sơ kiểm toán chung được dán gáy file màu trắng, bao gồm tất cả các thông tin cơ bản về khách hàng đã hợp tác với công ty trong một hoặc nhiều năm tài chính; hồ sơ kiểm toán năm là hồ sơ chứa tất cả các tài liệu, bằng chứng thu thập được từ các cuộc kiểm toán trong một năm tài chính. Còn hồ sơ kiểm toán giữa niên độ chỉ được lưu trữ tạm thời trong năm tài chính, kể từ sau khi cuộc kiểm toán giữa niên độ được thực hiện. Khi bắt đầu cuộc kiểm toán cuối niên độ, KTV gộp chung hồ sơ giữa niên độ

với hồ sơ kiểm toán năm. tất cả hồ sơ kiểm toán của công ty đều được đánh số và lưu trữ trong kho để tiện theo dõi lại khi thực hiện kiểm toán các năm sau.

Bảng chứng kiểm toán của KTV được đánh tham chiếu đúng với chỉ mục trên giấy tờ làm việc được quy định. Biên bản kiểm kê tiền, thư xác nhận ngân hàng, thư xác nhận công nợ, biên bản kiểm kê hàng tồn kho, tài sản cố định, hoặc các hợp đồng, hóa đơn, chứng từ photo sẽ được đánh số tham chiếu bằng mục đỏ, lưu vào file hồ sơ kiểm toán ứng với mục chia file phân hành tương ứng.

Khi kiểm toán phân hành nào, KTV lưu giấy tờ làm việc vào đúng chỉ mục của phân đó, nội dung trình bày trên hồ sơ bản cứng phải thống nhất với bản mềm. Như vậy, nhờ có chỉ mục rõ ràng từng phần, những KTV phụ trách các năm tiếp theo có thể dễ dàng theo dõi nội dung các phần đã được kiểm toán.

### **2.2.3. Đánh giá mức trọng yếu:**

Bằng các thông tin thu thập được về khách hàng, KTV sẽ đánh giá rủi ro kiểm toán và các cơ sở dẫn liệu có thể bị ảnh hưởng. Công ty IPA thường dựa vào hồ sơ kiểm toán năm trước của khách hàng để biết được các sai phạm mà kế toán từng mắc phải, lưu ý việc áp dụng các quy định mới được nhà nước ban hành của khách hàng để xác định rủi ro kiểm toán có thể xảy ra.

Chủ nhiệm kiểm toán sẽ xác định mức trọng yếu kế hoạch và mức trọng yếu thực hiện. Mức trọng yếu thực hiện sẽ được xác định dựa trên mức trọng yếu kế hoạch nhưng nhỏ hơn mức trọng yếu kế hoạch để đảm bảo rằng nếu sai phạm được phát hiện thì toàn bộ sai phạm trên BCTC cũng sẽ không vượt quá mức trọng yếu kế hoạch.

Thông thường, KTV chọn tổng doanh thu làm cơ sở để tính mức trọng yếu. Mức độ trọng yếu kế hoạch được lựa chọn được tính bằng 1% đến 3% của tổng doanh thu. KTV thường ước tính mức trọng yếu thực hiện bằng 50% mức trọng yếu kế hoạch. Ngưỡng sai sót không đáng kể có thể bỏ qua bằng 1% mức trọng yếu của kế hoạch. Mức trọng yếu thực hiện được KTV của công ty IPA sử dụng để tính ra số mẫu cần lựa chọn để kiểm tra chi tiết trong mỗi phân hành cụ thể.

Mức chênh lệch có thể bỏ qua (mức sai sót không đáng kể có thể bỏ qua) là mức chênh lệch KTV có thể không cần yêu cầu khách hàng điều chỉnh trong mỗi

phần hành. Ngoài ra, mức chênh lệch có thể bỏ qua cũng được sử dụng khi ước tính sai lệch tổng thể.

Các tính toán về mức độ trọng yếu đều được thực hiện trong phần làm việc chung của KTV.

#### **2.2.4. Quy trình kiểm soát chất lượng:**

- *Tại giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán:* các cấp bậc từ Chủ nhiệm kiểm toán trở lên sẽ có trách nhiệm liên hệ với khách hàng, nghiên cứu và ký hợp đồng. Tiếp đó, các Chủ nhiệm kiểm toán lên kế hoạch kiểm toán tổng thể, toàn bộ kế hoạch này sẽ được trình bày sơ bộ cho Giám đốc. Nếu kế hoạch được phê duyệt, Chủ nhiệm kiểm toán sẽ triển khai công việc thông qua Trưởng nhóm kiểm toán.

- *Tại giai đoạn thực hiện kiểm toán:* Sau khi nhận được kế hoạch kiểm toán, Trưởng nhóm và các thành viên trong nhóm phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, dữ liệu cần thiết để làm việc trực tiếp với khách hàng. Dựa vào năng lực làm việc của các thành viên trong nhóm, trưởng nhóm tiến hành phân công phần công việc phù hợp, tăng hiệu quả công việc. Trưởng nhóm trực tiếp theo dõi tiến độ và chất lượng làm việc của các thành viên, giải đáp các khúc mắc về chuyên môn mà các thành viên gặp phải. Cuối mỗi buổi làm việc, Trưởng nhóm sẽ soát xét phần làm việc của các thành viên, tổng hợp các chênh lệch cần điều chỉnh sau đó trao đổi với kế toán trưởng của đơn vị khách hàng. Sau khi thu thập đầy đủ các bằng chứng, tài liệu cần thiết, hoàn thiện phần làm việc của nhóm, Trưởng nhóm kiểm toán sẽ trình phần làm việc và báo cáo kiểm toán dự thảo lên cho Chủ nhiệm kiểm toán soát xét. Sau khi soát xét xong giấy tờ làm việc và báo cáo dự thảo, Chủ nhiệm kiểm toán tổng hợp lại toàn bộ các bút toán điều chỉnh rồi trao đổi ý kiến với khách hàng.

*Tại giai đoạn kết thúc kiểm toán:* Các giấy tờ làm việc sẽ được Chủ nhiệm kiểm toán hoặc Phó giám đốc trình lên Giám đốc soát xét lần cuối trước khi phát hành báo cáo kiểm toán. Nếu Giám đốc không thấy có các sai sót trọng yếu, báo cáo kiểm toán sẽ được phê duyệt và phát hành ra công chúng.

**2.3. Quy trình kiểm toán Tài sản cố định trong các cuộc kiểm toán tài chính do công ty TNHH Hăng Kiểm toán và Tư vấn IPA thực hiện:**

### **2.3.1. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán:**

#### *2.3.1.1. Trao đổi thông tin với khách hàng:*

- ❖ Thông báo cho khách hàng về kế hoạch kiểm toán của công ty:
  - Danh tính và trách nhiệm của các thành viên sẽ tham gia đoàn kiểm toán tại đơn vị của khách hàng.
  - Phạm vi công việc sẽ thực hiện trong quá trình kiểm toán để khách hàng có sự chuẩn bị một cách hiệu quả nhất.
  - Thời gian dự kiến tiến hành cuộc kiểm toán tại đơn vị khách hàng và xác định thời điểm công ty kiểm toán phát hành dự thảo báo cáo kiểm toán.
  - Yêu cầu khách hàng cung cấp các tài liệu cần thiết cho cuộc kiểm toán theo danh sách đính kèm.

- ❖ Danh sách hồ sơ khách hàng cần cung cấp:

KTV liệt kê các tài liệu cần cung cấp cho cuộc kiểm toán BCTC kết thúc ngày 31 tháng 12 năm đó. Ngoài ra, KTV cần ghi chú chi tiết ngày mà KTV đề xuất nhận tài liệu từ khách hàng và theo dõi ngày nhận thực tế.

Một số chứng từ khách hàng cần cung cấp như bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sổ cái, sổ nhật ký chung, sổ tài sản, bảng tính khấu hao TSCĐ,...

- ❖ Thực hiện phân công nhiệm vụ kiểm toán

#### *2.3.1.2. Nghiên cứu tình hình kinh doanh của khách hàng:*

Sau khi trao đổi các thông tin cần thiết với khách hàng, KTV tiến hành tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động để nắm bắt các thông tin cần thiết. Đi sâu vào nhiệm vụ nghiên cứu sẽ bao gồm các nội dung sau:

- ❖ Xác định và tìm hiểu các giao dịch và cách thức kinh doanh của đơn vị có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC, từ đó xác định rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

- ❖ Thông tin về môi trường hoạt động và các yếu tố bên ngoài tác động đến đơn vị như:

- Các vấn đề về ngành mà doanh nghiệp kinh doanh và xu hướng của ngành

- Yếu tố pháp lý: KTV cần thu thập thông tin về chế độ kế toán áp dụng cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cũng như các quy định khác do Nhà nước ban hành. Ngoài ra, KTV cũng cần đánh giá xem doanh nghiệp có tuân thủ các chế độ, quy định đó hay không.

- Các yếu tố bên ngoài tác động đến doanh nghiệp: Bên cạnh việc tìm hiểu môi trường ngành và môi trường bên trong doanh nghiệp, KTV cũng cần thu thập những thông tin cần thiết về các yếu tố thuộc môi trường vĩ mô có thể ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp như tình hình hoạt động của doanh nghiệp, của nền kinh tế, các sự kiện nổi bật, biến động lãi suất,...

- ❖ Đặc điểm của công ty:

- Tìm hiểu về chiến lược kinh doanh, tầm nhìn và sứ mệnh của doanh nghiệp

- Đi sâu vào tìm hiểu môi trường hoạt động của doanh nghiệp, trước hết KTV sẽ thu thập thông tin về lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp để nắm bắt: Bản chất hoạt động kinh doanh của khách hàng như phương thức kinh doanh, nguồn doanh thu, chính sách kinh doanh của khách hàng. Ngoài ra, KTV cần hiểu rõ đầu vào của công ty khách hàng là nguồn cung cấp chính và các vấn đề thường phát sinh trong quá trình mua hàng.

- Tìm hiểu về chế độ kế toán mà đơn vị áp dụng và các chính sách khác.

#### 2.3.1.3. Tìm hiểu về TSCĐ của công ty khách hàng:

Ở bước này, KTV phải quan sát, phỏng vấn người chịu trách nhiệm để thu thập thông tin cần thiết về quy trình kiểm soát, chính sách kế toán áp dụng đối với TSCĐ. Dựa trên hiểu biết về KSNB của khách hàng đối với TSCĐ, KTV đưa ra đánh giá về rủi ro kiểm soát. Tuy nhiên, KTV chỉ có khả năng đánh giá rủi ro kiểm soát đối với một cơ sở dữ liệu cụ thể thấp hơn mức tối đa. Đồng thời, cần có đủ bằng chứng để kết luận rằng hệ thống kiểm soát liên quan đến cơ sở dữ liệu sẽ được thiết kế và thực hiện đúng cách.

Một số câu hỏi được đặt ra để tìm hiểu đầy đủ về TSCĐ của công ty:

- ❖ Tổng thể TSCĐ của công ty:

- Các loại TSCĐ chủ yếu và tỷ trọng từng loại trong tổng tài sản?

- Thẩm quyền duyệt mua TSCĐ (theo Điều lệ Công ty và các quy định)?
- Các quy định và phương thức mua sắm TSCĐ, quy định về quản lý TSCĐ, sửa chữa TSCĐ?

❖ Chính sách kế toán đối với TSCĐ:

- Phương pháp hạch toán TSCĐ và trích khấu hao TSCĐ?
- Các chính sách kế toán được áp dụng có phù hợp với quy định của chuẩn mực, chế độ kế toán và có nhất quán với năm/kỳ trước hay không?
- Có bất kỳ thay đổi nào về chính sách kế toán và ước tính kế toán không?

❖ Mua sắm TSCĐ:

- Bộ phận nào chịu trách nhiệm về việc này?
  - Các giấy tờ liên quan là gì?
  - Những bộ phận nào có thẩm quyền phê duyệt?
  - Ai chịu trách nhiệm ghi chép, lưu trữ các số liệu, tài liệu liên quan?
  - Công ty có đối chiếu kế hoạch ngân sách với thực tế triển khai không?
- Ai làm việc này? Công việc này có được thực hiện thường xuyên hay không?

❖ Khấu hao TSCĐ:

- Bộ phận nào chịu trách nhiệm?
- Chính sách kế toán, ước tính và đánh giá sử dụng của công ty (chẳng hạn như ước tính thời gian hữu ích) là gì?
- Cách phân loại chi phí khấu hao vào chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp (TSCĐ hạch toán vào TK 6274, TK 6414, TK 6424) như thế nào?

❖ Thanh lý TSCĐ

- Bộ phận nào đề xuất xử lý?
- Những bộ phận nào có thẩm quyền xét duyệt và thẩm định hồ sơ đề xuất?
- Các tài liệu cần thiết là gì?
- Ai sẽ chịu trách nhiệm ghi và lưu trữ dữ liệu?
- Có xem xét các hoạt động xử lý không? Ai thực hiện nó?

#### 2.3.1.4. *Đánh giá trọng yếu và rủi ro:*

Trên cơ sở đánh giá KSNB và rủi ro tiềm tàng KTV và công ty kiểm toán có thể xây dựng mức trọng yếu cho TSCĐ nói riêng và BCTC nói chung. Quy trình áp dụng tính trọng yếu trong kiểm toán BCTC được thực hiện qua hai bước:

*Bước 1: Ước tính mức trọng yếu:* Mức trọng yếu ước tính ban đầu là mức tối đa mà KTV cho rằng ở mức đó, BCTC có thể có sai sót nhưng vẫn không ảnh hưởng đến quyết định của người sử dụng chúng.

Có 02 mức trọng yếu: (1) Mức trọng yếu tổng thể (OM) – mức trọng yếu đối với tổng thể BCTC và (2) Mức trọng yếu về hiệu quả hoạt động (PM) – mức trọng yếu đối với các nhóm giao dịch, số dư tài khoản hoặc thông tin thuyết minh cụ thể.

OM được trình bày dưới dạng một số tiền cụ thể và trình bày mức sai sót tổng hợp nhỏ nhất có thể là trọng yếu đối với bất kỳ BCTC nào. KTV thường đặt mức OM bằng cách áp dụng tỷ lệ phần trăm trong một số cơ sở, chẳng hạn như tổng tài sản, tổng doanh thu, tổng chi phí hoặc lợi nhuận trước thuế. Cơ sở được lựa chọn phụ thuộc vào đánh giá của KTV về bản chất của hoạt động kinh doanh, ngành và tình hình hoạt động của khách hàng.

PM được sử dụng để “đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu và xác định nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục kiểm toán cần thực hiện trong quá trình kiểm toán”. PM được xác định theo tỷ lệ phần trăm của mức OM, ví dụ thường là 10%. Khi áp dụng PM này cho số dư TSCĐ, nếu sai sót vượt quá PM thì số dư TSCĐ khi đó có thể là vấn đề hoàn toàn trọng yếu trên BCTC.

*Bước 2: Phân bổ tính trọng yếu ban đầu của các thành phần:* Dựa trên thái độ hoài nghi nghề nghiệp và xét đoán nghề nghiệp của KTV, KTV sẽ chia tính trọng yếu tổng thể thành các khoản mục riêng biệt trên BCTC.

#### 2.3.1.5. *Lập chương trình kiểm toán:*

Sau khi tìm hiểu về khách hàng, KTV sẽ đánh giá những vấn đề cần tập trung và từ đó đề ra mục tiêu kiểm toán. Ngoài mục tiêu, chương trình kiểm toán được thiết lập cho khách hàng nêu chi tiết các thủ tục kiểm toán sẽ được thực hiện. Công ty IPA đã thiết kế chương trình kiểm toán mẫu cho kiểm toán TSCĐ gồm 5 phần:

(1) Bước đầu tiên của mọi cuộc kiểm toán là xác định mục tiêu kiểm toán, ở đây là kiểm toán TSCĐ bao gồm 6 yêu cầu sau:

- Đảm bảo các TSCĐ được ghi trên sổ cái đều có mặt tại ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Đảm bảo TSCĐ và chi phí tại ngày lập bảng cân đối kế toán đáp ứng các tiêu chuẩn ghi nhận được ghi nhận chính xác trên thẻ đăng ký TSCĐ và sổ cái.
- Đảm bảo TSCĐ tăng giảm theo ngoại tệ hoặc quy đổi theo tỷ giá hối đoái phù hợp.
- Đảm bảo trích đủ chi phí khấu hao TSCĐ.
- Đảm bảo đơn vị sở hữu hoặc có quyền hợp pháp đối với TSCĐ được ghi nhận trên sổ cái tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các TSCĐ không bị hạn chế quyền sử dụng, quyền sở hữu hoặc lợi ích được đảm bảo khác, nếu không phải xác định tất cả các hạn chế về quyền sử dụng, quyền sở hữu hoặc các quyền được đảm bảo khác. và các thuyết minh trong BCTC.
- Đảm bảo mọi giải trình cần thiết liên quan đến TSCĐ là chính xác và các thông tin được trình bày, mô tả phù hợp trên BCTC.

(2) Sau khi xác định mục tiêu kiểm toán, KTV đánh giá rủi ro của khoản mục để xác định mức độ sai sót trọng yếu của khoản mục TSCĐ. Khi đó, KTV có thể xác định mức độ thủ tục kiểm toán sẽ sử dụng trong kiểm toán TSCĐ.

(3) Sau khi hoàn thành việc đánh giá các sai sót trọng yếu của khoản mục, KTV sẽ tiến hành một số thử nghiệm cơ bản để tổng hợp các số liệu cần thiết để nắm bắt tình hình TSCĐ của công ty. Qua đó, KTV sẽ vận dụng các xét đoán của mình để lưu ý đến các số liệu, giao dịch cần kiểm tra và bước vào thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết.

(4) Lúc này KTV có cơ sở để xác định số lượng và lựa chọn các thủ tục kiểm toán thích hợp cho cuộc kiểm toán TSCĐ của khách hàng. Trong chương trình kiểm toán chung TSCĐ do công ty IPA thiết kế có liệt kê các thử nghiệm cơ bản có thể áp dụng trong kiểm toán TSCĐ. Sau đó, tùy theo loại khách hàng và mức độ rủi ro phù hợp, KTV sẽ thiết kế các thử nghiệm phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí kiểm toán nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả cao.



(5) Cuối cùng, khi kết thúc cuộc kiểm toán TSCĐ, thông qua kết quả của các thủ tục kiểm toán mà KTV đã lựa chọn thực hiện, KTV sẽ đưa ra ý kiến về khoản mục này và thông báo cho khách hàng để có những điều chỉnh phù hợp.

### **2.3.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán:**

#### *2.3.2.1. Đánh giá KSNB đối với TSCĐ:*

KTV xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ trên hai khía cạnh chính:

- Kiểm soát nội bộ tài sản cố định được thiết kế như thế nào?
- Kiểm soát nội bộ TSCĐ như thế nào?

Đánh giá rủi ro kiểm soát là đánh giá về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc ngăn ngừa và phát hiện các sai sót trọng yếu. Sau khi hiểu rõ về hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị, KTV sẽ đưa ra những đánh giá sơ bộ về rủi ro kiểm soát của đơn vị. KTV phải thực hiện đánh giá rủi ro kiểm soát ở cấp độ cơ sở dẫn liệu đối với từng số dư tài khoản hoặc giao dịch trọng yếu.

Các bước cần thực hiện:

- Xác định loại gian lận và sai sót có thể xảy ra
- Đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và sai sót đó.
- Đánh giá mức độ rủi ro kiểm soát do gian lận và sai sót dựa trên thiết kế của hệ thống kiểm soát nội bộ và kết quả của một số thử nghiệm được thực hiện trong giai đoạn học tập đơn vị.

#### *2.3.2.2. Thực hiện thủ tục phân tích:*

Mặc dù Công ty IPA có sử dụng thủ tục phân tích trong quá trình kiểm toán nhưng mức độ sử dụng của thủ tục này khá ít và thường sẽ là phân tích đơn giản. Nguyên nhân là vì thủ tục phân tích đòi hỏi người thực hành phải có nhiều kinh nghiệm thực dụng, phải có cái nhìn tổng quan và liên kết, xuyên chuỗi các vấn đề. Vì vậy, trong thực tế kiểm toán TSCĐ, Công ty IPA chỉ thực hiện một số thủ tục phân tích đơn giản theo thiết kế trong chương trình kiểm toán của công ty, bao gồm:

- So sánh số dư tài khoản với kỳ trước bằng cách phân tích tình hình tăng giảm TSCĐ, trích khấu hao TSCĐ với tình hình hoạt động, kinh doanh của đơn vị.

- Rà soát các tài sản có hiệu suất lớn hơn mức giới hạn, hoặc các hạng mục bất thường, tìm nguyên nhân và thực hiện kiểm tra tương ứng.
- So sánh mức khấu hao bình quân của các nhóm tài sản với năm trước và yêu cầu giải trình nếu có sự thay đổi.
- Xem xét liệu có rủi ro cụ thể nào được xác định từ việc thực hiện thủ tục phân tích dẫn đến số dư tài sản cố định có sai sót trọng yếu hay không.

*2.3.2.3. Thực hiện kiểm tra chi tiết:*

*(1) Kiểm tra chi tiết số dư đầu kỳ và nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ:*

- Kiểm tra sổ cái để xác định các nghiệp vụ bất thường (về nội dung, giá trị, đối ứng tài khoản...). Tìm nguyên nhân và thực hiện kiểm tra đối ứng (nếu cần).
- Chọn mẫu để kiểm tra việc ghi tăng TSCĐ trong năm. Đối chiếu với kế hoạch và thủ tục mua sắm TSCĐ trình Ban giám đốc phê duyệt. Đánh giá việc ghi nhận TSCĐ có đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của BCTC liên quan hay không.
- Kiểm tra việc nhượng bán, thanh lý TSCĐ: Rà soát các quyết định thanh lý, hợp đồng mua bán, xác định và ghi nhận lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán, thời gian trích khấu hao TSCĐ,...
- Rà soát danh mục TSCĐ (chi tiết theo từng tài sản) để đảm bảo sự phân loại giữa TSCĐ với bất động sản đầu tư, giữa TSCĐ với chi phí sản xuất kinh doanh hoặc chi phí hợp tác xã. Việc chuyển đổi bất động sản, giữa tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước dài hạn là phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được áp dụng.
- Tập hợp danh mục TSCĐ cầm cố, thế chấp, hạn chế sử dụng,... (kết hợp với mục “Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn”) và danh mục TSCĐ ngừng sử dụng, tạm ngừng sử dụng. dừng sửa chữa, không cần chờ thanh lý, đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng,... (thông qua phỏng vấn khách hàng, kết hợp với thủ tục quan sát thực tế).

*(2) Kiểm tra chi tiết số dư tài khoản:*

Với số dư đầu kỳ, nếu việc kiểm toán năm trước được thực hiện bởi công ty IPA hoặc bởi công ty khác mà sau khi kiểm tra, KTV xác định là đúng thì không cần

thiết phải thực hiện các thủ tục kiểm toán bổ sung. Ngược lại, nếu BCTC năm trước chưa được kiểm toán hoặc được kiểm toán bởi công ty khác nhưng không đáng tin cậy, KTV phải thực hiện các thủ tục kiểm toán bổ sung. Dựa trên kết quả số dư đầu kỳ và số phát sinh trong kỳ, KTV có thể xác định số dư cuối kỳ của phía công ty khách hàng.

(3) *Kiểm tra trích khấu hao TSCĐ:*

- Tập hợp bảng trích khấu hao TSCĐ trong kỳ (chi tiết đến từng TSCĐ). Kiểm tra sự chính xác và đối chiếu số liệu với các chứng từ liên quan (sổ cái, sổ chi tiết, TB, BS).

- Kiểm tra sổ cái để nhận biết các nghiệp vụ bất thường (về nội dung, giá trị, đối ứng tài khoản...). Tìm nguyên nhân và thực hiện kiểm tra tương ứng (nếu cần).

- Kiểm tra tính hợp lý của bảng tính khấu hao nhằm: Phân loại nhóm tài sản; Các khoản mục chi phí được phân bổ theo bộ phận và mục đích sử dụng; Sự phù hợp về thời điểm trích khấu hao so với quy định hiện hành, so với đặc điểm của đơn vị; Sự thống nhất về phân bổ giữa năm nay với năm trước, giữa các thời kỳ trong năm, giữa các bất động sản cùng loại; ...

- Tính toán lại chi phí khấu hao trong kỳ và so sánh với số liệu của doanh nghiệp.

- Kiểm tra việc hạch toán số khấu hao lũy kế giảm do thanh lý, điều chuyển TSCĐ.

- Xem xét sự khác biệt giữa phương pháp phân bổ cho mục đích kế toán và tính thuế (nếu có).

(4) Kiểm tra giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ

(5) Kiểm tra các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu

**2.3.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán:**

*2.3.3.1. Soát xét các giấy tờ làm việc và đánh giá kết quả:*

Sau khi đã hoàn tất mọi thủ tục, KTV tiến hành soát xét lại giấy tờ làm việc của mình, bổ sung những bằng chứng mới thu thập được hoặc nếu thiếu thì cần nhanh chóng hoàn thiện, thu thập thêm. KTV phải kết luận rằng đã có đầy đủ bằng

chứng kiểm toán để đảm bảo rằng BCTC được trình bày phù hợp với các nguyên tắc kế toán hiện hành. Sau đó, trưởng nhóm kiểm toán và các thành viên Ban Giám đốc công ty thực hiện soát xét giấy tờ làm việc.

#### *2.3.3.2. Xem xét những sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo:*

Việc kiểm toán được tiến hành sau ngày của bảng cân đối kế toán. Vì vậy, trong khoảng thời gian từ khi kết thúc năm tài chính đến khi hoàn thành báo cáo kiểm toán, có thể xảy ra các sự kiện ảnh hưởng đến BCTC.

Để thu thập thông tin KTV cần:

- Phỏng vấn Ban lãnh đạo
- Soát xét các báo cáo nội bộ sau khi lập BCTC
- Rà soát các sổ sách lập sau ngày lập BCTC
- Kiểm tra các báo cáo phát hành sau ngày lập BCTC
- Kiểm tra tài sản cố định chưa sử dụng được bán sau ngày khóa sổ với giá thấp hơn giá trị ghi sổ.

#### *2.3.3.3. Phát hành Báo cáo kiểm toán:*

Kết thúc cuộc kiểm toán, KTV và công ty kiểm toán sẽ lập và phát hành báo cáo kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán.

Tất cả các giai đoạn trên đều cần thiết để công ty IPA tiến hành kiểm toán toàn bộ TSCĐ. Tuy nhiên, xét về mặt thực tiễn, KTV không nhất thiết phải thực hiện theo từng bước mà tùy thuộc vào từng loại khách hàng cũng như kinh nghiệm của KTV để quyết định bước nào sẽ được áp dụng. Như vậy sẽ tiết kiệm thời gian để cuộc kiểm toán được hiệu quả.

### ***2. 4. Quy trình kiểm toán Tài sản cố định trong kiểm toán Báo cáo tài chính do Công ty TNHH Hăng Kiểm toán và Tư vấn IPA thực hiện tại công ty Cổ phần Công nghiệp Nhựa Chín Huei:***

#### **2.4.1. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán:**

##### *2.4.1.1. Thông tin khách hàng:*

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nhựa Chín Huei là công ty 100% vốn đầu tư của Đài Loan, chuyên sản xuất các sản phẩm nhựa chất lượng cao phục vụ cho ngành xây dựng và trang trí nội thất.

Các sản phẩm công ty sản xuất gồm:

- Cửa xếp, cửa nhựa : dùng làm cửa ngăn phòng, cửa phòng WC, cửa phòng
- Tấm mặt tủ, tấm xếp: dùng làm tủ, kệ, bàn, nội thất gia đình và văn phòng.
- Tấm ốp tường, tấm trần, tấm trần thả, nẹp sàn gỗ, len chân tường và các linh phụ kiện đi kèm dùng làm vật liệu trang trí nội thất.

Công ty Chin Huei được thành lập vào 03/04/1997, dưới sự lãnh đạo của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo của công ty, cùng với sự đoàn kết gắn bó, quyết tâm cao, miệt mài hăng say lao động của tập thể cán bộ công nhân viên, đến nay công ty đã không ngừng lớn mạnh và liên tục phát triển không những về quy mô sản xuất mà cả về doanh số bán hàng. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm về doanh thu từ 30-40%. Sản lượng bình quân hàng năm đạt hơn 30.000 tấn.

Mạng lưới khách hàng không những rộng khắp các tỉnh thành trên cả nước (Từ Mộc Châu kéo dài đến đất mũi Cà Mau) mà còn vươn tầm ra thế giới như:

- Thị trường châu Mỹ: Canada, USA, Trung Nam Mỹ (Costa Rica, Mexico, Uruguay)
- Thị trường Âu Á: Nga, Nhật Bản, Đài Loan, Dubai, Thổ Nhĩ Kỳ, Đức, Pháp, Ba Lan, Ukraine.
- Thị trường Đông Nam Á: Campuchia, Singapore, Malaysia, Philippine, Miến Điện.
- Thị trường châu Phi: Algeria, Ai Cập, Sudan.
- Thị trường châu Đại Dương: Úc

Và đến nay, Chin Huei đã trở thành nhà cung cấp cửa xếp nhựa lớn nhất trên toàn thế giới.

#### *2.4.1.2. Hệ thống kế toán của công ty:*

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo “Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014” và “Thông tư số

53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC” của Bộ Tài chính.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ). Hạch toán và ghi nhận nguyên giá TSCĐ theo nguyên tắc giá gốc. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích được ước tính phù hợp với quy định hiện hành

#### *2.4.1.3. Hệ thống kiểm soát nội bộ:*

Việc tìm hiểu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán về TSCĐ được thực hiện dựa trên cơ sở kết quả các buổi gặp mặt trao đổi trực tiếp giữa các lãnh đạo của hai bên công ty, kết quả đánh giá của năm kiểm toán trước đó do công ty Chin Huei là khách hàng lâu năm của IPA.

*Mua sắm mới TSCĐ:* Dựa theo nhu cầu mua sắm tài sản của bộ phận quản lý TSCĐ, Giám đốc đơn vị sẽ phê duyệt mức dự toán dành cho việc mua mới. Kế toán viên phụ trách TSCĐ sau đó sẽ chịu trách nhiệm thu thập báo giá từ các đơn vị nhà cung cấp để so sánh. Khi đã chọn ra được nhà cung cấp phù hợp, hợp đồng sẽ được ký kết giữa 2 bên. Kế toán viên đóng vai trò là người theo dõi quá trình thực hiện hợp đồng. TSCĐ khi về kho sẽ được kiểm tra kỹ lưỡng bởi bộ phận kỹ thuật của Công ty Chin Huei trước khi ký vào biên bản bàn giao. Đối với những trường hợp mua sắm lớn TSCĐ, Giám đốc phải gửi email tới Công ty mẹ để xin ý kiến. Nếu nhận được sự chấp thuận, Giám đốc sẽ tiếp tục gửi lại cho Công ty mẹ một văn bản đề xin dấu xác nhận chính thức, và tiến hành ký kết hợp đồng.

*Thanh lý, nhượng bán TSCĐ:* Thông qua việc theo dõi tình hình hoạt động và sử dụng của TSCĐ, bộ phận quản lý TSCĐ sẽ đưa báo cáo tình trạng của tài sản. Các tài sản không đủ điều kiện để tiếp tục sử dụng hoặc không cần thiết sử dụng sẽ được trình lên cho Ban giám đốc xem xét, quyết định thanh lý.

#### *2.4.1.4. Xác định mức trọng yếu và đánh giá rủi ro:*

Căn cứ vào mức trọng yếu đã lập cho năm kiểm toán trước, căn cứ vào tổng doanh thu của đơn vị trước kiểm toán trong năm nay, Chủ nhiệm kiểm toán tính toán

mức trọng yếu của tổng BCTC dựa vào công thức sẵn có. Khoản mục TSCĐ không được ước tính mức trọng yếu riêng.

Dựa vào thực tế đặc điểm kinh doanh của Công ty Chin Huei và phân làm việc của người chịu trách nhiệm năm trước, tiến hành phân tích rủi ro kiểm soát thông qua kiểm soát nội bộ và hệ thống kế toán, KTV xác định các rủi ro có thể phát sinh đối với khoản mục TSCĐ như sau:

- TSCĐ bị tính khấu hao không đúng: Gây ảnh hưởng tới tính đánh giá và phân loại;
- TSCĐ không đủ điều kiện nhưng vẫn được ghi nhận là TSCĐ: Gây ảnh hưởng tới tính có thực, đầy đủ.
- TSCĐ đã thanh lý nhưng không ghi giảm TSCĐ: Gây ảnh hưởng tới tính có thực, hiện hữu, đánh giá.

#### *2.4.1.5. Thiết kế chương trình kiểm toán:*

Dựa vào các rủi ro có thể phát sinh đã được nhận diện, KTV thiết kế chương trình kiểm toán dành cho khoản mục TSCĐ như sau:

Mục tiêu	Cơ sở dẫn liệu
1. Đảm bảo TSCĐ hữu hình được ghi nhận trên sổ cái là hiện hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán.	E/Tính hiện hữu
2. Đảm bảo TSCĐ hữu hình và/hoặc chi phí tại ngày kết thúc kỳ kế toán đáp ứng các tiêu chuẩn ghi nhận được ghi nhận chính xác trong sổ đăng ký TSCĐ và sổ cái.	C/Tính đầy đủ
3. Đảm bảo TSCĐ hữu hình tăng, giảm bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỉ giá hối đoái phù hợp.	V/Đánh giá
4. Đảm bảo trích lập đầy đủ chi phí khấu hao của TSCĐ hữu hình.	V/Đánh giá
5. Đảm bảo đơn vị sở hữu hoặc có quyền hợp pháp đối với TSCĐ hữu hình được ghi nhận trên sổ cái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tất cả TSCĐ hữu hình không bị hạn chế quyền sử dụng, quyền sở hữu hoặc các quyền lợi được đảm bảo khác, nếu không, tất cả các hạn chế quyền sử dụng, quyền sở hữu hoặc các quyền lợi được đảm bảo khác phải được xác định và thuyết minh trong BCTC.	R&O/Quyền và nghĩa vụ
6. Đảm bảo tất cả các thuyết minh cần thiết liên quan đến TSCĐ hữu hình được lập chính xác và các thông tin này được trình bày và mô tả phù hợp trong BCTC.	P&D/Trình bày và thuyết minh

**Bảng 3: WP.D730.1 - Mục tiêu kiểm toán**

**Nguồn: D700 – Phòng Nghiệp vụ, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA**



STT	Thủ tục	Cơ sở dẫn liệu	WPs	Yêu cầu thực hiện	Ghi chú
A	<b>Thủ tục chung</b>				
	Kiểm tra chính sách kế toán có áp dụng nhất quán với năm trước và phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được áp dụng không. Trường hợp có thay đổi chính sách kế toán đơn vị có tuân thủ theo hướng dẫn của [CMKT số 29] không.	A	D720		
	Lập bảng tổng hợp số liệu dựa trên Bảng CĐSPS kỳ hiện tại và số liệu kỳ trước đã được kiểm toán với thông tin chi tiết về TSCĐ hữu hình tăng, nhượng bán, ghi giảm, chuyển đổi, số khấu hao, khấu hao lũy kế. Đối chiếu số dư đầu kỳ với BCTC kỳ trước và kiểm tra tính chính xác số học của bảng tổng hợp số liệu.	E, A	D740	Tổng hợp so sánh TB; LS	
	Thu thập danh sách TSCĐ hữu hình tăng trong kỳ (nếu có), trong đó chi tiết về TSCĐ hữu hình đã mua và phân loại TSCĐ hữu hình, ngày mua, nguyên giá,...Đối chiếu TSCĐ hữu hình tăng với sổ đăng ký TSCĐ hữu hình và bảng tổng hợp số liệu nêu trên.	E, A	D742		
	Thu thập danh sách TSCĐ hữu hình nhượng bán, ghi giảm trong kỳ (nếu có), trong đó chi tiết theo các khoản mục chuyển nhượng, nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại tại ngày chuyển nhượng. Nếu tài sản đã bán, chi tiết số tiền thu được và việc tính toán lãi hoặc lỗ do thanh lý TSCĐ hữu hình. Đối chiếu các tài sản đã thanh lý với sổ đăng ký TSCĐ hữu hình và bảng tổng hợp số liệu nêu trên.	E, A	D743		

<b>B</b>	<b>Thực hiện thủ tục phân tích</b>				
	<p>Thực hiện các thủ tục phân tích sau:</p> <p>(a) So sánh số dư TK của kỳ hiện tại với kỳ trước bằng cách phân tích tình hình tăng hoặc/và giảm TSCĐ hữu hình, khấu hao TSCĐ hữu hình với tình hình hoạt động và kinh doanh của đơn vị;</p> <p>(b) Soát xét các khoản mục lớn hơn mức trọng yếu thực hiện, hoặc khoản mục bất thường, tìm hiểu nguyên nhân và thực hiện thủ tục kiểm tra tương ứng; và</p> <p>(c) So sánh tỷ lệ khấu hao trung bình cho các nhóm tài sản với kỳ trước và yêu cầu giải trình nếu có sự thay đổi.</p>	C, E, A	D741	Phân tích, đưa nhận xét tổng thể	
<b>C</b>	<b>Quan sát hiện vật và kiểm tra quyền sở hữu tài sản</b>				
	<p>Xác định cỡ mẫu các TSCĐ hữu hình tăng trong kỳ hiện tại và kỳ trước. KTV chọn mẫu quan sát, chứng kiến kiểm kê TSCĐ hữu hình dựa vào nguyên giá TSCĐ hữu hình. Tuy nhiên, KTV sử dụng xét đoán chuyên môn để xác định cơ sở lấy mẫu quan sát, chứng kiến kiểm kê cho phù hợp hoàn cảnh cụ thể của cuộc kiểm toán. Thực hiện quan sát thực tế các tài sản được chọn mẫu và đánh giá liệu:</p> <p>(a) Các TSCĐ hữu hình có được đơn vị sử dụng và/hoặc sở hữu không;</p> <p>(b) Thời gian sử dụng hữu ích còn lại có phù hợp với điều kiện và việc sử dụng ước tính trong tương lai không; và</p> <p>(c) Tài sản có đang ở điều kiện hoạt động bình thường và không bị dừng sử dụng cho hoạt động SXKD không.</p>	E, V	D745	Thủ tục kiểm kê	

D	<b>Kiểm tra tình hình tăng, giảm và tính đầy đủ của TSCĐ hữu hình</b>				
1	<p>Với các mẫu được lựa chọn từ các TSCĐ hữu hình tăng trong kỳ, kiểm tra với các tài liệu hỗ trợ (bao gồm việc phê duyệt khoản chi đầu tư, mua sắm TSCĐ hữu hình, dự toán, hoá đơn của các nhà cung cấp...). Kiểm tra:</p> <p>(a) Nguyên giá được ghi nhận chỉ bao gồm các chi phí đáp ứng tiêu chuẩn ghi nhận của TSCĐ hữu hình; lưu ý trường hợp khi mua TSCĐ nếu được nhận kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì kế toán có ghi nhận có đúng theo quy định của TT200/2014/TT-BTC không;</p> <p>(b) Nguyên giá TSCĐ hữu hình bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỉ giá giao dịch thực tế;</p> <p>(c) Các TSCĐ hữu hình mua trong kỳ đã được phê duyệt đúng đắn;</p> <p>(d) Các TSCĐ hữu hình đã được ghi nhận vào nhóm tài sản phù hợp;</p> <p>(e) TSCĐ hữu hình do mua sắm được bàn giao trước ngày kết thúc kỳ kế toán; và</p> <p>(f) Nếu có chi phí lãi vay được vốn hóa: Đối chiếu với phần hành kiểm toán “Vay và nợ ngắn hạn/dài hạn” (E100) để đảm bảo việc vốn hóa được thực hiện phù hợp (dựa vào thời gian đưa tài sản vào sử dụng, xem xét liệu việc vốn hóa phù hợp với các quy định hiện hành hay chưa, soát xét lại việc tính toán chi phí vốn hóa, nếu có).</p>	A, R&O	D742	TOD TSCĐ; đảm bảo TOD tuân thủ các hướng dẫn của CTKiT mẫu	

2	<p>Với các tài sản giảm lớn trong kỳ, kiểm tra các tài liệu hỗ trợ (bao gồm hợp đồng mua và bán, thẩm quyền phê duyệt việc nhượng bán, chứng từ gốc,...). Kiểm tra:</p> <p>(a) Thu nhập từ việc nhượng bán có được ghi nhận chính xác;</p> <p>(b) Phỏng vấn và ghi chép liệu có các khoản mục TSCĐ hữu hình bị loại bỏ hoặc bị hư hỏng và kiểm tra liệu sổ, tài liệu thích hợp có còn được lưu giữ không;</p> <p>(c) Các khoản lãi hoặc lỗ từ nhượng bán TSCĐ hữu hình có được tính toán và ghi nhận chính xác; chi phí thanh lý dự kiến có vượt quá so với dự toán ban đầu không;</p> <p>(d) Khoản nhượng bán nhận được bằng ngoại tệ có được quy đổi theo tỉ giá giao dịch thực tế phù hợp không;</p> <p>(e) Các tài sản giảm đã được phê duyệt đúng đắn chưa;</p> <p>(f) Các tài sản đó đã bị xoá khỏi sổ đăng ký TSCĐ hữu hình chưa; và</p> <p>(g) Xem xét thời điểm dừng khấu hao TSCĐ hữu hình đã phù hợp chưa.</p>	A, R&O	D743	TOD TSCĐ; đảm bảo TOD tuân thủ các hướng dẫn của CTKiT mẫu	
3	<p>Đối với nghiệp vụ mua/bán TSCĐ với bên liên quan: Kiểm tra thẩm quyền phê duyệt, tính hợp lý của giá mua/bán, khối lượng giao dịch, các điều khoản cụ thể (về quyền và nghĩa vụ,...).</p>				

E	<b>Kiểm tra khấu hao</b>				
1	<p>Đối với chi phí khấu hao</p> <p>(a) Kiểm tra tính hợp lý của việc xác định thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, so sánh với các quy định và hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ hiện hành và CMKT liên quan;</p> <p>(b) So sánh cơ sở và tỉ lệ khấu hao đơn vị sử dụng với các công ty khác trong cùng ngành nghề; xác định liệu cơ sở và tỉ lệ khấu hao đơn vị sử dụng có không hợp lý không và có cần phải xem xét tiếp không;</p> <p>(c) Khấu hao của các TSCĐ hữu hình không sử dụng hoặc sử dụng cho mục đích khác ngoài hoạt động SXKD được phân loại riêng và xác định rõ ràng để loại trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN;</p> <p>(d) Xác nhận việc tất cả các TSCĐ hữu hình (bao gồm TSCĐ hữu hình chưa dùng, không cần dùng, chờ thanh lý) được tính khấu hao phù hợp với chính sách kế toán của đơn vị;</p> <p>(e) Chọn mẫu kiểm tra việc tính toán hoặc kiểm tra tính hợp lý của chi phí khấu hao trong kỳ;</p> <p>(f) Thời gian sử dụng hữu ích và phương pháp khấu hao TSCĐ có được xem xét lại định kỳ, thường là cuối năm tài chính hay không và xem xét liệu có phải điều chỉnh tỉ lệ khấu hao và phương pháp khấu hao không;</p> <p>(g) Kiểm tra chi phí khấu hao đã được phân loại phù hợp vào các TK chi phí hay chưa; và</p> <p>(h) Đảm bảo các TSCĐ hữu hình được khấu hao theo mức thấp hơn giá trị còn lại.</p>	A, V	D744	Kiểm tra khấu hao; thực hiện đầy đủ các bước như hướng dẫn của CTKiT mẫu	

F	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc và quyền sử dụng đất nắm giữ để cho thuê</b>				
	<p>Khi tài sản cho thuê bao gồm cả yếu tố quyền sử dụng đất và nhà trên đất, xem xét liệu thành phần đất và nhà trên đất có được phân loại riêng biệt dựa trên đánh giá liệu tất cả các rủi ro cơ bản và thu nhập phát sinh từ quyền sở hữu đã được chuyển giao cho đơn vị chưa:</p> <p>(a) Nếu cả 2 yếu tố đều là cho thuê hoạt động thì toàn bộ tài sản thuê đều được phân loại là thuê hoạt động.</p> <p>(b) Nếu không, khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (bao gồm các khoản thanh toán trả trước một lần) sẽ được phân bổ giữa đất và nhà trên đất theo giá trị hợp lý tương đối của lợi ích thu được từ việc cho thuê đất và nhà trên đất trong hợp đồng thuê tại thời điểm bắt đầu thuê.</p>	A, V, Classifiaction	D744		
G	<b>Trình bày và thuyết minh</b>				
	Đảm bảo TSCĐ hữu hình được thuyết minh phù hợp trên BCTC theo khuôn khổ lập và trình bày BCTC được áp dụng.	P&D, R&O	D740; D720		

**Bảng 4: WP.D730.2 - Kế hoạch kiểm toán**

**Nguồn: D700 – Phòng Nghiệp vụ, Công ty TNHH Hăng Kiểm toán và Tư vấn IPA**

Theo đó, chương trình kiểm toán ghi rõ các thủ tục mà người thực hiện sẽ làm cùng với các phần hành tương ứng. Khi người thực hiện ghi tên vào phần khai báo dữ liệu, tên người thực hiện sẽ tự động chạy trên các phần làm việc tương ứng.

**2.4.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán:****2.4.2.1. *Phân tích biến động:***

Căn cứ vào bảng cân đối phát sinh, báo cáo kết quả kinh doanh, dữ liệu các nghiệp vụ phát sinh của năm nay và báo cáo kiểm toán, phần làm việc năm trước, trợ lý KTV tiến hành phân tích sơ bộ tình hình biến động TSCĐ. Thủ tục phân tích giúp người thực hiện đưa ra một số phán đoán về mức độ hợp lý trong việc biến động TSCĐ, từ đó bước đầu xác định được các mẫu cần kiểm tra chi tiết và rủi ro có thể xảy ra.

**CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN IPA**

**Kỳ kế toán: Kỳ kế toán tại ngày 31/12/2022**

**Tài khoản: TSCĐ**

**Nội dung: Phân tích biến động TSCĐ**

**WP: D741**

	Tên	Ngày
<b>Người thực hiện</b>	NDH	13/02/2023
<b>Người soát xét 1:</b>	TKL	14/02/2023
<b>Người soát xét 2:</b>	LTHUY	15/02/2023

**Mục đích:**

- Tổng hợp, đối chiếu số liệu, giải thích biến động bất thường

**Nguồn gốc số liệu:**

Bảng cân đối số phát sinh năm 2022, BCKiT 2021

**Công việc thực hiện:**

- Tiến hành so sánh số liệu năm nay trước kiểm toán với số liệu năm trước.

- Đối chiếu số liệu trên Biểu tổng hợp với sổ cái, sổ chi tiết

TK	Diễn giải	31/12/2022	Ref	01/01/2022	Ref	Chênh lệch	%	Ghi chú
<b>MS 221</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>41.624.770.386</b>	<b>BS</b>	<b>46.841.005.445</b>	<b>PY</b>	<b>(5.216.235.059)</b>	-11%	
<b>MS 222</b>	<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>	<b>181.953.799.336</b>	<b>BS</b>	<b>178.370.011.678</b>	<b>PY</b>	<b>3.583.787.658</b>	2%	
2111	Nhà cửa, vật kiến trúc	39.559.688.746	GL	39.559.688.746	GL	-	0%	
2112	Máy móc thiết bị	137.774.409.370	GL	132.921.678.440	GL	4.852.730.930	4%	
2113	Phương tiện vận tải truyền dẫn	3.452.804.265	SL	4.721.747.537	SL, PY	(1.268.943.272)	-27%	
2114	Thiết bị dụng cụ quản lý	1.166.896.955	GL	1.166.896.955	GL	-	0%	
<b>MS 222</b>	<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>	<b>387.240.481</b>	<b>GL</b>	<b>387.240.481</b>	<b>GL</b>	-	0%	
<b>MS 223</b>	<b>Hao mòn TSCĐ</b>	<b>(140.716.269.431)</b>	<b>BS</b>	<b>(131.916.246.714)</b>	<b>PY</b>	<b>(8.800.022.717)</b>	7%	
2141	Hao mòn tài sản cố định hữu hình	(140.329.028.950)	GL	(131.542.836.253)	GL	(8.786.192.697)	7%	
2143	Hao mòn tài sản cố định vô hình	(387.240.481)		(373.410.461)		(13.830.020)	4%	

<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>83.219.064.176</b>	<b>BS</b>	<b>85.067.882.399</b>	<b>PY</b>	<b>(1.848.818.223)</b>	<b>(2,17%)</b>	
------------------------	-----------------------	-----------	-----------------------	-----------	------------------------	----------------	--



Tỷ trọng TSCĐ hữu hình/ TSDH	50,02%		55,06%			-5,04%	
Tổng tài sản	204.609.634.149	<b>BS</b>	177.178.505.626	<b>PY</b>	27.431.128.523	15,48%	
Tỷ trọng TSCĐ hữu hình/ Tổng tài sản	20,34%		26,44%			-6,09%	

**Nhận xét:**

**Phân tích biến động**

Tài sản cố định hữu hình giảm 11%, tương đương 5.216.235.059 VNĐ do nguyên nhân sau:

- Nguyên giá TSCĐ tăng 3.583.787.658 VNĐ, do mua máy móc thiết bị và thanh lý phương tiện vận tải truyền dẫn
- Hao mòn lũy kế trong năm là 8.800.022.717, cao hơn TSCĐ tăng mới trong năm

**Phân tích cơ cấu**

Tỷ trọng TSCĐ hữu hình chiếm tỷ lệ 50,02% trong tài sản dài hạn. Tỷ trọng này giảm 5,04% so với năm trước do tỷ lệ giảm TSCĐ hữu hình giảm ít hơn tỷ lệ giảm của tài sản dài hạn.

Tỷ trọng TSCĐ hữu hình chiếm 20,34% trong tổng tài sản. Tỷ trọng này giảm 6,09% so với năm trước do tỷ lệ giảm TSCĐ hữu hình và tỷ lệ tăng của tổng tài sản.

**Kết luận:** Các biến động bất thường đã được giải thích

**Ghi chú:**

**GL** Đã đối chiếu khớp số liệu sổ cái tài khoản

**PY** BCTC đã kiểm toán năm trước.

**BS** Đã đối chiếu khớp số liệu trình bày trên BCĐKT trước kiểm toán năm nay

**Bảng 5: WP.D741 - Phân tích biến động TSCĐ**

**Nguồn: D700 – Phòng Nghiệp vụ, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA**

#### *2.4.2.1. Kiểm tra chi tiết nghiệp vụ, số dư tài khoản:*

Sau khi phân tích biến động TSCĐ trong năm, KTV tiến hành thủ tục kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ, số dư tài khoản TSCĐ, hao mòn TSCĐH trong năm.

##### *Thủ tục 1: Lập bảng tổng hợp TSCĐ và đối chiếu số dư:*

Người thực hiện tiến hành lập bảng số liệu tổng hợp có đối chiếu với số dư trong phần làm việc cuối năm trước, số dư trên bảng cân đối phát sinh, sổ cái, sổ chi tiết tài khoản 211 và 214 của năm nay. Bảng tổng hợp này được lập dựa trên các tài khoản trên bảng cân đối phát sinh mà đơn vị cung cấp, tùy vào đặc điểm từng ghi nhận từng đơn vị mà mức độ chi tiết các tài khoản mà bảng tổng hợp thể hiện cũng khác nhau. Công ty Chin Huei thực hiện phân loại các tài khoản nguyên giá và hao mòn tài sản rất chi tiết vì vậy có thể tổng hợp biến động tài sản đầy đủ.

**CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN IPA**

Kỳ kế toán: Kỳ kế toán tại ngày 31/12/2022

Tài khoản: TSCĐ

Nội dung: Bảng số liệu tổng hợp TSCĐ

WP: D740

	Tên	Ngày
Người thực hiện	NDH	13/02/2023
Người soát xét 1:	TKL	14/02/2023
Người soát xét 2:	LTHUY	15/02/2023

**Mục tiêu:** Tính hiện hữu, chính xác, quyền và nghĩa vụ

**Nguồn gốc số liệu:** Sổ chi tiết TSCĐ, CĐPS, GL 2022

**Nội dung công việc:** Tổng TSCĐ hữu hình theo từng TK, nhóm TSCĐ theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế, số tăng, giảm trong năm  
Kiểm tra đối ứng bất thường

**1. Tổng hợp số dư tài khoản:**

TK	Diễn giải	01/01/2022 Sau KT	Tăng	Giảm	31/12/2022 Trước KT	Biến động		Ghi chú
						+/-	%	
<b>211</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>178.370.011.678</b>	<b>6.779.244.338</b>	<b>3.195.456.680</b>	<b>181.953.799.336</b>	<b>3.583.787.658</b>	<b>2%</b>	
2111	Nhà cửa, vật kiến trúc	39.559.688.746	-	-	39.559.688.746	-	0%	
2112	Máy móc thiết bị	132.921.678.440	6.7719.244.338	1.926.513.408	137.774.409.370	<b>4.852.730.930</b>	<b>4%</b>	
2113	Phương tiện vận tải truyền dẫn	4.721.747.537	-	1.268.943.272	3.452.804.265	<b>(1.268.943.272)</b>	<b>-37%</b>	
2114	Thiết bị dụng cụ quản lý	1.166.896.955	-	-	1.166.896.955	-	0%	
<b>213</b>	<b>TSCĐ vô hình</b>	<b>387.240.481</b>	-	-	<b>387.240.481</b>	-	<b>0%</b>	
2131	Quyền sử dụng đất	387.240.481	-	-	387.240.481	-	0%	
<b>214</b>	<b>Hao mòn tài sản cố định</b>	<b>(131.916.246.714)</b>	<b>(11.328.671.558)</b>	<b>(2.528.648.841)</b>	<b>(140.716.269.431)</b>	<b>(8.800.022.717)</b>	<b>6%</b>	
2141	Hao mòn tài sản cố định hữu hình	(131.542.836.253)	(11.314.841.538)	(2.528.648.841)	(140.329.028.950)	<b>(8.786.192.697)</b>	<b>6%</b>	
2143	Hao mòn tài sản cố định vô hình	(373.410.461)	(13.830.020)	-	(387.240.481)	<b>(13.830.020)</b>	<b>4%</b>	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>46.841.005.445</b>	<b>(4.549.427.220)</b>	<b>666.807.839</b>	<b>41.624.770.386</b>	<b>(5.216.235.059)</b>	<b>-11,1%</b>	
		<b>PY</b>			<b>TB, GL</b>			
BS		46.841.005.445			41.624.770.386			
CL		-			-			

**Ghi chú:**

TB, GL: Khớp với số liệu trên bảng CĐPS và Sổ Cái

PY: Khớp với BCKT

c/c: Kiểm tra việc cộng tổng và đồng ý

**Notes**

- Số đầu kỳ đọc kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA

- Qua đối chiếu số dư đầu kỳ với báo cáo 2021 được kiểm toán bởi IPA, số dư đầu kỳ khớp BC.

**Nhận xét**

- TSCĐ giảm 11,1% do tỷ lệ khấu hao cao hơn tỷ lệ tăng mới của TSCĐ

**Bảng 6: WP.D740.1 - Tổng hợp số dư tài khoản**

**Nguồn: D700 – Phòng Nghiệp vụ, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA**

- **Số dư đầu kỳ:** Công ty Chin Huei là công ty được IPA kiểm toán năm 2021, do đó chỉ cần kiểm tra đối chiếu sự trùng khớp giữa số dư đầu kỳ năm nay với số dư cuối kỳ trong phần làm việc đã hoàn thiện năm trước.

- **Số dư cuối kỳ:** Trợ lý KTV kiểm toán số dư cuối kỳ dựa vào kết quả kiểm toán về số dư đầu kỳ và các nghiệp vụ phát sinh tăng/giảm TSCĐ trong kỳ. Bên cạnh đó, theo như hợp đồng, KTV phải chứng kiến kiểm kê tại đơn vị vào thời điểm khóa sổ kế toán và so sánh số lượng TSCĐ thực tế kiểm kê với số lượng TSCĐ doanh nghiệp theo dõi trên sổ sách, tính toán chênh lệch và giải thích được nguyên nhân.

**Thủ tục 2: Kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ bất thường:**

Thủ tục kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ bất thường giúp KTV khoanh vùng được sai sót có thể xảy ra dựa vào sự đối ứng của các tài khoản. KTV đọc lướt sổ cái, sau đó chạy hàm tổng các số dư tài khoản đối ứng với tài khoản TSCĐ, đối chiếu với bảng cân đối phát sinh năm nay. Vẫn trên WP.D740, KTV tiến hành kiểm tra đối ứng bất thường.

**2. Kiểm tra đối ứng bất thường:**

<b>Đối ứng tài khoản 211</b>			
<b>Tài khoản</b>	<b>Nội dung</b>	<b>PS nợ</b>	<b>PS có</b>
136	Phải thu nội bộ	-	651.053.521
214	Hao mòn tài sản cố định	8.928.080	2.528.648.841
241	Xây dựng cơ bản dở dang	329.000.000	-
331	Phải trả cho người bán	5.574.779.104	-
333	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.153.423	-
335	Chi phí phải trả	7.911.430	-
336	Phải trả nội bộ	853.472.301	-
811	Chi phí khác	-	15.754.318
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>6.779.244.338</b>	<b>3.195.456.680</b>
		<b>TRUE</b>	<b>TRUE</b>

<b>Đối ứng tài khoản 214</b>			
<b>Tài khoản</b>	<b>Nội dung</b>	<b>PS nợ</b>	<b>PS có</b>
211	Tài sản cố định hữu hình	2.528.648.841	8.928.080
627	Chi phí sản xuất chung	-	11.111.036.465
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	208.707.013
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.528.648.841</b>	<b>11.328.671.558</b>
		<b>TRUE</b>	<b>TRUE</b>

**Nhận xét** Không có đối ứng bất thường

**Kết luận** Đạt mục tiêu kiểm toán

**Bảng 7: WP.D740.2 - Kiểm tra đối ứng bất thường**

**Nguồn: D700 – Phòng Nghiệp vụ, Công ty TNHH Hăng Kiểm toán và Tư vấn IPA**

Dựa trên kết quả số dư các nghiệp vụ đối ứng, KTV nhận thấy không có bất kỳ nghiệp vụ đối ứng nào bất thường. Vì vậy, kết luận việc kiểm tra đạt mục tiêu kiểm toán. Nếu có nghiệp vụ đối ứng nào bất thường, KTV sẽ ghi chú lại để kiểm tra chi tiết các chứng từ liên quan.

*Thủ tục 3 : Kiểm tra chi tiết nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ:*

KTV tiếp tục thực hiện thủ tục kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ thông qua kiểm tra chọn mẫu. Thông thường, cỡ mẫu thực tế dựa trên tỷ lệ tổng thể các nghiệp vụ với khoảng cách mẫu. Tuy nhiên, riêng với khoản mục TSCĐ, vì các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến TSCĐ không nhiều, vì thế KTV thường kiểm tra 100% mẫu TSCĐ tăng/giảm trong năm tài chính.

- Kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ tăng TSCĐ trong kỳ:

- KTV chọn 100% mẫu TSCĐ tăng trong năm. Đối chiếu dữ liệu ngày tháng, giá trị tài sản với đề nghị mua sắm TSCĐ, quyết định mua sắm của Ban giám đốc cùng với chứng từ mua, hợp đồng mua; kiểm tra tính hợp pháp của các chứng từ này. Đánh giá sự phù hợp của việc ghi nhận TSCĐ và bất động sản đầu tư với quy định của các chuẩn mực kế toán liên quan. Đặc biệt, trường hợp khi mua TSCĐ được nhận kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì kiểm tra xem kế toán có ghi nhận có đúng theo quy định của TT200/2014/TT-BTC không.

- Sau khi tiến hành kiểm tra, KTV kết luận các nghiệp vụ tăng được chọn để kiểm tra đều thực phát sinh. Trợ lý KTV sẽ tiến hành thu thập một bộ hồ sơ đầy đủ hợp đồng, chứng từ, quyết định mua sắm TSCĐ... của TSCĐ tăng trong năm có giá trị lớn để lưu lại trong hồ sơ kiểm toán. Trong trường hợp, đoàn kiểm toán trực tiếp làm việc với khách hàng không có ai là KTV, trợ lý KTV sẽ phải thu thập lại toàn bộ hồ sơ tăng TSCĐ của khách hàng trong năm để KTV hoặc chủ nhiệm kiểm toán soát xét lại, tuân thủ nguyên tắc thận trọng theo chuẩn mực kiểm toán.

**CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN IPA**

**Kỳ kế toán: Kỳ kế toán tại ngày 31/12/2022**

**Tài khoản: TSCĐ**

**Nội dung: Kiểm tra chi tiết tăng TSCĐ**

**WP: D742**

	Tên	Ngày
<b>Người thực hiện</b>	NDH	13/02/2023
<b>Người soát xét 1:</b>	TKL	14/02/2023
<b>Người soát xét 2:</b>	LTHUY	15/02/2023

**Mục tiêu:**

- Tính hiện hữu, chính xác, đánh giá

**Nguồn gốc số liệu:**

- Sổ chi tiết TSCĐ, hóa đơn chứng từ gốc

**Nội dung công việc:**

- Đối với các TSCĐ tăng do nhập khẩu (1): Kiểm tra, đánh giá sự phù hợp về thời điểm ghi nhận; tỷ giá quy đổi từ ngoại tệ về đồng tiền ghi sổ khi xác định nguyên giá; các chi phí mua kèm theo và các khoản thuế không được hoàn phát sinh; đồng thời lưu ý điều kiện giao hàng và các dịch vụ phát sinh kèm theo của TSCĐ nhập khẩu.

- Kiểm tra các TSCĐ tăng do mua sắm trong nước

<b>MP</b>	<b>1.618.000.000</b>	<b>A720</b>
<b>R</b>	<b>1,50</b>	
<b>J</b>	<b>1.078.666.667</b>	
<b>P</b>	<b>6.779.244.338</b>	<b>D740</b>
<b>P&gt;J</b>	<b>1.784.916.881</b>	
<b>P&lt;J</b>	<b>4.994.327.457</b>	
<b>SP</b>	<b>4,63</b>	<i>Kiểm tra 100%</i>

Ngày CT	Số CT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	SPS	Invoice/TK
14/02/2022	PKT02/22/016	Phải trả tiền nhập tài sản	211	331	756.004.000	104528482110
14/02/2022	PKT02/22/017	Phải trả chi phí nhận hàng	211	331	1.762.468	104528482110
21/02/2022	PKT02/22/003	Nhập tài sản	211	3361	258.914.301	0010734

24/02/2022	PKT02/22/004	ĐN chuyển khấu hao TS cho HP	211	2141	8.928.080	0010734
04/03/2022	PKT03/22/014	Phải trả tiền nhập tài sản	211	331	757.350.000	104565495050
04/03/2022	PKT03/22/015	Chi phí phải trả	211	331	1.958.032	104565495050
19/05/2022	PKT05/22/013	Phải trả tiền nhập tài sản	211	331	1.096.012.800	104722235810
19/05/2022	PKT05/22/014	Phải trả thuế nhập khẩu	211	33332	1.717.808	104722235810
19/05/2022	PKT05/22/015	Phải trả chi phí nhận hàng	211	331	1.621.120	104722235810
19/05/2022	PKT05/22/016	Phải trả tiền nhập tài sản	211	331	1.460.044.800	104722703962
19/05/2022	PKT05/22/017	Phải trả tiền thuế nhập khẩu	211	33332	3.435.615	104722703962
19/05/2022	PKT05/22/018	Chi phí phải trả	211	331	1.222.553	104722703962
24/08/2022	PKT08/22/004	Nhập tài sản của ĐN	211	3361	82.390.000	3120
06/09/2022	PKT09/22/013	Phải trả tiền nhập tài sản	211	331	461.370.004	104951256800
06/09/2022	PKT09/22/014	Chi phí phải trả	211	331	538.859	104951256800
15/12/2022	PKT12/22/021	Phải trả tiền nhập TS	211	331	1.043.997.500	105165663522
15/12/2022	PKT12/22/022	Chi phí phải trả	211	331	808.398	105165663522
29/12/2022	PKT12/22/024	Nhập tài sản	211	3361	512.168.000	7760
		<b>Cộng</b>			<b>6.779.244.338</b>	
					<b>6.779.244.338</b>	<b>D740</b>

**Kết luận:** Đạt mục tiêu kiểm toán

**Bảng 8: WP.D742 - Kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ tăng TSCĐ**

**Nguồn: D700 – Phòng Nghiệp vụ, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA**



- Kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ giảm TSCĐ trong kỳ:
  - Tương tự khi kiểm tra các nghiệp tăng, KTV chọn 100% mẫu giảm TSCĐ. Kiểm tra các quyết định thanh lý tài sản, hợp đồng mua bán, việc xác định và ghi nhận các khoản lãi/lỗ về thanh lý, nhượng bán, và thời điểm dừng khấu hao TSCĐ. Đồng thời đối chiếu với phần hành G600 – Thu nhập khác/ Chi phí khác để kiểm tra các nghiệp vụ đối ứng.

KTV kết luận các nghiệp vụ giảm được chọn để kiểm tra đều thực sự phát sinh, từ đó không nghi ngờ về tính đầy đủ của TSCĐ. Tương tự như việc kiểm tra tăng, trợ lý KTV cũng tiến hành thu thập đầy đủ nhất một hoặc tất cả các bộ hồ sơ về giảm TSCĐ trong năm tài chính để lưu lại làm bằng chứng kiểm toán.

**CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN IPA**

**Kỳ kế toán: Kỳ kế toán tại ngày 31/12/2022**

**Tài khoản: TSCĐ**

**Nội dung: Kiểm tra chi tiết thanh lý TSCĐ**

**WP: D743**

	Tên	Ngày
<b>Người thực hiện</b>	NDH	13/02/2023
<b>Người soát xét 1:</b>	TKL	14/02/2023
<b>Người soát xét 2:</b>	LTHUY	15/02/2023

**Mục tiêu:**

Tính hiện hữu, chính xác, đánh giá

**Nguồn gốc số liệu:**

- Sổ chi tiết TSCĐ, hóa đơn chứng từ gốc

**Nội dung công việc:**

- Kiểm tra các nghiệp vụ nhượng bán, thanh lý TSCĐ

- Xem xét các quyết định thanh lý, hợp đồng mua bán, việc xác định và ghi nhận các khoản lãi/lỗ về thanh lý, nhượng bán, thời điểm dừng khấu hao TSCĐ.

<b>MP</b>	<b>1.618.000.000</b>	<b><u>A720</u></b>
<b>R</b>	<b>1,50</b>	
<b>J</b>	<b>1.078.666.667</b>	
<b>P</b>	<b>6.779.244.338</b>	
<b>P&gt;J</b>	<b>499.861.038</b>	
<b>P&lt;J</b>	<b>6.279.383.299</b>	
<b>SP</b>	<b>5,82</b>	

*Kiểm tra 100%*

Ngày CT	Số CT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Kiểm tra	Chứng từ	Note
28/05/2022	PKT05/22/019	Xuất tài sản cho ĐN theo HĐ số 1411	136	2113	663.514.491		<b>HĐ số 1411</b>	
21/06/2022	PKT06/22/017	Xuất tài sản cho ĐN theo HĐ số 1645	136	2113	1.262.998.917		<b>HĐ số 1645</b>	
02/12//2022	PKT12/22/005	Thanh lý xe ô tô 16LD-0882	214	2114	394.478.818		<b>HĐ số 3569</b>	
02/12/2022	PKT12/22/006	Thanh lý xe ô tô Toyota Fortuner Kun60L-Nkmshu	214	2114	874.464.454		<b>HĐ số 3570</b>	
		<b>Cộng</b>			<b>3.195.456.680</b>			
					<b>3.195.456.680</b>	<b>D744</b>		

**Kết luận:** Đạt mục tiêu kiểm toán

**Bảng 9: WP.D743 – Kiểm tra chi tiết nghiệp vụ giảm TSCĐ**

**Nguồn: D700 – Phòng Nghiệp vụ, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA**

*Thủ tục 4: Kiểm tra hao mòn TSCĐ:*

Công ty Chin Huei thực hiện khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng nhất quán với kỳ trước, trợ lý KTV thu thập bảng phân bổ khấu hao, sổ theo dõi chi tiết TSCĐ trong kỳ (chi tiết đến từng TSCĐ). Kiểm tra tính chính xác về số học bằng cách tính toán lại và đối chiếu với các chứng từ có liên quan như bảng cân đối phát sinh, sổ cái, sổ theo dõi chi tiết từng tài sản.... Bên cạnh đó, trợ lý còn kiểm tra tính hợp lý của bảng tính khấu hao trên các phương diện: Việc phân loại tài sản, khoản mục chi phí phân bổ theo bộ phận và theo mục đích sử dụng tài sản; tính nhất quán trong việc phân bổ giữa các năm, giữa các kỳ và giữa các tài sản cùng loại; tính hợp lý về thời gian trích khấu hao so với quy định hiện hành. Kiểm tra việc ghi giảm hao mòn lũy kế tương ứng do thanh lý, nhượng bán TSCĐ trong năm.

**CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN IPA**

**Kỳ kế toán: Kỳ kế toán tại ngày 31/12/2022**

**Tài khoản: 211, 213, 214**

**Nội dung: Giải thích chênh lệch của bảng tính khấu hao**

**WP: D744**

	Tên	Ngày
<b>Người thực hiện</b>	NDH	13/02/2023
<b>Người soát xét 1:</b>	TKL	14/02/2023
<b>Người soát xét 2:</b>	LTHUY	15/02/2023

<b>Mục tiêu</b>	Tính phân loại hợp lý, ước tính thời gian khấu hao hợp lý Tính chính xác Tính trình bày và thuyết minh
<b>Nguồn</b>	Bảng khấu hao năm 2022
<b>Phương pháp</b>	Kiểm tra khung khấu hao Tính toán lại khấu hao Phân loại TSCĐ

	NG đầu kỳ	KHLK đầu kỳ	GTCL đầu kỳ	PS tăng trong kỳ	PS giảm trong kỳ
<b>TB</b>	185.791.433.230	(131.916.246.714)	46.841.005.445	6.779.244.338	3.195.456.680
<b>PB</b>	185.791.433.233	131.916.246.709	46.841.005.381	6.779.244.337	3.195.456.680
<b>DIFF</b>	(3)	(5)	(64)	(1)	-

	Khấu hao tăng trong kỳ	Khấu hao giảm trong kỳ	NG cuối kỳ	KHLK cuối kỳ	GTCL cuối kỳ
<b>TB</b>	(11.328.671.558)	(2.528.648.841)	182.341.039.817,00	(140.716.269.431)	41.624.770.386
<b>PB</b>	11.570.108.349	(2.770.085.633)	182.341.039.747,00	140.716.269.425	41.624.770.322
<b>DIFF</b>	241.436.791	(241.436.792)	(70)	(6)	(64)

**Nhận xét:** Tính khấu hao chưa chuẩn xác  
**Đơn vị giải trình:** Có tài sản chưa khai báo giảm trên Bảng tính nên còn GTCL

Loại tài sản	Tên tài sản	Ngày đưa vào sử dụng	Dư đầu kỳ 01/01/2021			Thời gian khấu hao
			Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao	Giá trị còn lại	
<b>NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC</b>			<b>39.982.378.570</b>	<b>26.045.119.116</b>	<b>13.937.259.454</b>	
<b>MÁY MÓC, THIẾT BỊ</b>			<b>133.497.521.880</b>	<b>101.903.959.444</b>	<b>31.593.562.436</b>	
<b>PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN</b>			<b>4.510.688.677</b>	<b>3.200.505.186</b>	<b>1.310.183.491</b>	
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Xe nâng	01/08/2002	40.146.950,00	40.146.950,00	-	115,00
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Xe ô tô 16LD - 0882	31/08/2007	394.478.818,00	394.478.818,00	-	96,00
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Xe nâng FD30T3K TK3903 ngày 25/5/2011	01/06/2011	456.425.000,00	456.425.000,00	-	120,00
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Xe ô tô Toyota Fortuner Kun60L-Nkmshu	01/07/2011	874.464.454,00	874.464.454,00	-	96,00
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Xe nâng - cty SuFu	01/11/2015	466.060.000,00	287.403.642,00	178.656.358,00	120,00
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Xe nâng- Cty Su Fu	01/07/2016	473.608.000,00	260.484.378,00	213.123.622,00	120,00
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Xe ô tô Fortuner 7 chỗ	01/08/2017	1.355.505.455,00	748.351.944,00	607.153.511,00	96,00
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Xe nâng FDZN30	01/12/2018	450.000.000,00	138.750.000,00	311.250.000,00	120,00
<b>THIẾT BỊ, DỤNG CỤ QUẢN LÝ</b>			<b>766.662.963</b>	<b>766.662.963</b>	-	
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng đài Panasonic	01/01/2001	39.299.180,00	39.299.180,00		-
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Máy điều hoà (6bộ)	01/07/2001	104.648.750,00	104.648.750,00		-
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Hệ thống máy điều hoà VPX (6 bộ)	01/09/2001	91.599.767,00	91.599.767,00		-
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Máy vi tính Server	31/08/2007	37.122.000,00	37.122.000,00		60,00
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Hệ thống quay Camera	01/02/2010	317.643.266,00	317.643.266,00		36,00
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Hệ thống tủ phòng kế toán	01/02/2010	136.850.000,00	136.850.000,00		60,00
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Máy photocopy MP2501L	01/10/2014	39.500.000,00	39.500.000,00		36,00

Loại tài sản	Tên tài sản	Phát sinh tăng trong kỳ		Phát sinh giảm trong kỳ		Dư cuối kỳ 31/12/2022		
		Nguyên giá tăng	Khấu hao	Nguyên giá giảm	Khấu hao giảm	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
<b>NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC</b>		-	1.789.679.937	-	-	39.982.378.570	27.834.799.053	12.147.579.517
<b>MÁY MÓC, THIẾT BỊ</b>		6.779.244.337	9.472.023.444	441.360.976	1.501.142.361	140.090.342.047	111.375.982.888	28.475.412.282
<b>PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN</b>		-	308.404.968	-	1.268.943.272	4.510.688.677	3.508.910.154	1.001.778.523
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Xe nâng		-			40.146.950	40.146.950	-
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Xe ô tô 16LD - 0882		-		394.478.818	394.478.818	394.478.818	-
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Xe nâng FD30T3K TK3903 ngày 25/5/2011		-			456.425.000	456.425.000	-
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Xe ô tô Toyota Fortuner Kun60L-Nkmshu		-		874.464.454	874.464.454	874.464.454	-
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Xe nâng - cty SuFu		46.605.996			466.060.000	334.009.638	132.050.362
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Xe nâng- Cty Su Fu		47.360.796			473.608.000	307.845.174	165.762.826
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Xe ô tô Fortuner 7 chỗ		169.438.176			1.355.505.455	917.790.120	437.715.335
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Xe nâng FDZN30		45.000.000			450.000.000	183.750.000	266.250.000
<b>THIẾT BỊ, DỤNG CỤ QUẢN LÝ</b>		-	-	-	-	766.662.963	766.662.963	-
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng đài Panasonic					39.299.180,00	39.299.180,00	-
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Máy điều hoà (6bộ)					104.648.750,00	104.648.750,00	-
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Hệ thống máy điều hoà VPX (6 bộ)					91.599.767,00	91.599.767,00	-
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Máy vi tính Server					37.122.000,00	37.122.000,00	-
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Hệ thống quay Camera					317.643.266,00	317.643.266,00	-
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Hệ thống tủ phòng kế toán					136.850.000,00	136.850.000,00	-
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Máy photocopy MP2501L					39.500.000,00	39.500.000,00	-

KTV CHECK								
Tài sản	Nguyên giá đầu kỳ	Khấu hao lũy kế đầu kỳ	Giá trị còn lại đầu kỳ	PS tăng trong kỳ	KH tăng trong kỳ	PS giảm trong kỳ	Khấu hao trong kỳ	Diff
<b>NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC</b>	<b>39.982.378.570</b>	<b>26.045.119.116</b>	<b>13.937.259.454</b>	-	<b>1.789.679.937</b>	-	<b>1.832.841.886</b>	<b>52.050.532</b>
<b>MÁY MÓC, THIẾT BỊ</b>	<b>133.497.521.880</b>	<b>101.903.959.444</b>	<b>31.593.562.436</b>	<b>6.779.244.337</b>	<b>9.472.023.444</b>	<b>1.926.513.408</b>	<b>9.413.152.473</b>	<b>311.394.851</b>
<b>PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN</b>	<b>4.510.688.677</b>	<b>3.200.505.186</b>	<b>1.310.183.491</b>	-	<b>308.404.968</b>	<b>1.268.943.272</b>	<b>308.404.982</b>	<b>14</b>
Xe nâng	40.146.950	40.146.950	-				-	-
Xe ô tô 16LD - 0882	394.478.818	394.478.818	-			394.478.818	-	-
Xe nâng FD30T3K TK3903 ngày 25/5/2011	456.425.000	456.425.000	-				-	-
Xe ô tô Toyota Fortuner Kun60L-NkmsHu	874.464.454	874.464.454	-			874.464.454	-	-
Xe nâng - cty SuFu	466.060.000	287.403.642	178.656.358		46.605.996		46.605.996	4
Xe nâng- Cty Su Fu	473.608.000	260.484.378	213.123.622		47.360.796		47.360.796	4
Xe ô tô Fortuner 7 chỗ	1.355.505.455	748.351.944	607.153.511		169.438.176		169.438.176	6
Xe nâng FDZN30	450.000.000	138.750.000	311.250.000		45.000.000		45.000.000	-

<b>THIẾT BỊ, DỤNG CỤ QUẢN LÝ</b>	<b>766.662.963</b>	<b>766.662.963</b>	-	-	-	-	-
Tổng đài Panasonic	39.299.180,00	39.299.180,00					
Máy điều hoà (6bộ)	104.648.750,00	104.648.750,00					
Hệ thống máy điều hoà VPX (6 bộ)	91.599.767,00	91.599.767,00					
Máy vi tính Server	37.122.000,00	37.122.000,00					
Hệ thống quay Camera	317.643.266,00	317.643.266,00					
Hệ thống tủ phòng kế toán	136.850.000,00	136.850.000,00					
Máy photocopy MP2501L	39.500.000,00	39.500.000,00					

**Bảng 10: WP. D744 - Kiểm tra khấu hao TSCĐ**

**Nguồn: D700 – Phòng Nghiệp vụ, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA**

Thủ tục 5: Thuyết minh TSCĐ theo từng nhóm:

Dựa trên bảng tổng hợp TSCĐ, bảng tính toán lại hao mòn TSCĐ và các bút toán điều chỉnh mà KTV đã đưa ra, phần mềm sẽ tự chạy lên bảng thuyết minh TSCĐ theo từng nhóm. KTV sẽ dựa vào các giá trị TRUE/FALSE đã được link công thức giữa các bảng trong phần hành kiểm toán để kiểm tra lại xem các công việc thực hiện đã đạt yêu cầu hay chưa. Nếu giá trị trả về FALSE KTV sẽ phải kiểm tra lại các nghiệp vụ cũng như các thủ tục trước đó.



Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	
	2111	2112	2113	2114		
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>						
Số dư đầu năm	39.559.688.746	132.921.678.440	4.721.747.537	1.166.896.955	178.370.011.678	TRUE
Tăng	-	6.779.244.338	-	-	6.779.244.338	TRUE
Thanh lý	-	1.926.513.408	1.268.943.272	-	3.195.456.680	TRUE
Số cuối năm	39.559.688.746	137.774.409.370	3.452.804.265	1.166.896.955	181.953.799.336	TRUE
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số đầu năm	25.636.259.311	101.596.618.956	3.143.061.031	1.166.896.955	131.542.836.253	TRUE
Khấu hao trong năm	1.775.849.917	9.230.586.653	308.404.968		11.328.671.558	TRUE
Thanh lý		1.259.705.569	1.268.943.272		2.528.648.841	TRUE
Số cuối năm	27.412.109.228	109.567.500.040	2.182.522.727	1.166.896.955	140.329.028.950	TRUE
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	13.923.429.435	31.325.059.484	1.578.686.506		46.827.175.425	TRUE
Tại ngày cuối năm	12.147.579.518	28.206.909.330	1.270.281.538	-	41.624.770.386	TRUE

**Bảng 11: WP.D740 - Thuyết minh TSCĐ trong kỳ theo từng nhóm**

**Nguồn: D700 – Phòng Nghiệp vụ, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA**

### **2.4.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán:**

Trước khi tiến hành lập báo cáo kiểm toán, KTV phân tích tổng thể BCTC lần cuối của khách hàng nhằm chắc chắn rằng các thông tin được trình bày trên BCTC là phù hợp với hiểu biết của KTV về hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của công ty Chin Huei trong năm tài chính.

Sau khi đã phân tích tổng thể BCTC, KTV tiến hành kiểm tra, soát xét các sự kiện phát sinh có liên quan sau ngày khóa sổ kế toán nhằm khẳng định KTV không bỏ sót bất kỳ sự kiện, nghiệp vụ nào phát sinh sau ngày khóa sổ cần thiết phải trình bày hoặc điều chỉnh.

Đối với công ty Chin Huei, quá trình xem xét cho thấy công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào liên quan gây ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC kết thúc ngày 31/12/2022.

Nhằm mục đích tạo cơ sở cho việc lập Báo cáo kiểm toán và thư quản lý, KTV sẽ tổng hợp chi tiết các vấn đề phát sinh lên bản mềm báo cáo kiểm toán trên excel đã được link các phần làm việc. Bản excel bao gồm đầy đủ tất cả các dữ liệu cần thiết, BCTC của khách hàng đã được điều chỉnh, danh sách các bút toán điều chỉnh có đi kèm giải thích nguyên nhân,... Sau khi Chủ nhiệm kiểm toán soát xét xong bản excel sẽ tiến hành thảo luận với Ban lãnh đạo công ty Chin Huei để xử lý các vấn đề được đưa ra trước khi lập báo cáo kiểm toán. Khi công ty Chin Huei chấp nhận các bút toán điều chỉnh cho những sai phạm đã được phát hiện, sửa đổi BCTC theo ý kiến của KTV, KTV sẽ đưa ra ý kiến “Chấp nhận toàn phần” để khẳng định rằng việc lập BCTC của công ty Chin Huei là trung thực và hợp lý xét trên mọi khía cạnh trọng yếu của BCTC. Báo cáo kiểm toán sẽ được soát xét bởi Chủ nhiệm kiểm toán và Giám đốc chi nhánh để đảm bảo kiểm soát rủi ro và chất lượng kiểm toán.

**CHƯƠNG 3****KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN IPA THỰC HIỆN**

**3.1. Đánh giá thực trạng quy trình kiểm toán tài sản cố định trong kiểm toán báo cáo tài chính do Công ty TNHH Hăng Kiểm toán và Tư vấn IPA thực hiện:**

**3.1.1. Ưu điểm:****3.1.1.1. Tổ chức công tác kiểm toán linh hoạt:**

Một trong những điểm mạnh của Công ty IPA chính là luôn linh hoạt, kịp thời trong việc nhận diện và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc với khách hàng nhờ việc luôn giữ liên lạc với Ban lãnh đạo hai bên để có thể tham khảo ý kiến ngay khi cần.

Công ty thường xuyên giữ liên lạc với khách hàng qua điện thoại, email, mạng xã hội..., tiếp cận nhanh chóng mọi sự thay đổi về phương thức quản lý, vận hành, các chính sách quản lý, chiến lược kinh doanh để từ đó sắp xếp nhân sự và thời gian kiểm toán cho phù hợp. Thông qua việc trao đổi trực tiếp với ban giám đốc công ty khách hàng, ban giám đốc sẽ biết được sơ bộ tình hình biến động tài sản cố định của công ty để có những chỉ đạo sát sao nhất cho nhóm kiểm toán trong việc phân công nhân lực thực hiện, các nghiệp vụ có thể phát sinh rủi ro...

Trao đổi trực tiếp với lãnh đạo công ty khách hàng để nắm bắt được những yêu cầu, nguyện vọng của đối phương từ đó tăng mức độ thỏa mãn về kết quả cuộc kiểm toán mang lại. Ví dụ, công ty khách hàng mong muốn đơn vị soát xét lại việc ghi nhận nguyên giá với những tài sản nhập khẩu theo đúng chuẩn mực kế toán Việt Nam; kiểm tra hồ sơ, chứng từ thanh lý để chuẩn bị chắc chắn cho cuộc kiểm tra thuế sau đó. Sau khi đạt được sự đồng thuận của Giám đốc chi nhánh đơn vị, cuộc kiểm toán sẽ được tăng cường thêm thời gian để tạo điều kiện cho nhóm kiểm toán kiểm tra toàn diện.

Bên cạnh đó, ban giám đốc công ty cũng sẽ trực tiếp giám sát quá trình làm việc của các nhóm kiểm toán, liên tục cập nhật tình hình làm việc của các nhóm để chắc

chấn rằng các nhóm đang làm việc đúng theo thời gian, đúng đối tượng khách hàng và đúng tiến độ công việc theo kế hoạch kiểm toán đề ra. Mọi sự thay đổi, phát sinh trong quá trình làm việc sẽ được ban giám đốc theo dõi, đưa ý kiến chỉ đạo kịp thời để cuộc kiểm toán đạt yêu cầu.

### *3.1.1.2. Phương pháp kiểm toán dựa trên rủi ro:*

Trong những năm gần đây, nhằm đáp ứng được yêu cầu của khách hàng về một BCTC đạt chất lượng kiểm toán cao nhất trong thời gian ngắn nhất, Công ty IPA đã thay đổi từ phương pháp truyền thống sang phương pháp dựa trên rủi ro. Việc thay đổi này mang tính chuyên môn giúp công ty ngày càng tiếp cận gần hơn với nguyện vọng của khách hàng, đồng thời nâng cao tính hiệu quả trong công việc.

Sử dụng phương pháp dựa trên rủi ro giúp tiết kiệm thời gian cuộc kiểm toán, đưa cuộc kiểm toán đi vào đúng trọng tâm. Khi kiểm toán khoản mục TSCĐ, các KTV đã xác định trước những sai sót trọng yếu mà kế toán có thể mắc phải, vì vậy, khi thực hiện thủ tục kiểm tra chi tiết, trợ lý KTV dành nhiều thời gian vào kiểm tra các chứng từ, tính chính xác của các nghiệp vụ được xác định có thể chứa rủi ro từ trước.

### *3.1.1.3. Lưu trữ hồ sơ kiểm toán:*

Hồ sơ kiểm toán được lưu giữ 5 năm đối với mỗi công ty khách hàng. Mỗi hồ sơ của các năm khác nhau sẽ được dán mẫu gáy file khác nhau, lưu trữ ở các khu vực đã được quy định để các KTV dễ dàng tìm lại khi cần thiết. Riêng hồ sơ chung sẽ được để gáy file trắng, cất trên kệ hồ sơ ngay tại văn phòng và lưu trữ lâu hơn để sử dụng trong mỗi cuộc kiểm toán.

Hồ sơ kiểm toán được lưu giữ dưới dạng bản cứng và bản mềm. Bản mềm được scan lên drive của công ty, tuy nhiên các bản hồ sơ này sẽ được phân quyền truy cập. Nếu các KTV cần xem hồ sơ của các năm trước dưới dạng bản mềm thì cần được sự chấp nhận truy cập của Chủ nhiệm kiểm toán. Việc này giúp các thông tin tài chính của khách hàng được bảo mật và thuận tiện trong thời đại công nghệ thông tin hiện nay.

Trong các cuộc kiểm toán, nhóm kiểm toán sẽ phải chủ động mang đầy đủ các tập hồ sơ kiểm toán bản cứng của năm nay, năm trước đó và hồ sơ chung. Đồng thời mang máy in để chủ động trong việc in báo cáo khi cần thiết.

#### *3.1.1.4. Giấy tờ, mẫu biểu kiểm toán sử dụng:*

Phân hành kiểm toán khoản mục TSCĐ là một trong những phân hành đã được Giám đốc công ty xây dựng phần làm việc mẫu, qua đó các nhóm sẽ sử dụng mẫu này áp dụng vào các cuộc kiểm toán năm nay. Mẫu biểu làm việc này được trình bày khoa học, các bảng tổng hợp, thuyết minh được liên kết với các trang tính toán, làm việc của người thực hiện, qua đó nếu người thực hiện lên dữ liệu hết các thủ tục kiểm tra chi tiết thì sẽ lên được các bảng thuyết minh trong phần làm việc. Bên cạnh đó, việc chủ động chia sẻ file kiểm toán cũng giúp chủ nhiệm kiểm toán tiện theo dõi công việc các thành viên nhóm kiểm toán thực hiện, để có thể trực tiếp điều chỉnh nếu như việc phân công công việc chưa hợp lý.

#### *3.1.1.5. Thu thập bằng chứng kiểm toán:*

Yêu cầu thu thập các bằng chứng kiểm toán đối với mỗi phân hành thường được linh hoạt khác nhau do tính trọng yếu của từng khoản mục. Riêng với khoản mục TSCĐ năm 2022, để giảm rủi ro kiểm toán, Ban lãnh đạo thường yêu cầu các trợ lý thu thập 100% hồ sơ các tài sản có biến động tăng/giảm trong năm, hồ sơ các tài sản có phát sinh chênh lệch để KTV có thể xem xét lại trong quá trình soát xét phần làm việc của các trợ lý.

#### *3.1.1.6. Công tác kiểm soát chất lượng:*

Việc kiểm soát chất lượng cuộc kiểm toán được tiến hành chặt chẽ trong và sau mỗi cuộc kiểm toán. Phần làm việc và chi tiết làm việc của các thành viên trong nhóm được cập nhật 30 phút/ lần để tiện giám sát. Mọi phân hành sẽ được thực hiện và soát xét lại từ nhân viên cấp thấp đến cấp cao để đảm bảo không có bất kỳ sai sót hay nhầm lẫn nào trong quá trình làm việc.

Ví dụ: Phân hành kiểm toán TSCĐ của công ty Cổ phần Công nghiệp Nhựa Chín Huei do trợ lý Nguyễn Diệp Hà thực hiện tại công ty trong ngày 13/02/2023, cuối

ngày trưởng nhóm kiểm toán sẽ soát xét lại phần làm việc của trợ lý. Ngày sau đó, dựa trên các phân hành đã được hoàn thiện có liên quan như Thu nhập khác, Chi phí khác... trợ lý sẽ đối chiếu số liệu xem các nghiệp vụ đối ứng có khớp hay không sau đó đánh tham chiếu các phân hành tương ứng. Đồng thời, phần làm việc của trợ lý đã được chia sẻ với Chủ nhiệm kiểm toán và Giám đốc, cho phép ban giám đốc theo dõi mọi sự chỉnh sửa của trợ lý trong phân hành và đưa ra các lưu ý cho Trưởng nhóm và trợ lý. Sau khi kết thúc cuộc kiểm toán, trợ lý vẫn phải hoàn thiện toàn bộ giấy tờ làm việc theo sự soát xét của Trưởng nhóm kiểm toán và ban giám đốc. Việc này tuân thủ quy tắc thận trọng trong kiểm toán, đồng thời đảm bảo chất lượng phần làm việc của trợ lý đạt ở mức cao nhất.

### **3.1.2. Hạn chế:**

Công tác kiểm toán khoản mục TSCĐ nói riêng và kiểm toán BCTC nói chung do Công ty IPA thực hiện có nhiều ưu điểm nhưng vẫn tồn tại một số hạn chế cần tiếp tục hoàn thiện, bổ sung để nâng cao chất lượng kiểm toán, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế. Dưới đây là một số tồn tại cần xem xét:

#### *3.1.2.1. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán:*

##### *❖ Xác định mức rủi ro, trọng yếu:*

Khi lập kế hoạch tổng quát, công ty IPA mới chỉ lập mức trọng yếu chung cho toàn bộ BCTC sau đó phân bổ cho từng khoản mục chứ không lập mức trọng yếu cho từng khoản mục. Do tính chất của mỗi phân hành khác nhau nên rủi ro trong mỗi phân hành cũng sẽ khác nhau, việc không lập mức trọng yếu riêng cho từng phân hành rất dễ bỏ qua các sai sót trọng yếu trong quá trình thực hiện. Vì vậy đòi hỏi KTV cần phải có kinh nghiệm thực tế, trình độ chuyên môn cao để linh hoạt giữa mức trọng yếu thực hiện cũng như mẫu chọn thực tế.

##### *❖ Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng:*

KTV mới chỉ kiểm tra tính nhất quán của chính sách kế toán năm nay với năm trước; kiểm tra sự phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được áp dụng chứ không đi sâu vào đánh giá KSNB của đơn vị. Do hạn chế về thời gian và nhân lực, nhóm kiểm toán chỉ có

thể kiểm tra, lập bảng hỏi, phỏng vấn kế toán việc ghi nhận hoạch toán và phân loại TSCĐ chứ không có thời gian kiểm tra trực tiếp việc hiện hữu của TSCĐ đó, cũng như chính sách, quy chế của đơn vị về việc kiểm soát, sử dụng và vận hành tài sản. Vì vậy, KTV không đánh giá KSNB của công ty về TSCĐ mà chỉ dựa trên phỏng vấn kế toán để hiểu biết thêm về quy chế của khách hàng chứ không đánh giá. Việc này có thể tìm ẩn những rủi ro kiểm toán đáng kể nếu khách hàng có tình không trung thực thông tin.

### *3.1.2.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán:*

#### *❖ Thực hiện kiểm kê:*

Trước mỗi cuộc kiểm toán, công ty thường dựa vào lịch kiểm kê cuối năm của khách hàng để cử nhân viên đến khách hàng chứng kiến kiểm kê khoản mục TSCĐ, tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số bất cập trong việc chứng kiến kiểm kê của đơn vị.

Thứ nhất, nhân viên được cử đi kiểm kê không nằm trong nhóm kiểm toán phụ trách khách hàng đó hoặc không thực hiện kiểm toán khoản mục TSCĐ của khách hàng đó. Điều này khiến cho người phụ trách thực hiện kiểm toán TSCĐ không nắm bắt được hết tình trạng thực tế của TSCĐ mà chỉ kiểm tra trên phương diện tài liệu khách hàng cung cấp.

Thứ hai, nhân viên của Công ty IPA được cử đi kiểm toán hầu hết đều là những thực tập sinh hoặc nhân viên chưa có nhiều kinh nghiệm, chưa có kiến thức hiểu biết về các loại TSCĐ, đặc biệt là máy móc thiết bị có tính chất phức tạp. Vì thế thường dẫn tới tình trạng đó là khi xuống chứng kiến kiểm kê, nhân viên phụ trách của khách hàng chỉ tới tài sản nào thì nhân viên chứng kiến kiểm kê cũng khó có thể xác định được đó có thật sự là loại tài sản có mặt trong biên bản kiểm kê hay không.

Thứ ba, khi chứng kiến kiểm kê, do giới hạn về thời gian, nhân viên Công ty IPA thường sẽ chỉ chứng kiến kiểm kê các tài sản mới mua sắm trong năm tài chính chứ không kiểm kê các tài sản cũ của đơn vị. Vì vậy, KTV khó có thể kiểm soát được tính có thật của việc thanh lý, nhượng bán tài sản trong năm (nếu có) của đơn vị.

Cuối cùng, vì đặc điểm giới hạn về thời gian và nhân lực, Công ty IPA không thể tham gia chứng kiến kiểm kê TSCĐ của tất cả các khách hàng. Tuy nhiên, công ty

không đưa ra ý kiến nhận xét “ ngoại trừ” đối với kiểm kê của khách hàng do sự cam kết trước đó của ban lãnh đạo với khách hàng. Trong khi đó, công ty cũng không thể kiểm soát sâu được KSNB của khách hàng. Việc này dẫn đến một số đơn vị khách hàng không thực hiện kiểm kê cuối niên độ nhưng vẫn dựa vào theo dõi để lập biên bản kiểm kê. KTV sẽ thu thập những biên bản này sử dụng cho cuộc kiểm toán mà không thể đảm bảo những tài sản này thực sự hiện hữu.

❖ Chưa sử dụng ý kiến chuyên gia:

Như đã phân tích ở trên, những thành viên tham gia chứng kiến kiểm kê TSCĐ của Công ty IPA hầu như chưa có nhiều hiểu biết đối với các loại máy móc thiết bị. Trong khi đó, đặc điểm khách hàng của Công ty IPA là trải dài trên nhiều lĩnh vực kinh doanh vậy nên đặc điểm TSCĐ của các khách hàng cũng khác nhau. Việc kiểm tra ước tính thời gian sử dụng hữu ích của công ty hoàn toàn dựa theo phỏng vấn kế toán chứ không thông qua ý kiến chuyên gia. Việc này tiềm ẩn nhiều rủi ro, cả về tính hiện hữu, tính có thật, đánh giá, và chính xác đối với khoản mục.

❖ Chưa áp dụng phần mềm kiểm toán:

Hiện tại, Công ty IPA vẫn chưa sử dụng phần mềm kiểm toán vì vậy việc mất nhiều thời gian hơn cho quy trình kiểm toán là không thể tránh khỏi. Trong thời đại công nghiệp 4.0, việc áp dụng môi trường công nghệ tin học vào công việc kiểm toán là rất cần thiết. Điều này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian, đồng nhất các giấy tờ làm việc, còn giúp KTV dễ dàng hơn mỗi khi cần truy xuất các thông tin kiểm toán phục vụ cuộc kiểm toán.

*3.1.2.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán:*

❖ Việc hoàn thiện phần làm việc:

Mùa kiểm toán 2022, nhân viên Công ty IPA phải làm việc với áp lực thời gian rất lớn. Mỗi cuộc kiểm toán chỉ kéo dài 2-3 ngày với nhân viên thường là 3 người/nhóm. Điều này có nghĩa là các trợ lý sẽ phải hoàn thiện phần làm việc TSCĐ trong thời gian vài tiếng đồng hồ và họ thường phải chạy bảng tính toán lại khấu hao tại nhà để thu xếp kiểm tra chứng từ trong thời gian làm việc tại văn phòng của khách hàng. Vì



thế, rất khó để các trợ lý và KTV có thời gian hoàn thiện tất cả các phần hành kiểm toán mà chỉ kịp chốt số liệu để lên báo cáo. Phần làm việc TSCĐ của công ty Cổ phần Công nghiệp Nhựa Chin Huei đã được hoàn thiện, đưa ra giải thích, ý kiến kết luận và đánh tham chiếu đầy đủ, tuy nhiên ở một số các công ty khách việc đánh tham chiếu và nhận xét vẫn chưa được hoàn thiện do các nhóm kiểm toán không đủ thời gian để thực hiện mà đã phải chuyển sang khách hàng khác. Việc này gây ảnh hưởng khi tiến hành lập Thư quản lý do các ý kiến nhận xét còn sơ sài do đó khó có thể có các tư vấn, nhận xét chi tiết cho khách hàng.

Như vậy, bên cạnh các ưu điểm đạt được, Công ty IPA vẫn còn tồn đọng các hạn chế gây ảnh hưởng tới hiệu quả của cuộc kiểm toán cũng như hoạt động của công ty. Những nhược điểm này cần phải được khắc phục ngay để tránh những rủi ro tiềm ẩn có thể gây hậu quả không cần thiết.

### ***3.2. Giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán Tài sản cố định trong kiểm toán Báo cáo tài chính do Công ty TNHH Hăng Kiểm toán và Tư vấn IPA thực hiện***

#### **3.2.1. Giải pháp về nguồn nhân lực:**

Công ty IPA đang phải đối mặt với việc thiếu hụt nhân sự một cách trầm trọng. Nhân sự quá thiếu khiến cho một nhân viên phải cáng đáng công việc với áp lực rất lớn. Mặc dù công ty không ngừng tuyển dụng thêm nhân sự mới nhưng với áp lực công việc lớn như vậy, rất nhiều nhân viên mới phải nghỉ việc khi mới đi làm được ít ngày. Vòng xoay nhân quả của việc thiếu nhân viên và áp lực công việc khiến cho việc tuyển dụng của công ty không hiệu quả. Vì vậy, em xin đề xuất một vài ý kiến:

Thứ nhất, tuyển dụng nhân lực tập trung. Công ty IPA nên tuyển dụng nhân sự với số lượng lớn nhân viên và thực tập sinh trước khi vào mùa kiểm toán khoảng 03 tháng. Tận dụng khoảng thời gian chưa vào mùa này, công ty nên để các nhân viên học việc bằng cách tham gia các nhóm tư vấn, kiểm toán soát xét để nhân viên làm quen dần với công việc. Một nhóm nên có tầm 3-4 thành viên để giảm áp lực công việc xuống.

Thứ hai, tổ chức đào tạo tập trung. Bên cạnh việc cho nhân viên học việc tham gia trực tiếp vào các nhóm, công ty cần tổ chức các lớp đào tạo thao tác từng phần hành kiểm toán vào mỗi ngày thứ 07 hàng tuần. Việc này là cần thiết để tránh khi vào mỗi cuộc kiểm toán rồi nhưng các trợ lý mới không biết nên bắt đầu công việc từ đâu, như thế nào.

Thứ ba, có phụ cấp học việc và thử việc cho nhân viên mới. Việc động viên bằng vật chất và tinh thần này sẽ giúp các nhân viên mới có động lực phấn đấu, học tập và làm việc hơn.

Cuối cùng, bên cạnh các chính sách để chiêu mộ nhân viên mới, công ty cũng nên quan tâm hơn nữa tới các nhân viên cũ. Họ phải gánh vác một khối lượng lớn công việc trong thời gian dài mà không được nghỉ ngơi nhiều. Vì vậy, ngay khi kết thúc mùa kiểm toán, công ty nên có các cách thức động viên kịp thời như: Thưởng nóng bằng vật chất, tổ chức tham quan du lịch, cho nhân viên nghỉ phép bù với số ngày phép họ xứng đáng được hưởng trong mùa...

### **3.2.2. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán:**

#### *3.2.2.1. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng:*

Để tìm hiểu và mô tả về KSNB của khách hàng, Công ty IPA sử dụng các mẫu bảng câu hỏi chung cho tất cả các khách hàng để tìm hiểu về KSNB. Tuy nhiên, Công ty IPA mới chỉ lập mẫu báo cáo đánh giá về khoản mục Hàng tồn kho chứ chưa có mẫu riêng tìm hiểu về TSCĐ. Đồng thời, các mẫu câu hỏi này được áp dụng chung trong khi đặc điểm kinh doanh của các khách hàng khác nhau thì hệ thống KSNB của khách hàng cũng khác nhau.

Vì vậy, Công ty IPA không những nên có thêm mẫu câu hỏi điều tra về KSNB đối với khoản mục TSCĐ mà còn cần linh hoạt trong những mẫu câu hỏi sử dụng. Ví dụ, cần thêm các câu hỏi mở và chỗ trống để người thực hiện có thể đặt thêm các câu hỏi cần thiết chứ không nên chỉ áp dụng các câu hỏi dạng đóng. Việc này giúp cho người phụ trách thực hiện có thể đặt câu hỏi về các vấn đề KSNB mà mình thắc mắc

sát với thực tế, đặc điểm của khách hàng hơn, cũng là cách Công ty IPA hiểu rõ hơn về KSNB của khách hàng.

### 3.2.2.2. *Đánh giá trọng yếu và rủi ro:*

Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 300, KTV phải “*Xác định mức trọng yếu cho từng khoản mục*”. Tuy nhiên, Công ty IPA mới chỉ xác lập mức trọng yếu cho toàn bộ BCTC mà chưa tính toán phân bổ mức trọng yếu khác nhau cho từng khoản mục. Điều này gây khó khăn cho các KTV, đặc biệt là các trợ lý KTV trong việc chọn mẫu để kiểm tra. Đối với các KTV có kinh nghiệm lâu năm, họ nắm bắt được tính chất từng khoản mục và đặc điểm từng khách hàng vì vậy họ có thể chọn mẫu để đảm bảo không bỏ qua các sai sót trọng yếu. Tuy nhiên đối với các trợ lý mới, họ phải dựa trên mức trọng yếu và mức sai sót không đáng kể có thể bỏ qua để tiến hành kiểm tra và đưa ra các bút toán điều chỉnh phù hợp. Nhất là các TSCĐ thường có biến động lớn, việc chọn mẫu không đầy đủ sẽ tiềm ẩn những rủi ro kiểm toán cao. Mặc dù, riêng đối với khoản mục TSCĐ, Công ty IPA yêu cầu nhân viên chọn mẫu 100% phát sinh tăng giảm để kiểm tra, việc này giúp kiểm soát được các rủi ro một cách cao nhất nhưng mất nhiều thời gian trong khi thời gian của mỗi cuộc kiểm toán đều rất hạn chế. Vì vậy, Công ty IPA nên phân bổ mức trọng yếu khác cho từng khoản mục khác nhau và các loại hình khách hàng khác nhau. Đồng thời, nên tổ chức các lớp đào tạo cho nhân viên về ngưỡng sai sót chấp nhận được, cỡ mẫu thực tế và khoảng cách mẫu đối với các khoản mục khác nhau để nhân viên linh hoạt trong chọn mẫu kiểm tra.

### 3.2.3. **Giai đoạn thực hiện kiểm toán:**

#### 3.2.1. *Hoàn thiện thủ tục kiểm kê khi thực hiện kiểm toán:*

Trong trường hợp công ty có cử nhân viên tham gia chứng kiến kiểm kê tại công ty khách hàng thì nên căn cứ vào kế hoạch kiểm toán để cử nhân viên trực tiếp tham gia vào đoàn kiểm toán tới chứng kiến việc kiểm kê của khách hàng.

Đồng thời, nếu công ty không thể cử nhân viên tới chứng kiến kiểm kê thì cần chú trọng vào việc đánh giá KSNB của công ty hoặc tranh thủ thời gian kiểm toán, bố trí nhân viên xuống kiểm tra tính hiện hữu, có thật của TSCĐ.

Đối với biên bản kiểm kê, ngoài việc đánh dấu việc hiện hữu của tài sản, người chứng kiến kiểm kê nên chú thích rõ ràng tình trạng của tài sản cũng như việc quản lý, kiểm soát của khách hàng đối với tài sản đó để khi thực hiện kiểm toán có thể nắm rõ tình trạng của tài sản hơn từ đó đưa ra sự điều chỉnh, phân loại cho phù hợp.

### 3.2.2. *Sử dụng ý kiến chuyên gia:*

TSCĐ là một khoản mục trọng yếu, có giá trị rất lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp không chỉ trong một kỳ mà trong nhiều kỳ kế toán. Vì thế, kiểm toán khoản mục TSCĐ cũng đóng một vai trò đặc biệt, ảnh hưởng lớn tới tính trung thực hợp lý của toàn BCTC trong suốt những năm sử dụng tài sản đó. Để có được sự chuẩn xác trong việc đưa ra ý kiến đánh giá, KTV buộc phải có những hiểu biết chính xác về các loại TSCĐ này. Tuy nhiên, cả thời gian và nhân lực của mỗi cuộc kiểm toán đều có giới hạn, KTV khó có thời gian nghiên cứu về tất cả các loại TSCĐ của mỗi doanh nghiệp. Vì thế, để vừa đảm bảo về chất lượng kiểm toán, vừa tiết kiệm thời gian thì việc sử dụng ý kiến chuyên gia am hiểu về TSCĐ đặc thù là thực sự cần thiết. Ví dụ, trong cuộc kiểm toán một công ty, trợ lý được chứng kiến kiểm kê một loại tài sản theo danh sách nhưng thực tế tài sản được nhân viên của khách hàng chỉ không phải là theo như danh sách. Vì trợ lý của công ty đã từng học về đặc điểm khác nhau giữa các thiết bị này nên mới nhận biết được đó không phải là tài sản trong danh sách. Đổi lại, nếu hôm kiểm kê không phải trợ lý KTV này mà là một trợ lý khác thì đã xảy ra rủi ro.

Vì vậy, trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán, Công ty IPA nên căn cứ vào lưu ý của các cuộc kiểm kê những năm trước cùng với mức độ phức tạp của khoản mục TSCĐ của mỗi khách hàng để quyết định có nên sử dụng ý kiến chuyên gia hay không. Nếu phải sử dụng, công ty sẽ phải dự tính chi phí cho việc sử dụng chuyên gia vào chi phí kiểm toán chung.

### *3.2.3. Sử dụng phần mềm kiểm toán:*

Hiện nay, các công ty kiểm toán lớn đang dần thay thế các thủ tục kiểm toán thủ công bằng excel bằng các phần mềm kiểm toán như AS/2 hay EMS để phù hợp với việc ứng dụng môi trường tin học vào công tác kiểm toán ngày nay. Việc ứng dụng các phần mềm kiểm toán này không những làm tăng hiệu quả công việc mà giúp tiết kiệm được nhiều thời gian. Mọi giấy tờ làm việc đều được đồng nhất một cách khoa học, việc phân tích, nhận diện, ước tính rủi ro đều được thực hiện bài bản, đáng tin cậy hơn và giúp kiểm toán viên hoàn thành khối lượng công việc một cách dễ dàng hơn.

### **3.2.4. Giai đoạn kết thúc kiểm toán:**

#### *3.2.4.1. Hoàn thiện phần làm việc:*

Sau khi kết thúc kiểm toán, các nhóm kiểm toán cần phải hoàn thiện phần làm việc của mình càng sớm càng tốt chứ không phải sau mùa kiểm toán mới tiến hành hoàn thiện. Muốn được như vậy, công ty cần phải tăng cường công tác tuyển dụng nhân viên, có chế độ đãi ngộ tốt như tăng thưởng làm thêm giờ đối với các nhân viên ở lại làm ca tối và chủ nhật, thêm thời gian và nhân viên cho các cuộc kiểm toán để tránh tình trạng một nhân viên phải làm nhiều phần hành trong thời gian ngắn, khó có thể hoàn thiện phần làm việc sớm. Đồng thời, với mỗi bút toán điều chỉnh cần phải ghi chú rõ nguyên nhân, tham chiếu đầy đủ tài liệu bằng chứng để tiện cho Chủ nhiệm kiểm toán soát xét và thảo luận, thống nhất với khách hàng.

Trên đây là một vài giải pháp em đưa ra dựa trên kinh nghiệm quan sát, học hỏi được trong thời gian thực tập tại Công ty IPA. Đây có thể chưa phải là những giải pháp toàn diện và hiệu quả nhất, nhưng hi vọng có thể giúp công ty khắc phục phần nào đó những vấn đề đang gặp phải.

### ***3.3. Kiến nghị thực hiện:***

#### **3.3.1. Đối với Nhà nước:**

Trong thời gian qua, Bộ Tài chính và các ban ngành đứng đầu Nhà nước đã rất chú trọng trong việc tạo ra khung pháp lý để Kiểm toán độc lập phát triển ngày một

vững mạnh. Tuy nhiên, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam so với chuẩn mực kiểm toán quốc tế vẫn còn nhiều thiếu sót, chưa toàn diện. Trong khi đó, Việt Nam đang vươn mình ra thế giới, có rất nhiều các doanh nghiệp nước ngoài đang tiến dần vào Việt Nam để đầu tư phát triển, việc chuyển giao máy móc thiết bị, công nghệ kỹ thuật đang ngày càng được đẩy mạnh. Vì vậy, đòi hỏi các chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam phải vừa phù hợp với các thông lệ, chuẩn mực quốc tế, vừa phù hợp với đặc điểm văn hóa, thực trạng kinh tế nước ta. Để làm được điều này, kiến nghị các Bộ, Ban, Ngành có thẩm quyền quan tâm hơn nữa tới việc sửa đổi, bổ sung chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, đặc biệt về vấn đề kiểm toán khoản mục TSCĐ do sự phát triển không ngừng của khoa học kỹ thuật, máy móc thiết bị ngày một tân tiến hiện nay để các công ty kiểm toán Việt Nam được đảm bảo làm việc dưới khung pháp lý chắc chắn và phù hợp hơn. Bên cạnh đó, Nhà nước nên ban hành các quy phạm pháp luật quy định rõ cách thức quản lý, kiểm soát, phân loại TSCĐ, phương thức tính khấu hao đối với các loại hình doanh nghiệp các nhau, quy chuẩn chung về phương pháp kiểm toán đối với các loại TSCĐ để các doanh nghiệp và các công ty kiểm toán kiểm soát dễ dàng hơn.

### **3.3.2. Đối với hiệp hội nghề nghiệp:**

Việc kiểm soát chất lượng kiểm toán là vô cùng cần thiết đối với tất cả các công ty kiểm toán chứ không riêng đối với Công ty IPA. Hiện nay, cơ chế thị trường đang dần len lỏi vào từng khía cạnh của cuộc sống và các công ty kiểm toán độc lập không tránh khỏi điều này. Một số công ty đang bắt đầu chạy theo yêu cầu của khách hàng mà bỏ qua các quy trình kiểm soát chất lượng BCTC thông thường. Muốn chất lượng kiểm toán được nâng cao thì kiểm soát từ phương pháp, quy trình kiểm toán là rất cần thiết. Để giải quyết vấn đề này, hiệp hội nghề nghiệp cần có một số phương án:

- Trực tiếp chỉ đạo thanh tra tình hình tài chính, việc tuân thủ quy trình kiểm toán của các công ty kiểm toán, hiệp hội nghề nghiệp.

- Cần tích cực tham gia vào việc xây dựng và hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ, xây dựng mẫu biểu, giấy tờ làm việc thống nhất giữa các công ty kiểm toán để dễ dàng kiểm soát chất lượng làm việc của các công ty.
- Tổ chức các cuộc gặp mặt, trao đổi trực tiếp với các lãnh đạo các công ty trong ngành, lắng nghe ý kiến đóng góp, khó khăn mà các KTV gặp phải trong quá trình trực tiếp làm việc để rút kinh nghiệm, đổi mới và ngày một hoàn thiện công tác kiểm toán TSCĐ hơn.

### **3.3.3. Đối với Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA:**

Để các giải pháp trên được thực hiện, Công ty IPA cần phải có đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn tốt, đồng đều, chương trình kiểm toán và hệ thống bảng biểu mẫu giấy tờ làm việc phải đồng bộ, khoa học:

- Cần xây dựng một quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ chặt chẽ, có kế hoạch phân công công việc đúng với năng lực chuyên môn, trình độ của người thực hiện. Với những khách hàng có khoản mục TSCĐ có tính phức tạp, biến động tài sản trong kỳ kế toán nhiều như các khách hàng thuộc lĩnh vực vận tải, xây dựng cơ bản... thì nên phân công cho các trợ lý có kinh nghiệm làm việc lâu năm thay vì phân công cho các trợ lý mới vào.
- Trao đổi trực tiếp với khách hàng về tình hình biến động TSCĐ trong năm trước mỗi cuộc kiểm toán để lên kế hoạch kiểm toán cụ thể, chi tiết hơn.
- Thường xuyên cập nhật thông tin, nắm bắt các thông tin, kiến thức, văn bản, quy định mới của Nhà nước ban hành về kế toán, kiểm toán và lĩnh vực liên quan.
- Phải thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, nhất là đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên mới ít nhất 1 tháng/1 lần. Tập chung hướng dẫn, giải thích, cho nhân viên thực hành lên phần hành kiểm toán TSCĐ, nguyên lý chạy bảng tính khấu hao trước mùa kiểm toán để nâng cao hiệu quả làm việc khi vào mùa.
- Tạo môi trường làm việc lành mạnh, có các phần thưởng động viên kịp thời cho nhân viên, nhất là trong mùa kiểm toán. Đồng thời, có các chính sách quan

tâm tới đời sống sức khỏe, vui chơi giải trí của nhân viên để đảm bảo nhân viên có sức khỏe tốt, công tác tốt. Ví dụ như tổ chức các buổi liên hoan khen thưởng, du lịch ngắn ngày cho nhân viên trước và sau mùa kiểm toán, soát xét, tạo điều kiện cho nhân viên được nghỉ vào ngày chủ nhật trong mùa kiểm toán, tránh tình trạng nhân viên phải làm việc căng thẳng, áp lực xuyên suốt 3 tháng kiểm toán mà không được nghỉ ngơi đầy đủ.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tuyển dụng nhân viên mới qua các kênh tuyển dụng trực tuyến như internet, báo chí... Đồng thời, tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp đỡ các nhân viên mới trong quá trình học việc, thử việc để các nhân viên có thể gắn bó lâu dài với công ty.

#### **3.3.4. Đối với kiểm toán viên:**

Trong bất kỳ cuộc kiểm toán nào, nhân lực luôn đóng vai trò chủ đạo quyết định kết quả của cuộc kiểm toán. Vì vậy, để cuộc kiểm toán đạt được kết quả tốt nhất, theo kịp được trình độ của các nước khác trên thế giới, bản thân người kiểm toán viên, trợ kiểm toán viên phải tự bản thân không ngừng trau dồi hoàn thiện mình bằng các cách:

- Thường xuyên tự giác cập nhật những quy định, quy chế mới liên quan tới chuyên môn nghề nghiệp để áp dụng, đưa ra những điều chỉnh phù hợp cho khách hàng.
- Tham gia các lớp đào tạo để cập nhật, củng cố lại kiến thức chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.
- Đọc kỹ các văn bản hướng dẫn về kiểm toán TSCĐ, đưa ra các lưu ý riêng về các sai sót về phân hành kiểm toán TSCĐ mà khách hàng hay gặp sau mỗi cuộc kiểm toán để người làm việc những năm sau lưu ý.
- Có thái độ, đạo đức nghề nghiệp đúng với quy định, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp gồm: “Độc lập, khách quan, chính trực, tính bảo mật, năng lực chuyên môn và tính thận trọng, tư cách nghề nghiệp và tuân thủ chuẩn mực chuyên môn.”



## KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ những trình bày của em về đề tài “Hoàn thiện quy trình kiểm toán Tài sản cố định trong kiểm toán Báo cáo tài chính do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA thực hiện”

Thời gian học tập trên trường và thực tập tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA đã trang bị cho em thêm nhiều kiến thức và tình yêu với nghề nghiệp em đang theo đuổi. Nếu như kiến thức học được trên trường là cơ sở, là gốc rễ của sự hiểu biết thì thời gian thực tập lại giúp em có cơ hội áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế.

Kết hợp giữa kiến thức đã học và ít kinh nghiệm trong quá trình thực tập, em đã có cho mình cái nhìn cụ thể về quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định. Mặc dù các nghiệp vụ phát sinh liên quan tới Tài sản cố định trong một năm tài chính không nhiều nhưng những biến động liên quan tới nó đều có giá trị lớn và thường tiềm ẩn các sai sót trọng yếu. Em đã học và trực tiếp thực hiện các thủ tục từ cơ bản cho đến chi tiết để có thể đưa ra các bút toán điều chỉnh mỗi khi có những chênh lệch đáng kể. Mỗi một cuộc kiểm toán khác nhau, các vấn đề phát sinh lại khác nhau, điều này có nghĩa là em lại học thêm một điều mới liên quan đến kiểm toán khoản mục Tài sản cố định. Kiến thức là vô tận, phải trực tiếp thực hiện thì mới có thể tích lũy tri thức một cách đúng nghĩa, mới có thể ngày càng hoàn thiện quy trình kiểm toán Tài sản cố định.

Do hạn chế rất nhiều về mặt thời gian thực hiện cũng như kinh nghiệm, bài viết không thể tránh khỏi những hạn chế, em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các thầy, cô giáo cũng như của các anh chị kiểm toán viên để khóa luận tốt nghiệp được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn Giảng viên – ThS. Phạm Thị Kim Oanh, các thầy cô giáo trong khoa Kế toán - Kiểm toán cùng các anh chị trong Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA trong suốt thời gian thực tập vừa qua đã nhiệt tình giúp đỡ, hướng dẫn, chỉ bảo em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS
2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Quốc tế IFRS
3. Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 – Tài sản cố định hữu hình
4. Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 – Tài sản cố định vô hình
5. Thông tư số 45/2013/ TT-BTC – Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định
6. Thông tư 200/2014/TT-BTC – Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp
7. Thông tư 8/2021/TT-BTC - Ban hành Chuẩn mực Kiểm toán nội bộ Việt Nam và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp Kiểm toán nội bộ
8. Giáo trình Kế toán tài chính – Học viện Ngân hàng – Nhà xuất bản Dân trí – 2012
9. Giáo trình Lý thuyết kiểm toán – Học viện tài chính – Nhà xuất bản tài chính – 2009
10. Giáo trình Kế toán tài chính – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân – Nhà xuất bản Kinh tế Quốc dân – 2020

**PHỤ LỤC**

**1. Phụ lục 1: Khung thời gian trích khấu hao các loại Tài sản cố định:**

Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/ 04/2013 của Bộ Tài chính

<b>Danh mục các nhóm tài sản cố định</b>	<b>Thời gian trích khấu hao tối thiểu (năm)</b>	<b>Thời gian trích khấu hao tối đa (năm)</b>
<b>A - Máy móc, thiết bị động lực</b>		
1. Máy phát động lực	8	15
2. Máy phát điện, thủy điện, nhiệt điện, phong điện, hỗn hợp khí.	7	20
3. Máy biến áp và thiết bị nguồn điện	7	15
4. Máy móc, thiết bị động lực khác	6	15
<b>B - Máy móc, thiết bị công tác</b>		
1. Máy công cụ	7	15
2. Máy móc thiết bị dùng trong ngành khai khoáng	5	15
3. Máy kéo	6	15
4. Máy dùng cho nông, lâm nghiệp	6	15
5. Máy bơm nước và xăng dầu	6	15
6. Thiết bị luyện kim, gia công bề mặt chống gỉ và ăn mòn kim loại	7	15
7. Thiết bị chuyên dùng sản xuất các loại hoá chất	6	15
8. Máy móc, thiết bị chuyên dùng sản xuất vật liệu xây dựng, đồ sành sứ, thủy tinh	10	20
9. Thiết bị chuyên dùng sản xuất các linh kiện và điện tử, quang học, cơ khí chính xác	5	15
10. Máy móc, thiết bị dùng trong các ngành sản xuất da, in văn phòng phẩm và văn hoá phẩm	7	15

11. Máy móc, thiết bị dùng trong ngành dệt	10	15
12. Máy móc, thiết bị dùng trong ngành may mặc	5	10
13. Máy móc, thiết bị dùng trong ngành giấy	5	15
14. Máy móc, thiết bị sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm	7	15
15. Máy móc, thiết bị điện ảnh, y tế	6	15
16. Máy móc, thiết bị viễn thông, thông tin, điện tử, tin học và truyền hình	3	15
17. Máy móc, thiết bị sản xuất dược phẩm	6	10
18. Máy móc, thiết bị công tác khác	5	12
19. Máy móc, thiết bị dùng trong ngành lọc hoá dầu	10	20
20. Máy móc, thiết bị dùng trong thăm dò khai thác dầu khí.	7	10
21. Máy móc thiết bị xây dựng	8	15
22. Cầu cầu	10	20
<b>C - Dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm</b>		
1. Thiết bị đo lường, thử nghiệm các đại lượng cơ học, âm học và nhiệt học	5	10
2. Thiết bị quang học và quang phổ	6	10
3. Thiết bị điện và điện tử	5	10
4. Thiết bị đo và phân tích lý hoá	6	10
5. Thiết bị và dụng cụ đo phóng xạ	6	10
6. Thiết bị chuyên ngành đặc biệt	5	10
7. Các thiết bị đo lường, thí nghiệm khác	6	10
8. Khuôn mẫu dùng trong công nghiệp đúc	2	5
<b>D - Thiết bị và phương tiện vận tải</b>		
1. Phương tiện vận tải đường bộ	6	10

2. Phương tiện vận tải đường sắt	7	15
3. Phương tiện vận tải đường thủy	7	15
4. Phương tiện vận tải đường không	8	20
5. Thiết bị vận chuyển đường ống	10	30
6. Phương tiện bốc dỡ, nâng hàng	6	10
7. Thiết bị và phương tiện vận tải khác	6	10
<b>E - Dụng cụ quản lý</b>		
1. Thiết bị tính toán, đo lường	5	8
2. Máy móc, thiết bị thông tin, điện tử và phần mềm tin học phục vụ quản lý	3	8
3. Phương tiện và dụng cụ quản lý khác	5	10
<b>G - Nhà cửa, vật kiến trúc</b>		
1. Nhà cửa loại kiên cố.	25	50
2. Nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn giữa ca, nhà vệ sinh, nhà thay quần áo, nhà để xe...	6	25
3. Nhà cửa khác.	6	25
4. Kho chứa, bể chứa; cầu, đường, đường băng sân bay; bãi đỗ, sân phơi...	5	20
5. Kè, đập, cống, kênh, mương máng.	6	30
6. Bến cảng, ụ triền đà...	10	40
7. Các vật kiến trúc khác	5	10
<b>H - Súc vật, vườn cây lâu năm</b>		
1. Các loại súc vật	4	15
2. Vườn cây công nghiệp, vườn cây ăn quả, vườn cây lâu năm.	6	40
3. Thảm cỏ, thảm cây xanh.	2	8

<b>I - Các loại tài sản cố định hữu hình khác chưa quy định trong các nhóm trên.</b>	4	25
<b>K - Tài sản cố định vô hình khác.</b>	2	20

**2. Phụ lục 2: Một số giấy tờ làm việc (WP) khác của kiểm toán viên:**

**CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN IPA**  
**Kỳ kế toán: Kỳ kế toán tại ngày 31/12/2022**  
**Tài khoản: TSCĐ**  
**Nội dung: Kiểm tra chính sách**  
**WP: D720**

	Tên	Ngày
<b>Người thực hiện</b>	NDH	13/02/2023
<b>Người soát xét 1:</b>	TKL	14/02/2023
<b>Người soát xét 2:</b>	LTHUY	15/02/2023

**Mục tiêu:** Tìm hiểu đặc điểm tài khoản và chính sách kế toán.

**Nguồn số liệu:** Kiểm tra các chính sách kế toán áp dụng có nhất quán với năm trước và có phù hợp với quy định hay không?

**Bước công việc:** Đặc điểm tài khoản, chính sách kế toán

Nội dung	Ref
<p><b>TK 211-Tài sản cố định hữu hình</b>  <b>Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.</b>                      Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.                      Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. (nếu áp dụng)</p> <p><b>TK 213: Tài sản cố định vô hình</b>                      Quyền sử dụng đất                      Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. (Phần này chỉ có ý nghĩa mô tả)</p> <p><b>Trình bày trên BCTC</b>                      - Tài sản cố định được trình bày trên Bảng cân đối kế toán - MS 220</p> <p><b>Kết luận:</b>                      Chính sách kế toán áp dụng nhất quán với năm trước.                      Tài sản cố định được hạch toán phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán DN hiện hành và được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán đúng quy định.</p>	

**Bảng 12: WP.D720 – Kiểm tra chính sách**

**Nguồn: D700 – Phòng Nghiệp vụ, Công ty TNHH Hăng Kiểm toán và Tư vấn IPA**



**CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN IPA****Kỳ kế toán: Kỳ kế toán tại ngày 31/12/2022****Tài khoản: TSCĐ****Nội dung: Kiểm kê tài sản****WP: D745**

	Tên	Ngày
<b>Người thực hiện</b>	NDH	13/02/2023
<b>Người soát xét 1:</b>	TKL	14/02/2023
<b>Người soát xét 2:</b>	LTHUY	15/02/2023

<b>Mục tiêu</b>	TSCĐ là có thật
<b>Nguồn gốc số liệu</b>	- Thu thập BBKK TSCĐ tại thời điểm ngày 31/12/2022 - Đối chiếu số liệu trên BBKK với sổ sách kế toán
<b>Công việc thực hiện:</b>	- Kiểm toán viên không tham gia chứng kiến kiểm kê TSCĐ tại thời điểm ngày 31/12/2022 - Kiểm toán viên quan sát TSCĐ tại ngày kiểm toán, lập biên bản kiểm tra - Thu thập biên bản kiểm kê của DN tại thời điểm ngày 31/12/2022

Loại TS	Mã Tài sản	Tên tài sản	Ngày đưa vào sử dụng	Nguyên giá TSCĐ	Số lượng	Thực tế	DIF
Nhà cửa, kiến trúc	ANC01	Nhà xưởng I	01/01/2001	3.860.054.082,00	1	1	-
Nhà cửa, kiến trúc	ANC69	Công trình sàn cấp liệu xưởng 1+2	01/11/2017	1.035.066.057,00	1	1	-
Nhà cửa, kiến trúc	ANC80	Hệ thống Phòng cháy chữa cháy	01/01/2021	3.640.588.000,00	1	1	-
Máy móc, thiết bị	MMTB467	Máy đùn nhựa 80 TK 6805, 6808 N11/10/13	01/11/2013	2.597.625.375,00	1	1	-
Máy móc, thiết bị	MMTB550	Máy trộn CW-500L, TK101032794330, 12/9/16	01/10/2016	1.999.179.060,00	1	1	-
Máy móc, thiết bị	MMTB617	Máy trộn nguyên liệu 500L, TK102718467461, T6/19	01/07/2019	2.451.380.120,00	1	1	-
Máy móc, thiết bị	MMTB660	Máy in YC-C2772105,380V,TK104340993260,T11/21	01/12/2021	1.526.393.559,00	1	1	-
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	PTVT016	Xe ô tô Fortuner 7 chỗ	01/08/2017	1.355.505.455,00	1	1	-

**Bảng 13: WP.D745 – Kiểm kê tài sản****Nguồn: D700 – Phòng Nghiệp vụ, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn IPA**